

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ NAM

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH HÀ NAM**

**TẬP I
1927 - 1975**

PC. 30/1

XUẤT BẢN THÁNG 10 NĂM 2000

LỜI GIỚI THIỆU

Trong lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước, nhân dân Hà Nam đã có những đóng góp xứng đáng vào chiến công chung của toàn dân tộc. Mảnh đất giàu truyền thống văn hiến nơi đây đã sinh ra nhiều võ tướng, danh nhân như Trần Bình Trọng, Đinh Công Tráng, Đê Yêm, Lê Tung, Nguyễn Khuyến... Những truyền thống đó lại được phát huy mạnh mẽ khi Đảng ta ra đời lãnh đạo cuộc đấu tranh chống đế quốc thực dân phong kiến, giành độc lập cho dân tộc, đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Đảng bộ Hà Nam tự hào là một trong những Đảng bộ được thành lập rất sớm, ngay sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và liền sau đó đã lãnh đạo quần chúng nông dân đứng lên “nổi trống Bô Đê” vào ngày 20-10-1930 lịch sử.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng đầy hy sinh gian khổ, nhiều người con ưu tú của quê hương Hà Nam đã trở thành những đảng viên Cộng sản kiên cường, sẵn sàng hiến dâng đời mình cho lý tưởng cách mạng, như các đồng chí Nguyễn Hữu Tiến, Lương Khánh Thiện, Lê Hồ... và các anh hùng, liệt sĩ trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Trong hòa bình xây dựng, nhân dân Hà Nam đã lập nên nhiều thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất; là quê hương của phong trào thi đua “Hai tốt” với trường Bắc Lý hai lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng.

Truyền thống yêu nước cách mạng kiên trung, tinh thần đấu tranh anh dũng của các thế hệ cán bộ, đảng viên và quần chúng ưu tú để lại những tấm gương sáng, những bài học quý cho Đảng bộ và nhân dân ta phát huy trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhằm giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, ngày 13-4-1999 Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo, Ban biên tập, biên soạn cuốn "**Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam, tập I (1927 - 1975)**". Kế thừa những kết quả nghiên cứu, biên soạn trước đây, được sự giúp đỡ của Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ quan lưu trữ ở Trung ương và địa phương, những ý kiến đóng góp quý báu của các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ chủ chốt của tỉnh qua các thời kỳ..., đến nay cuốn "**Lịch sử Đảng bộ Hà Nam, tập I (1927 - 1975)**" đã hoàn thành.

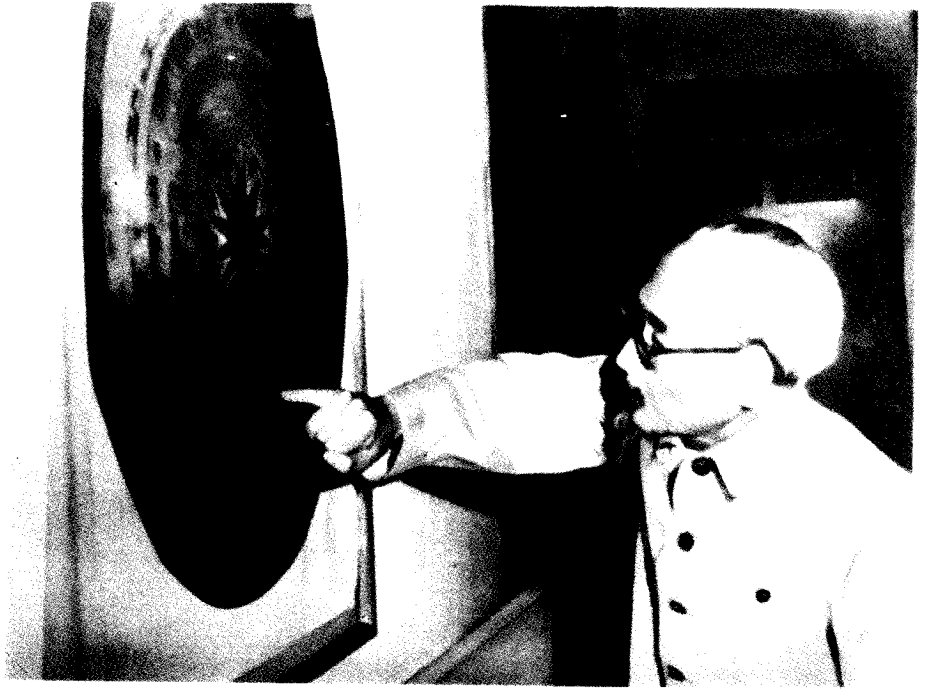
Mặc dù Ban biên tập, biên soạn đã có rất nhiều cố gắng trong công tác nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn, song dừng trước nhiệm vụ to lớn và khó khăn nhằm tái hiện một giai đoạn lịch sử rất phong phú và hào hùng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà, chắc chắn không tránh khỏi còn có những hạn chế và thiếu sót.

Xin chân thành cảm ơn các cơ quan, các đồng chí đã nhiệt tình tham gia đóng góp ý kiến để cuốn **Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam tập I** ra đời và mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ, đảng viên và nhân dân để khi tái bản cuốn sách chất lượng được tốt hơn.

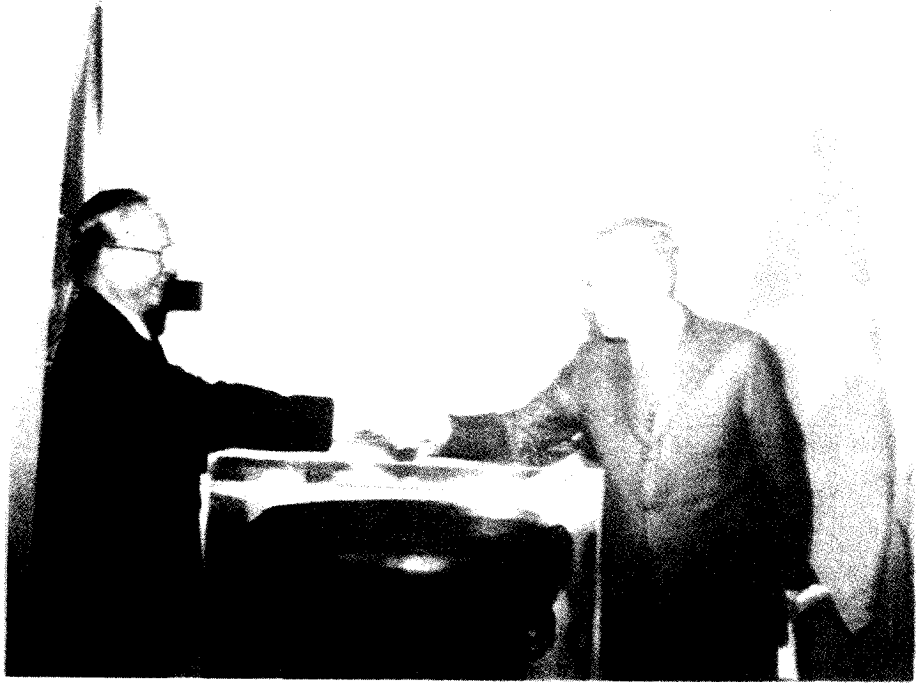
Cuốn "**Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam, tập I (1927 - 1975)**" ra đời nhân dịp Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XVI mang nhiều ý nghĩa; là biểu tượng của lòng tự hào và biết ơn của những người đang sống đối với tất cả những người đã hy sinh cho lý tưởng của Đảng quang vinh, cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân. Máu đào của các anh hùng, liệt sĩ đã tô thắm ngọn cờ chiến đấu, vẫy gọi chúng ta tiếp bước tiền lên.

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY HÀ NAM

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH HÀ NAM
TẬP I
1927 - 1975



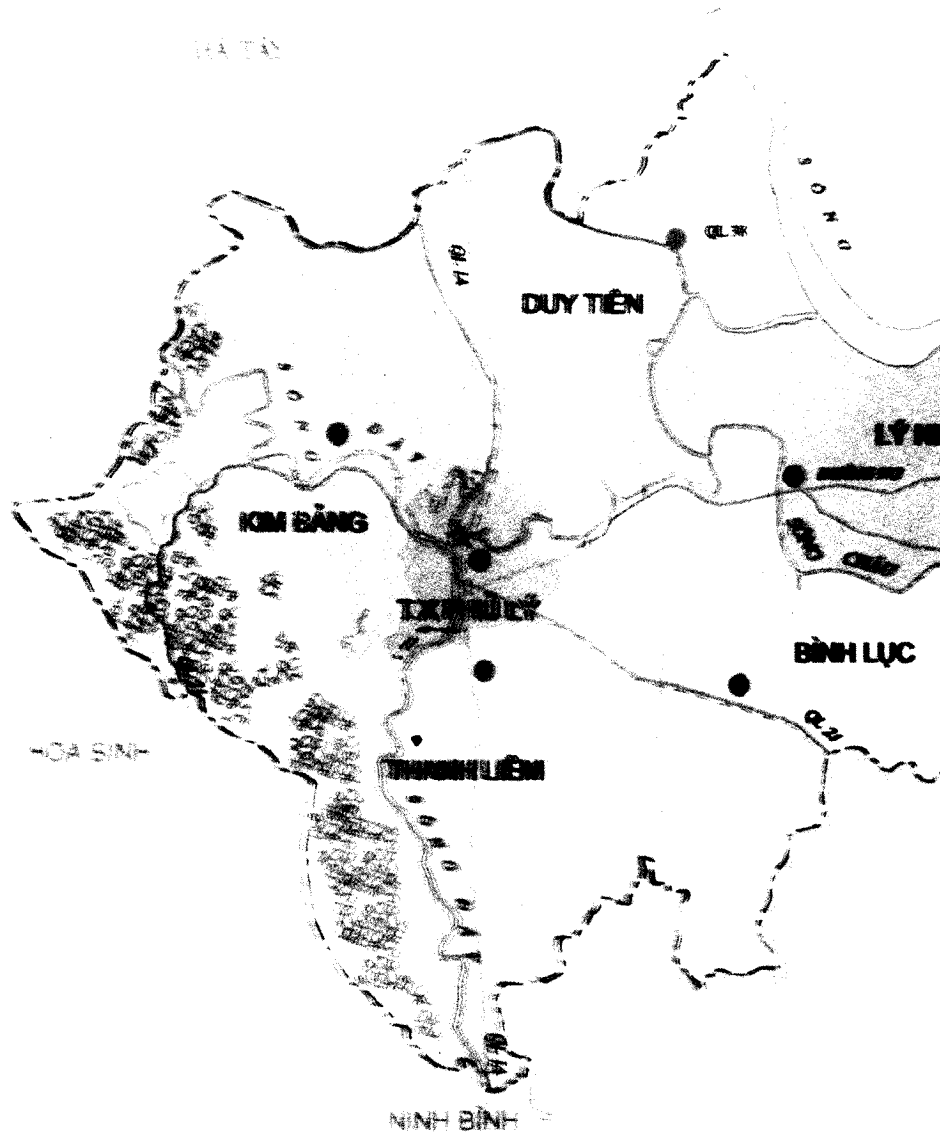
Chủ tịch HỒ CHÍ MINH
xem học viên trồng đồng Ngọc Lũ Bình Lục



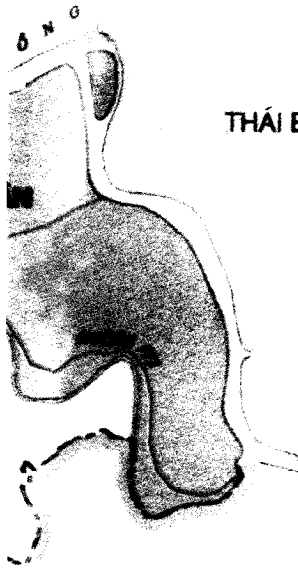
Chủ tịch nước LÊ ĐỨC ANH

Trao tặng phẩm của Việt Nam (phiên bản trống đồng Ngọc Lũ) cho ngài
Tổng thư ký Liên hiệp quốc B. Bu-tơ-rốt Ga-li tại Nữ Ước - Hoa Kỳ

TỈNH HÀ NAM



UNG YÊN



THÁI BÌNH

NAM ĐỊNH

GHI CHÚ


Diện tích : 840 Km²

Dân số : 791 618 Người

Ranh giới Tỉnh -----

Đường ô tô -----

Đường Sắt -----

Sông 

Tung tâm Tỉnh ★

Trung tâm Huyện, Thị ●

PHẦN MỞ ĐẦU

**THIÊN NHIÊN, CON NGƯỜI
VÀ TRUYỀN THỐNG**

1. Quá trình hình thành tỉnh Hà Nam :

Từ thời các vua Hùng dựng nước Văn Lang, vùng đất Hà Nam ngày nay nằm trong quận Vũ Bình thuộc bộ Giao Chỉ ; đến thời Trần đổi là châu Ly Nhân, thuộc lộ Đông Đô, quản sáu huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Cổ Bàng, Cổ Giã, Cổ Lễ và Ly Nhân. Đầu thời Lê, châu Ly Nhân đổi là phủ Ly Nhân ⁽¹⁾, thuộc Nam Đạo. Năm 1466, Lê Thánh Tông chia đất nước làm 12 đạo Thừa tuyên, thì phủ Ly Nhân thuộc Sơn Nam Thừa tuyên. Cuối thế kỷ XV, sau khi đổi Thừa tuyên thành xứ rồi trấn, Sơn Nam lại chia thành Sơn Nam Thượng lộ và Sơn Nam Hạ lộ. Phủ Ly Nhân thuộc Sơn Nam Thượng lộ. Thời Tây Sơn (1788 - 1802), lộ lại đổi thành trấn. Phủ Ly Nhân thuộc trấn Sơn Nam Thượng.

Năm 1802, khi Gia Long lên ngôi, vẫn để nguyên các đơn vị hành chính cũ. Đến đời Minh Mạng, vào năm 1822, trấn Sơn Nam Thượng lại chuyển thành trấn Sơn

(1) Từ thời Lê Quang Thuận (1460 - 1469), huyện Cổ Bàng được đổi là Kim Bàng, tên gọi đó vẫn được giữ đến ngày nay. Huyện Cổ Giã đổi là Duy Tiên. Đến đời Lê Kính Tông (1600 - 1619) vì tránh tên húy của nhà vua nên gọi là Duy Tân. Huyện Cổ Lễ sau lệ vào hai huyện Duy Tiên và Nam Xang (sau Nam Xang đổi là Lý Nhân).

Nam. Năm 1831 Minh Mạng quyết định lập các tỉnh thì phủ Lý Nhân đổi là phủ Lý Nhân thuộc tỉnh Hà Nội.

Năm 1832, huyện Nam Xang và Bình Lục tách khỏi phủ Lý Nhân, để thành lập phân phủ Lý Nhân. Năm 1834 xứ Bắc Kỳ được thành lập gồm 13 tỉnh, phân phủ Lý Nhân cũng bị bãi bỏ. Huyện Nam Xang và Bình Lục trực thuộc phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nội, xứ Bắc Kỳ. Năm Thành Thái thứ hai (1890), lại tách Bình Lục, Thanh Liêm và Nam Xang ra khỏi phủ Lý Nhân, lập thành phủ Liêm Bình, nhập vào tỉnh Nam Định. Huyện Duy Tiên và Kim Bảng vẫn thuộc phủ Lý Nhân tỉnh Hà Nội.

Ngày 20-10-1890, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đem toàn bộ phủ Liêm Bình và 17 xã của huyện Vụ Bản và Thượng Nguyên (phần nam Mỹ Lộc) của tỉnh Nam Định, cùng với hai tổng Mộc Hoàn, Chuyên Nghiệp của huyện Phú Xuyên (Hà Nội), nhập vào huyện Duy Tiên, lập thành tỉnh Hà Nam.

Ngày 24-10-1908, thực dân Pháp tách châu Lạc Thủy của tỉnh Hòa Bình, nhập vào tỉnh Hà Nam⁽¹⁾. Ngày 9-3-1910, đặt tỉnh Hà Nam lệ vào tỉnh Nam Định gọi là Đại lý Hà Nam. Ngày 31-3-1923, lại xóa bỏ Đại lý để trở thành tỉnh Hà Nam gồm Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên, Kim Bảng, Lạc Thủy và thị xã Phủ Lý với 44 tổng 390 xã.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), tỉnh thuộc Liên khu III. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo kháng chiến của hai tỉnh Nam Định và Hà Nam, tháng 5-1953, Trung ương quyết định cắt

(1) Trên thực tế, ngày 24-10-1903, Toàn quyền Đông Dương đã ra Nghị định sáp nhập châu Lạc Thủy vào tỉnh Hà Nam nhưng mãi đến 1908 mới thực hiện.

các huyện phía bắc tỉnh Nam Định gồm : Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc và 7 xã phía bắc Nghĩa Hưng nhập vào tỉnh Hà Nam; chuyển châu Lạc Thủy về tỉnh Hòa Bình. Tháng 4-1956, sau giảm tô và cải cách ruộng đất, 3 huyện Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc và 7 xã của Nghĩa Hưng sáp nhập trở lại tỉnh Nam Định.

Năm 1965, tỉnh Hà Nam và Nam Định sáp nhập thành tỉnh Nam Hà. Đầu năm 1976, Nam Hà sáp nhập với Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh. Năm 1992, tỉnh Nam Hà và tỉnh Ninh Bình lại chia tách như cũ. Đầu năm 1997, tỉnh Hà Nam được tái lập, gồm các huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên, Kim Bảng và thị xã Phủ Lý.

Trong khoảng 200 năm về trước, tỉnh lỵ hiện nay đã được đặt tên là Châu Cầu trấn lỵ của trấn Sơn Nam Thượng. Đến năm 1891, tỉnh lỵ Hà Nam chuyển đến Lam Cầu (Duy Tiên), năm 1901 chuyển về Nga Khê (Lý Nhân), sau đó lại chuyển về đóng ở Phủ Lý cho đến ngày nay.

2. Lãnh thổ và điều kiện tự nhiên :

Hà Nam nằm ở phía tây nam đồng bằng Bắc Bộ, vào khoảng 20,41 độ vĩ bắc, 105,31 độ kinh đông ; phía bắc giáp Hà Tây, phía nam giáp Nam Định, phía đông qua sông Hồng là Hưng Yên và Thái Bình, phía tây nam là Ninh Bình, phía tây giáp Hòa Bình ; diện tích tự nhiên là 840 km².

Do ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới, gió mùa, lượng mưa hàng năm tương đối lớn. Theo số liệu thống kê tại trạm Khí tượng Thủy văn Phủ Lý, tính từ năm 1960 đến năm 1967, nhiệt độ trung bình là 23,5°C; độ ẩm không

khí là 84% ; tổng lượng bốc hơi nước là 817,1 mm. Từ năm 1968 - 1970, nhiệt độ trung bình là 22°C ; độ ẩm không khí là 85% ; tổng lượng bốc hơi nước là 819,7 mm; lượng mưa là 1.672mm.

Địa hình của tỉnh chia làm hai khu vực rõ rệt : Khu vực miền núi và khu vực đồng bằng. Vùng núi tỉnh Hà Nam được hình thành vào Nguyên đại Trung sinh, cuối kỷ Trias, cách ngày nay khoảng 200 triệu năm. Theo tài liệu địa chất, do có sự tạo sơn ở hai rìa sông Nhị làm đứt gãy sông Hồng và sự sụt lún ở phần giữa bán bình nguyên Trung sinh, mà phần còn lại được hình thành những núi đồi sa phiến thạch hay đá hỗn hợp như núi Đọi, núi Điệp, Kê Non và dải đồi đất Thanh Liêm cho tới tận núi An Lão (Bình Lục). Ảnh hưởng của những đợt tạo sơn đã nâng ghềnh phía hạ lưu sông Hồng lên, biển lùi dần và châu thổ đồng bằng Bắc Bộ được hình thành. Hiện nay ở dưới chân các dãy núi đá vôi, cửa các hang động ở vùng núi Kim Bảng và Thanh Liêm vẫn còn dấu vết những vết đá bị sóng biển bào mòn và những loại động, thực vật như sò, dong, tảo sống ở biển đã hóa thạch. Ngày nay khu vực miền núi Hà Nam bao gồm một phần đất của Kim Bảng và Thanh Liêm nằm bên hữu ngạn sông Đáy, nối liền với khu vực rừng núi Hòa Bình. Đây là vùng tài nguyên khoáng sản đa dạng, phong phú với các dãy núi đá vôi có trữ lượng hàng tỷ mét khối. Trong các dãy núi này có nhiều loại đá quý hiếm như đá trắng ở Đông Sơn (Kim Bảng), đá đen, đá bích đào, đá vân vàng, đá màu da báo ở Bút Sơn, Liên Sơn, Thi Sơn, Tượng Lĩnh (Kim Bảng). Ngoài các loại đá quý, còn có than bùn ở Ba Sao, đất sét trắng ở Khả Phong, Ba Sao, Kim Bình, Châu Sơn (Kim Bảng) và Liêm Sơn (Thanh Liêm).

Bên phía tả ngạn sông Đáy đến giáp sông Hồng là vùng đồng bằng trong đó 2/3 diện tích là đồng chiêm trũng Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên. Do địa thế thấp, ở Tiên Ngoại (Duy Tiên), cốt đất 0,8m; điển hình là vùng đồng chiêm trũng Bình Lục, có nơi chỉ cao 0,3m so với mặt nước biển.

Đồng ruộng ở Hà Nam nằm sâu trong đất liền, do có các đồi, núi và hệ thống đê, đập che chắn, nước phù sa ít được tràn vào nên những vùng đất này bị úng triền miên, màu đất thường đen hoặc nâu nhạt, độ phì kém, độ pH cao, không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

3. Dân cư và sinh hoạt văn hóa - xã hội :

Từ xa xưa Hà Nam đã là nơi cư trú của người Việt cổ. Lần theo những dấu ấn còn lưu giữ được trong lòng đất, trong các thân phủ, thân tích, bia ký, mộ chí, chúng ta đã thấy được cuộc sống của tổ tiên trên mảnh đất lịch sử này.

Ở hang Đồng Nội, hang Ốc vùng Kim Bảng, các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều dấu tích của người Việt cổ, cùng loại hình văn hóa Bắc Sơn, thuộc thời đại đồ đá mới.

Trong vùng đất đồng chiêm trũng tìm thấy nhiều hiện vật cổ quý, đặc biệt là trống đồng Ngọc Lũ (Bình Lục) và hơn 20 chiếc trống đồng cổ khác ở Lũng Xuyên, Văn Xá, Vũ Xá, Thân Nữ (Duy Tiên); Bút Sơn (Kim Bảng); An Lão, Vũ Bị (Bình Lục). Trống đồng Ngọc Lũ đã trở thành biểu tượng của văn hiến Việt Nam ⁽¹⁾.

(1) Năm 1995, nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập Liên hiệp quốc, Chủ tịch nước Lê Đức Anh đã trao tặng phẩm của Việt Nam (phiên bản trống đồng Ngọc Lũ) cho ngài Tổng Thư ký Liên hiệp quốc Butorôt Gali tại New York (Hoa Kỳ).

Vùng núi Đọi (Duy Tiên), là nơi phát hiện được nhiều sọ chủ nhân nền văn minh Đông Sơn nguyên vẹn nhất cả nước với quan tài gỗ hình thuyền, được xác định niên đại bằng phương pháp phóng xạ các bon (C14) tồn tại cách ngày nay trên 2.000 năm. Ngoài ra còn các khu mộ cổ hình thuyền ở Thanh Sơn, Thi Sơn, Khả Phong, Châu Sơn, Ba Sao (Kim Bảng) nằm ven sông Đáy; khu mộ cổ Trì Xá, Yên Từ (Duy Tiên) nằm ven sông Hồng.

Trong các ngôi mộ cổ, các nhà khoa học đã tìm thấy nhiều công cụ sản xuất (cuốc gỗ, rìu đồng, dao gặt lúa, lưỡi cày chìa vôi); các đồ binh khí (giáo đồng, lao đồng, khóa đồng, rìu xéo, dao găm đồng). Đặc biệt là các đồ dùng sinh hoạt (chậu đồng, bát gỗ, khuyên tai bằng đá). Những hiện vật cổ quý đó đã chứng minh rằng, có một nền văn minh sông Hồng, văn minh lúa nước của cư dân Việt cổ ở Hà Nam đã phát triển tới trình độ khá cao.

Vào khoảng cuối Thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên, khi lực lượng sản xuất đã phát triển, từng bộ phận dân cư Việt cổ, chủ nhân của nền văn hóa Đông Sơn đã rời hang động; từ thượng lưu các con sông lớn, xuôi dần về phía hạ lưu, cư trú trên các doi đất cao ven sông Hồng, sông Đáy thuộc Thanh Liêm, Kim Bảng, Duy Tiên và một phần của Bình Lục. Họ sử dụng các loại thuyền độc mộc làm phương tiện đi lại săn bắn, hái lượm. Khi chết, họ đã dùng những loại thuyền này để mai táng cho mình và người trong gia đình.

Trải qua quá trình phát triển lâu dài, tổ chức làng xã cổ ở Hà Nam tụ cư theo huyết thống hoặc tụ cư theo ngành

nghề. Làng, thôn ⁽¹⁾ là điểm tụ cư đầu tiên do ông tổ từng dòng họ đến lập. Sau khi các dòng họ đã phát triển đông thì chia thành Giáp Nhất, Giáp Nhì, Giáp Ba hoặc Giáp Đông, Giáp Đoài, Giáp Thượng, Giáp Hạ. Theo thống kê, trước Cách mạng tháng 8-1945, dân số Hà Nam có khoảng 410.000 người ; đến năm 1965 tăng lên 566.902 người. Tính đến ngày 1-4-1999, toàn tỉnh có 791.618 người (384.183 nam, 407.435 nữ, 48.235 dân cư thành thị, 743.383 dân cư nông thôn).

Những nghi thức, những phong tục tập quán và những lễ hội truyền thống ở đền Lảnh Giang, Chùa Đọi (Duy Tiên) ; vật võ Liễu Đồi (Thanh Liêm); đình Công Đồng, từ đường Nguyễn Khuyến (Bình Lục) đã mang đậm đà bản sắc dân gian ở vùng đồng chiêm trũng Hà Nam. Hàng năm, cứ mỗi độ xuân về, nhân dân trong tỉnh, những người con xa quê và cả khách thập phương, với nét mặt rạng rỡ xen lẫn với màu hoa của hương đồng, cỏ nội, tấp nập đi trải hội trong các đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ họ, kính cẩn dâng hương, dâng hoa để tưởng nhớ tổ tiên mình và những bậc công thần khai quốc, khai sáng quê hương.

Trong các lễ hội, những hình thức tín ngưỡng, tôn giáo được kết hợp hài hòa với các hoạt động văn hóa dân gian như hát Châu văn, hát Trống quân ở Trần Bái (Đình Xá - Bình Lục) ; hát Lả lè ở Lý Nhân; hát Dậm ở Quyển Sơn - Thi Sơn (Kim Bảng) và dân ca vùng ngã ba sông Mống - một vùng văn hóa dân gian, đậm đà bản sắc quê hương, đầm ấm tình người.

(1) Thôn, đơn vị hành chính thấp nhất, còn làng là nơi tụ cư.

“Một vùng sông rẽ làm ba

Tiếng con gà gáy nghe ba huyện cùng”

Các làn điệu dân ca mượt mà xen lẫn với những nhịp trống dồn dập, biểu thị tinh thần thượng võ của quê hương trong các lò vật Phúc Châu (Lý Nhân); An Bài (Bình Lục) và nét đẹp truyền thống của hội vật Liễu Đôi (Thanh Liêm). Hàng năm hội vật thường có đủ mặt các anh tài trong vùng về dự hội với niềm tự hào :

“Ngàn năm võ vật đua tài

Vạn năm sông rộng, núi dài tổ tiên”

Trong các lễ hội, trong sinh hoạt, trong cuộc sống hàng ngày, ở vùng chiêm trũng điển hình, nơi có những người đàn bà *hay lam hay làm, thất lưng bó que, xắn váy quai công, chân nam đá chân chiêu*⁽¹⁾ nhưng lại giỏi chữ nghĩa, thâu tóm được nỗi khó khăn vất vả trong lao động sản xuất vào những câu ca dao :

“Duy Tiên đồng bãi mai rùa

Ăn hạt thóc mùa tát nước quanh năm”

- Nam Xang đồng hẹp bãi dài

Ăn cơm thì ít, ăn khoai thì nhiều.

- Bình Lục đồng trắng nước trong

Thóc gạo thì ít, rêu rong thì nhiều

Trong sự gian truân ấy, người dân Hà Nam vẫn tạo ra biết bao vật phẩm nổi tiếng khắp vùng đã được hòa quyện trong những câu thành ngữ mang đậm bản sắc quê hương (Đậu Đằm, bún Tái; vải Lưu Xá, cá đằm Rạch).

(1) Chữ dùng của Nguyễn Khuyến.

Núi non, sông nước bao năm thử thách với thời gian
nhưng lại gần gũi với mỗi kỷ niệm của con người :

- *Núi Đọi ai đắp mà cao*

Ngã ba sông Lệnh ai đào nên sâu.

- *Mây giăng trên đỉnh non Vòng*

Em nhớ thương chồng đứng bến Châu Giang.

Bến Châu Giang thuyền ngang sóng ngược

Đỉnh non Vòng mây trước, mây sau

Ai về có nhớ lời nhau.

- *Quyển Sơn vui thú nhất đời*

Dốc lòng trên dậm, dưới bơi ta về

Đôi bên núi tựa, sông kê

Ngược xuôi tiện nẻo, lăm nghề làm ăn

Đặc biệt trong vùng văn hóa Liễu Đồi có bề dày văn hóa dân gian phong phú đa dạng của tỉnh, với bản trường ca *Hoàn vương sự tích* hàng vạn câu, kể về Hoàng đế Lê Hoàn; những vần điệu nói về binh thư, binh pháp; cuộc sống của con người, sự vật rất sinh động.

Từ khi đạo Phật du nhập vào nước ta, sự giao lưu văn hóa giữa các vùng, miền trong tỉnh càng thêm phong phú và đa dạng. Đạo Phật truyền bá vào Hà Nam tương đối sớm, khoảng thế kỷ XI, dưới triều Lý. Nhờ biết kết hợp giữa tâm linh tín ngưỡng của cộng đồng người Việt trồng lúa nước với đạo Phật, đã tạo nên bản sắc riêng của mình. Nhiều chùa lớn, tháp cao được xây dựng ở Hà Nam như chùa và tháp Sùng Thiện Diên Linh được xây dựng trên

đỉnh Long Đồi Sơn ⁽¹⁾, từ đời vua Lý Nhân Tông. Chùa được xây dựng trong 4 năm (1118 - 1121). Đến thế kỷ XV chùa và tháp bị giặc Minh phá hỏng, chỉ còn lại tấm bia Sùng Thiện Diên Linh. Bia Sùng Thiện Diên Linh là tấm bia lớn nhất, cổ nhất ở nước ta từ thời Lý còn sót lại, do Hình bộ Thượng thư, Thái học sinh Nguyễn Công Bật, soạn năm 1121, ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên kỳ thú, sơn thủy hữu tình và những chiến công vĩ đại đánh Tống, bình Chiêm, xây dựng Nhà nước Đại Việt hùng cường dưới triều vua Lý Nhân Tông.

Bia Sùng Thiện Diên Linh còn lưu giữ bài thơ của vua Lê Thánh Tông khắc sau tấm bia vào năm Quang Thuận thứ 8 (1467), nhân ngoạn mục cảnh Đồi Sơn :

*“Non ngát nghìn tâm, thành hóa cũ
Men vin bạc đá, viếng thiều gia
Hoang đường vua Lý bia còn đó
Tàn bạo quân Minh, tháp khác xưa
Đường biếc rêu phong, người vắng dấu
Núi xanh vệt cháy tiết nhiều mưa
Lên cao tâm mắt, nhìn bao quát
Muôn dặm cây xanh, một dải mờ”.*

Đến năm Tân Sửu (1591), đời Mạc Mậu Hợp, nhân dân địa phương đã xây dựng lại chùa, dựng lại tấm bia. Như vậy chùa Long Đồi Sơn và bia Sùng Thiện Diên Linh hiện còn lưu giữ dấu ấn của ba triều đại (Lý, Lê,

(1) Long Đồi Sơn tên núi được đặt từ đầu thế kỷ XII, hiện nay nhân dân quen gọi là Đồi Sơn.

Mạc) mà nhân dân địa phương vẫn thường nhắc câu *Lý tác, Mạc tu*. Núi Đọi, sông Châu là niềm tự hào ngàn năm văn hiến của người dân vùng chiêm trũng Hà Nam.

Nếu như ở tháp Sùng Thiện Diên Linh, trên đỉnh Long Đọi Sơn (Duy Tiên) với ý niệm cầu thiện, mong cho cuộc sống bình yên, tuổi thọ kéo dài thì ở chùa Bà Đanh (Kim Bảng) lại thờ tứ pháp : Pháp Vân (Phật mây), Pháp Vũ (Phật mưa), Pháp Lôi (Phật sấm), Pháp Điện (Phật chớp). Việc thờ tứ pháp là biểu hiện khát vọng chế ngự và dung hòa với tự nhiên của người xưa, hy vọng vào khả năng của Phật pháp điều hòa tuần hoàn của vũ trụ, mưa nắng thuận hòa, mùa màng bội thu. Đó cũng là cách ứng xử văn hóa của những cư dân trồng lúa nước ở vùng chiêm trũng Hà Nam trong quá trình xây dựng đất nước, xây dựng quê hương.

Dưới thời Lý - Trần, chùa Long Đọi Sơn (Duy Tiên) đã trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lớn nhất của Đại Việt, cho nên ở Hà Nam đạo Phật phát triển mạnh, khắp các xóm làng đều được xây dựng đền chùa. Người dân theo đạo Phật ở Hà Nam cũng là những người giàu lòng yêu nước, yêu quê hương.

Đạo Thiên chúa truyền vào Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XVI. Từ cuối thế kỷ XIX, đạo Thiên chúa phát triển mạnh ở Hà Nam. Năm 1841 giám mục Rôto đã đến Bút Sơn (Kim Bảng), năm 1857 đến Kiện Khê (Thanh Liêm) truyền đạo. Năm 1862 cha Puy Đinhie về Kế Sở (Thanh Liêm), năm 1877 xây dựng nhà thờ

Kẻ Sở (Sở Kiện - Thanh Liêm) ⁽¹⁾. Một loạt các nhà thờ khác tiếp tục được xây dựng như : Nhà thờ Yên Mỹ và nhà thờ Cổ Bút Đông (Duy Tiên) năm 1883, nhà thờ hai tháp (Bút Đông) năm 1922...

Theo Nam quốc địa dư (1911), giáo phận tây Đàng Ngoài gồm thành phố Hà Nội, Hà Đông, Hà Nam và một phần Nam Định cùng châu Lạc Thủy (Hòa Bình), trị sở là Kẻ Sở (Thanh Liêm), sau mới chuyển về Hà Nội. Trải qua hàng thế kỷ tồn tại và phát triển, đến cuối thế kỷ XX, trong toàn tỉnh có 140.379 giáo dân, hầu hết đều là những người kính Chúa yêu nước.

Đạo Nho phát triển ở Hà Nam tương đối sớm. Tư tưởng trung quân ái quốc đã một thời trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, làm hưng thịnh đất nước, quê hương. Sự học gắn với nghiệp khoa bảng của ông cha ta mãi mãi là tấm gương soi sáng cho con cháu muôn đời.

Kể từ khoa thi nho học đầu tiên (1075) đến khoa thi cuối cùng (1919), toàn tỉnh Hà Nam đã có 53 người đỗ ở 36 khoa thi (Duy Tiên 21 vị, Bình Lục 9 vị, Lý Nhân 8 vị, Kim Bảng 7 vị, Thanh Liêm 4 vị, Phủ Lý 4 vị). Mở đầu cho truyền thống cử nghiệp của Hà Nam là Lý Công Bình ở Đồn Xá (Bình Lục) đỗ Thái học sinh thời Lý, được Vua ban Quốc tính, gả công chúa, có tài quân sự, từng chỉ huy các cuộc chinh phạt Chiêm Thành. Người đỗ cao nhất là Nguyễn Quốc Hiệu (Phú Thứ - Duy Tiên) đạt học vị Thám hoa ⁽²⁾ (1736) làm đến Hiến sát sứ. Người đỗ khoa bảng trẻ tuổi nhất là Phan Tế (Bạch Xá - Duy Tiên), giành học

(1) Khánh thành năm 1882.

(2) Các khoa thi đình ngày xưa lấy đỗ theo tam giáp, trong đó đệ nhất giáp là Tam khôi gồm 3 bậc là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

vị Tiến sỹ (1529), lúc mới 19 tuổi, làm đến Thừa chính sứ. Đỗ ở tuổi cao nhất là Trương Minh Lương (Nguyễn Xá - Duy Tiên) đậu Tiến sỹ (1700) năm 65 tuổi, làm đến Tự khanh, là ông ngoại của nhà Bác học Lê Quý Đôn. Làng có nhiều người đỗ khoa bảng là Lạc Tràng (Duy Tiên) 4 vị.

Dòng họ Bùi ở làng Châu Cầu (thị xã Phủ Lý)⁽¹⁾, nhiều đời liên tục có người đỗ khoa bảng, cuối thế kỷ XIX, vua Tự Đức đã có lời khen :

"Thiên hạ đỗ đại khoa thì nhiều, nhưng cùng một thời, ba đời cũng đỗ đại khoa thì chỉ có họ Bùi, Châu Cầu".

Mở đầu cử nghiệp là Bùi Văn Dị, phó bảng khoa Ất Sửu, năm Tự Đức thứ 18 (1865), năm 1890 được đặc cách lấy đỗ Tiến sỹ, làm đến chức Thượng thư Bộ lại, Bộ lễ. Bùi Văn Quế, phó bảng khoa Ất Sửu, năm Tự Đức thứ 18 (1865), làm tuần phủ Nam Ngãi - Thuận Khánh, sau cáo quan về quê dạy học. Bùi Thức, Tiến sỹ khoa Mậu Tuất, năm Thành Thái thứ 10 (1898), không ra làm quan, chỉ dạy học ở quê. Bùi Kỳ phó bảng khoa Canh Tuất, năm Duy Tân thứ 4 (1910).

Nhiều nhà khoa bảng của địa phương đã đóng góp cho sự nghiệp xây dựng đất nước như Lý Trần Thần (Lê Xá - Duy Tiên), Trấn thủ Hưng Hóa đời Lê Hiến Tông, khi chết được truy tặng Binh bộ Thượng thư; Trương Công Giai (Thiện Kiện - Thanh Liêm), 21 tuổi làm đến chức Binh bộ Thượng thư đời Lê Duy Tông (1685).

(1) Trước thế kỷ XX thuộc tổng Phù Đạm (Kim Bảng).

Lại có nhiều người trở thành học giả, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Trần Thuần Du (Tân Hội - Duy Tiên)⁽¹⁾; làm đến Nhập nội Hành khiển (Tể tướng), dạy vua, nổi tiếng uyên bác, là người cùng học với Nguyễn Trãi. Dương Bang Bản (An Cừ - Thanh Liêm), được vua ban Quốc tính, đổi là Lê Tung, từng làm Phó sứ rồi Chánh sứ thời Lê Tương Dực, được cử làm Lễ bộ Thượng thư, Đông các Đại học sỹ, kiêm Quốc tử giám Tế tửu, là nhà Sử học tiêu biểu của thế kỷ thứ XV. Nguyễn Khuyến (Yên Đổ - Bình Lục), nhà thơ cổ điển có những bài thơ về mùa thu tuyệt tác, nhà thơ của một dòng họ có truyền thống trong học hành. Ông nội là Nguyễn Mại đỗ Tiến sỹ (1736), làm đến Hàn lâm viện Đại chế ; bố là Nguyễn Khả, ba khoa đỗ tú tài. Nguyễn Khuyến - Hoàng giáp Tam nguyên (1871), làm đến Toàn tu Sử quán, năm 1884 cáo quan về quê dạy học. Con cả là Nguyễn Hoan, đỗ Phó bảng (1889), làm tri phủ Lý Nhân. Truyền thống hiếu học của dòng họ Nguyễn đã làm nên sự nghiệp khoa bảng còn mãi đến muôn đời :

Yên Đổ xã lớn vô chùng

Bảng vàng bia đá, vô cùng thơm tho

Thơ lưng túi, rượu lưng hồ

Thuốc viên chào khách, sãi đồ nhen thân⁽²⁾

Truyền thống hiếu học, tài năng thông tuệ của nhân dân Hà Nam tiếp tục được giữ gìn, phát huy cao độ từ khi

(1) Nay là xã Dội Sơn (Duy Tiên).

(2) Vũ Đăng Tiên - Phong thổ Bình Lục.

có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Hà Nam tự hào có Phạm Tất Đắc với tập *Chiêu hồn nước bất hủ*; Nguyễn Thượng Cát với bản lược dịch *Tư bản luận*; Nam Cao - Nhà văn Liệt sỹ, người đầu tiên được giải thưởng Hồ Chí Minh do có công hiến to lớn đối với sự nghiệp văn học nước nhà. Hà Nam cũng rất tự hào với *Tiếng trống Bắc Lý* - Nơi nguồn cội của phong trào *Dạy tốt, Học tốt* của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Trên phạm vi toàn tỉnh, hiện có tới 270 trường học (256 trường tiểu học và trung học cơ sở, 14 trường trung học phổ thông) với 184.048 học sinh (94.973 học sinh tiểu học, 72.418 học sinh trung học cơ sở, 16.657 học sinh trung học phổ thông).

4. Hoạt động và tiềm năng kinh tế :

Có thể nói, hàng trăm năm trước đây, người dân Hà Nam chủ yếu làm nông nghiệp có kết hợp với nghề thủ công và buôn bán nhỏ trong vùng. Để vượt qua gian nan vất vả của vùng đất vốn được mệnh danh là "*sống ngâm da, chết ngâm xương*", người dân trong tỉnh đã vượt đát thành đường, xẻ đát làm mương máng và đào sông ngòi để đi lại giữa các vùng miền với nhau. Nhờ vậy giữa đảo nước mênh mông của vùng sinh thái chiêm trũng, một hệ thống giao thông thủy bộ quan trọng hình thành. Chạy dọc tỉnh từ phía Bắc xuống phía Nam, xưa kia là đường Thiên Lý, nay là đường Quốc lộ số 1, con đường huyết mạch Bắc - Nam. Vất qua tỉnh lỵ còn có đường 21, con đường giao lưu kinh tế từ vùng biển Nam Định, Thái Bình qua Hà Nam, nối liền với vùng kinh tế đồi rừng tỉnh Hòa Bình và khu Tây Bắc ; đường 62 nối các huyện

Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân, qua cầu Tái (bên đò Cầu Tử - Duy Tiên) ⁽¹⁾ là đường 61 nối với đường 60 sang thị xã Hưng Yên, xưa là Phố Hiến sầm uất một thời, thủ phủ của Trấn Sơn Nam. Cùng với những trục giao thông lớn là mạng lưới đường liên xã, liên thôn và hệ thống đường thủy. Sông Hồng chảy theo phía đông tỉnh, từ thôn Hoàn Dương, xã Mộc Bắc (Duy Tiên), qua huyện Lý Nhân, đổ ra cửa Ba Lạt (Nam Định). Sông Đáy chảy vào địa giới của tỉnh từ xã Tượng Lĩnh (Kim Bảng), xuôi theo Kim Bảng và Thanh Liêm qua Ý Yên, Nghĩa Hưng (Nam Định) đổ ra biển.

Ngoài hai sông lớn Hà Nam còn có nhiều sông nhỏ như sông Nhuệ, sông Đào, Châu Giang, Hoàng Giang đổ vào sông Đáy, sông Sắt chảy từ An Bài (Bình Lục) đến Vĩnh Trị (Ý Yên - Nam Định). Hệ thống đường sông với thuyền nhỏ, thuyền to, tấp nập ngược xuôi đem ngày vận chuyển, giao lưu hàng hóa để phát triển kinh tế giữa vùng đồng chiêm trũng với vùng kinh tế đồi rừng Hà Nam.

Giao thông thủy bộ ở Hà Nam có nhiều thuận lợi nhưng thông tin liên lạc và bưu điện trước kia còn có nhiều khó khăn, tổ chức mạng lưới thông tin thiếu, trang thiết bị lạc hậu, cơ sở vật chất kỹ thuật do Pháp để lại quá nghèo nàn, không gian hoạt động giới hạn trong phạm vi

(1) Ở đình thôn Tái Kênh xã Đình Xá huyện Bình Lục, hiện còn lưu giữ tấm bia cổ mang niên hiệu Vĩnh Tộ năm thứ 17 (1625), nói về triều đình cho Binh bộ lang trung Lê Cảnh, được công đức vào việc xây dựng cầu Tái để tiện lợi cho việc ra vào chốn đê đò. Cầu được xây dựng với hơn 30 gian trên lợp ngói khời công xây từ tháng 7 năm Ất Tỵ (1605) đến tháng 2 năm Bính Ngọ (1606) thì hoàn chỉnh.

hẹp. Cả tỉnh chỉ có một tổng dài 20 số, một bàn moóc và 40 đôi dây từ Phủ Lý đi cống Nhật Tựu (Kim Bảng), cống Tường Thụy (Duy Tiên) đến đồn điền Chi Nê, với 17 máy từ thạch đế bàn. Sau năm 1975, nhất là từ khi tỉnh được tái lập, Hà Nam đã từng bước xây dựng phát triển hoàn thiện mạng lưới Bưu điện - Viễn thông với kỹ thuật hiện đại đồng bộ, thiết bị tiên tiến, không chỉ ở trung tâm tỉnh, huyện thị... mà đã đến 100% xã và nhiều gia đình, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về thông tin liên lạc trong nước, ngoài nước, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Là một tỉnh có địa hình đa dạng, vừa có đồi núi vừa có đồng bằng, ở đó chứa đựng nguồn tài nguyên phong phú, cung cấp nguyên vật liệu cho các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Hàng năm đá vôi của Hà Nam khai thác để phục vụ cho các nhà máy xi măng Kiện Khê, xi măng X77, xi măng Nội thương, xi măng Việt - Trung. Lớn nhất là Công ty xi măng Bút Sơn, với công suất 1,4 triệu tấn/năm. Ngoài ra còn cung cấp vật liệu cho giao thông, xây dựng, sản xuất bột nhẹ. Than bùn, đất sét trắng cung cấp nguyên liệu cho các xí nghiệp gạch ngói ở Khả Phong, lò gốm ở Đanh Xá (Kim Bảng). Mây giang, tre, nứa, phục vụ cho nghề đan lát ở các nơi, đặc biệt nghề song mây là nghề đan cổ truyền, tồn tại hàng trăm năm, với nhiều mặt hàng đa dạng và kỹ thuật tinh xảo như bàn ghế, bát, đĩa mây, giỏ hoa, lẵng hoa. Sản phẩm song, mây, tre của Hà Nam không những tiêu dùng phổ biến ở thị trường trong nước mà nhiều thị trường nước ngoài cũng ưa chuộng.

Nhiều nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, từ xa xưa với những bàn tay khéo léo của người thợ dân gian, đã tạo nên sản phẩm độc đáo và hấp dẫn. Nghề mộc chuyên làm nhà cửa, đình chùa, nổi tiếng ở Trịnh Xá (Bình Lục), Cao Đà (Lý Nhân). Nghề làm đôi mồi Cẩm Bối (Thanh Liêm); sừng trâu Đô Hai (Bình Lục); nghề làm trống Đọi Sơn (Duy Tiên); chạm đá Kiện Khê; thêu Thanh Hà (Thanh Liêm). Lại thêm làng tầm tơ Tiên Phong (Duy Tiên), nằm ven sông Châu thơ mộng. Làng dệt lụa Nha Xá (Duy Tiên), chẳng kém lụa Hàng Châu (Trung Quốc), có mặt ở cả trong và ngoài nước.

Hà Nam có tiềm năng về du lịch rất lớn. Nằm ở cửa ngõ phía nam, cách thủ đô Hà Nội 60km, trên tuyến đường sắt, đường bộ xuyên Việt, Hà Nam có lợi thế tiếp nhận lượng du khách trong và ngoài nước. Các con sông Hồng, sông Châu, sông Nhuệ; những dải đá trầm tích ở phía Tây Kim Bảng và Thanh Liêm, soi bóng xuống dòng sông Đáy trong xanh, tạo nên cảnh sơn thủy hữu tình. Kẽm Trống - Thanh Hải, động Gióng Lở - Thanh Nghị (Thanh Liêm); Ngũ Động Sơn ở Thi Sơn; động Khả Phong, động Cô Đồi, động Ba Sao, Ao Tiên, rồi "*Tiên Lục Nhạc, Hậu Thất Tinh*", Thung Vạc (Kim Bảng). Mỗi hang mỗi kiểu, mỗi động mỗi vẻ, tạo nên những cảnh đẹp thần tiên cuốn hút khách đến thăm. Thêm vào đó là nhiều ngọn núi nên thơ như núi Cẩm, núi Ngọc (Kim Bảng), núi Trinh Tiết, Thiên Kiện ⁽¹⁾ (Thanh Liêm), núi Nguyệt Hằng ⁽²⁾

(1) Thiên Kiện - Còn gọi là núi Chanh Chè.

(2) Nguyệt Hằng - Còn gọi là Quế Sơn - Tùng sơn hay núi An Lao

(Bình Lục); núi Điep, núi Đọi (Duy Tiên)... mỗi ngọn đều được gắn một truyền thuyết dân gian ly kỳ hấp dẫn.

Nằm trong cái nôi của nền văn minh sông Hồng - văn minh nông nghiệp, hàng năm cứ vào dịp đầu xuân, vua chúa lại tổ chức tế lễ thần nông, mở hội cày ruộng để biểu thị tinh thần trọng nông của các bậc tiên đế. Hà Nam cũng là vùng đất thiêng để các bậc đế vương chọn làm nơi cày ruộng tịch điền. Năm 987 sau khi lên ngôi Hoàng đế, Lê Hoàn đã tổ chức cày ruộng tịch điền ở chân núi Đọi Sơn (Duy Tiên). Hà Nam còn là vùng đất của các điền trang thái ấp : Quốc Hương (Vũ Bản - Bình Lục) của Thái sư Trần Thủ Độ; thái ấp Dương Hòa (Duy Hải - Duy Tiên) của Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư. Lê Thánh Tông đã lập các đồn điền ở Thiên Kiện, Phượng Vĩ (Thanh Liêm); La Sơn (Bình Lục). Trong các đồn điền đó, các vương hầu, quý tộc đã chiêu mộ quân lính và nông dân đến khai khẩn ruộng hoang, sản xuất lương thảo để dự trữ và cung cấp cho quân dân địa phương.

Trọng nông nghiệp từ xa xưa ông cha ta đã coi "*Dĩ nông vi bản*", (nông nghiệp là cái gốc bền vững của mỗi quốc gia và mọi nhà). Mỗi khi đọc lại những dòng câu đối thờ Trần Khánh Dư ở đình Dương Hòa và chùa Nha Xá (Duy Tiên) ta càng thấy tự hào :

“Khai hoang địa, huấn nông tang, thiên niên sinh nghiệp
Dương tế ngư, giáo chức bạch, vạn thế điền gia”.

(Mở đất hoang, dạy dân cày, ngàn năm lấy đó làm nghề sinh sống.

Nuôi cá nhỏ, khuyên dệt vải, muôn đời cứ thế cảnh nhà nông).

Từ vùng trũng của Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên đến các vùng đồi rừng của Thanh Liêm, Kim Bảng, nhà nào cũng có ao thả cá, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ở Đình Xá (Bình Lục) có nhiều loại cá đặc sản rất ngon :

“Nghe đồn Đình Xá

Ngon cá đầm Chiềng”

Một số nơi thuộc Kim Bảng, Duy Tiên còn có nghề chăn nuôi vịt đẻ, nghề ấp trứng khá nổi tiếng. Lại có những vùng trồng cây ăn quả, với những loại đặc sản như : hồng không hạt Nhân Hậu, chuối ngự tiến vua ở Đại Hoàng, quýt đỏ Tảo Môn (Lý Nhân), cam chanh, quýt giáy Tiên Phong (Duy Tiên). Tất cả các ngành trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công cứ phát triển mãi lên. Đời sống của nhân dân trong tỉnh ngày càng được cải thiện.

Nằm trong vùng trũng, muốn sản xuất phải chống úng chống hạn. Vì thế, vai trò của các công trình thủy lợi vô cùng to lớn. Đảng và Nhà nước rất chú trọng đến việc sửa chữa, xây dựng các công trình thủy nông như cống Nhật Tựu, cống Ba Đa, cống Điệp Sơn. Nhiều trạm bơm công suất lớn như Hữu Bị, Như Trác, Nham Tràng, Kinh Thanh, Võ Giang, Quế, Lạc Tràng thường xuyên hoạt động, phục vụ tưới, tiêu nước, đảm bảo cho nhân dân trong tỉnh sản xuất, thu hoạch ổn định, ăn chắc cả hai vụ chiêm, mùa.

Năm 1999, toàn tỉnh có 99.325 ha đất trồng trọt, sản lượng lương thực quy thóc là 424,4 ngàn tấn ; lương thực quy thóc bình quân đầu người là 516 kg/năm. Diện tích dành cho cấy lúa cả năm là 88.138 ha, năng suất lúa 102,2 tạ/ha/năm. Chăn nuôi phát triển đạt số lượng gia

súc, gia cầm : 6.500 con trâu, 24.900 con bò, 268.200 con lợn. Cả tỉnh có 4.390 ha diện tích ao, hồ, đầm... cho khoảng 4.118 tấn thủy sản - trong đó có 3.864 tấn cá nuôi. Lại thêm hàng ngàn ha rừng trồng, mỗi năm đã khai thác từ 16.500 - 18.000 m³ gỗ.

5. Truyền thống đấu tranh bảo vệ quê hương :

Để có được cuộc sống tốt đẹp như ngày nay, người dân Hà Nam không chỉ hai sương một nắng trên đồng ruộng hay núi rừng mà hết đời này qua đời khác kế tiếp nhau cầm gươm, ôm súng để xây dựng bảo vệ quê hương và đất nước thân yêu.

Nhân dân Hà Nam vốn có truyền thống yêu nước, mỗi khi có giặc ngoại xâm đến tàn phá đất nước, giày xéo quê hương thì họ lại vùng lên cùng đồng bào cả nước quyết tâm chiến đấu bảo vệ từng tấc đất của tổ tiên.

Ngay từ thời các vua Hùng dựng nước, Thiện Công, Vực Công (Tường Lân - Duy Tiên) đã đứng lên đánh giặc Ân, bảo vệ bờ cõi Văn Lang.

Những năm đầu Công nguyên, nhiều nữ tướng tham gia chiến đấu dưới lá cờ đại nghĩa của Hai Bà Trưng như Cao Liên Nương (Thạch Tổ - Thanh Liêm); Quỳnh Chân (Đình Xá); Học Công, Nga Nương, Hồng Nương (Bình Nghĩa - Bình Lục); Nguyệt Nga tướng công ở An Mông, Tiên Phong (Duy Tiên)... Cả tỉnh hiện có gần 30 đình, đền, miếu thờ các tướng của Hai Bà Trưng.

Đầu thế kỷ X, Nguyễn Ninh, Nguyễn Tĩnh (Đồn Xá), Phạm Hán, Phạm Hồ (Mai Động - Bình Lục) có công cùng Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, bảo vệ nền độc lập của dân tộc ở thế kỷ XIII, còn ghi chiến thắng lừng danh trên dòng sông Thiên Mạc chảy qua Duy Tiên, Lý Nhân xuôi về căn cứ Thiên Trường. Dấu tích xưa của dòng sông không còn nữa, song dân tộc Việt Nam và nhân dân Hà Nam, mãi mãi còn ghi nhớ tiếng thét của danh tướng Trần Bình Trọng trước quân thù: “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”. Ở nhiều nơi nhân dân còn ghi tạc công đức của ông ⁽¹⁾:

“Khí phách hùng anh, ngàn năm bia tạc

Danh thơm Bình Trọng, muôn thừa sách ghi”.

Trong sự nghiệp vĩ đại ấy, nhân dân Hà Nam còn tập hợp dưới ngọn cờ của Thiên Cương (Đồn Xá), Hồ Tổ (An Lão - Bình Lục), tham gia đánh giặc Nguyên Mông. Nhiều thóc gạo, lương thảo do nhân dân đóng góp đã đưa về xây dựng kho quân lương lớn ở Trần Thương (Nhân Đạo - Lý Nhân).

Từ khi giặc Pháp xâm chiếm quê hương lần thứ nhất ⁽²⁾ (1873), phát huy truyền thống đánh giặc của ông cha, Đinh Công Tráng (Nham Tràng, Thanh Tân, Thanh Liêm) đã đứng lên kêu gọi văn thân, chiêu mộ nghĩa quân, dựng cờ đánh Pháp. Nghĩa quân đã thắng nhiều trận ở Tràng, Bưởi, Tâng, Sở Kiện (Thanh Liêm), giải phóng phủ Bo (Ý Yên) và Châu Cầu. Ông được vua Tự Đức phong là Hiệp quân. Năm 1874, nhà Nguyễn ký hiệp ước đầu hàng thực dân Pháp, ông trả lại chức tước của triều đình, đi

(1) Trần Bình Trọng quê ở xã Liêm Cần (Thanh Liêm).

(2) Ngày 5-11-1873 thực dân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất.

tìm người nghĩa khí chống giặc, lên Sơn Tây, được Hoàng Kế Viêm, phong là Lãnh binh và nhận lệnh phối hợp với quân Cờ đen đánh giặc, ở trận Cầu Giấy, chém đầu Gác-ni-ê chỉ huy quân đội Pháp.

Từ năm 1883 - 1887, ông tham gia phong trào Cần vương chống Pháp, được phong làm Chủ soái ở căn cứ địa Ba Đình (Thanh Hóa). Sau gần ba năm giữ vững căn cứ, lực lượng nghĩa quân suy yếu, ông rút khỏi Ba Đình vào Nghệ An hội với nghĩa quân của Phan Đình Phùng, xây dựng căn cứ chống Pháp lâu dài, ông hy sinh đêm ngày 5-10-1887. Đình Công Tráng là hiện thân của tinh thần xả thân cứu nước, mãi mãi là niềm tự hào của quê hương Hà Nam.

Lớp trước ngã, lớp sau đứng lên. Năm 1885 Lê Hữu Cầu ở Lưu Xá, xã Nhật Tựu (Kim Bảng), đã chiêu mộ trai tráng, dấy binh đánh Pháp. Năm 1890, ông Đình Công Lý (tức Đề Yên) quê ở Đồng Lạc xã Đồng Hóa (Kim Bảng), từ Bãi Sậy dẫn một cánh quân về hoạt động ở Kim Bảng và phía bắc Hà Nam. Năm 1913, Đình Hữu Tài một nông dân yêu nước người thôn Thụy Xuyên, xã Ngọc Sơn (Kim Bảng), đã cùng nghĩa binh đánh tập kích ở đồn Quang Thừa (Tượng Lĩnh), giết chết nhiều lính và tên đồn trưởng, làm cho quân giặc khiếp sợ.

Khi thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ, Nguyễn Khuyến đang dưỡng bệnh ở quê, được cử làm quyền Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên nhưng ông kiên quyết không chịu cộng tác với giặc, ông đã để lại cho đời nhiều văn thơ viết bằng chữ Nôm, chữ Hán, biểu lộ lòng thương cảm đối với cảnh nước mất, nhân dân khổ cực, sự căm thù

bọn cướp nước và bán nước, ngợi ca khí tiết của những người yêu nước.

Mảnh đất và con người Hà Nam trong lịch sử cũng như hiện tại mãi mãi là mạch nguồn của mọi sức mạnh để làm nên những công tích lớn lao, đóng góp vào sự nghiệp lớn dựng nước và giữ nước của dân tộc. Tinh thần yêu nước, dũng cảm quật cường của nhân dân Hà Nam đã làm nên những sự kiện lịch sử chói ngời chiến công, tô thắm thêm truyền thống yêu nước và cách mạng của Đảng bộ và nhân dân trong mấy chục năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

PHẦN THỨ HAI
**ĐẢNG BỘ RA ĐỜI VÀ TRƯỞNG THÀNH
TRONG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
(1927 — 1945)**

CHƯƠNG I
**QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ
(1927 — 1930)**

**I - SỰ CHUYỂN BIẾN VỀ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ,
XÃ HỘI TỪ KHI TỈNH HÀ NAM RA ĐỜI**

Ngày 27-3-1883 Hăngri Rivie, Trung tá Hải quân Pháp, chỉ huy một chiếc tàu nhỏ đánh chiếm các tỉnh ven sông Hồng. Thành Hưng Yên và thành Nam Định bị hạ. Vùng đất Hà Nam khi đó thuộc tỉnh Hà Nội bị đặt dưới sự kiểm soát của thực dân Pháp. Từ năm 1883 đến năm 1890 giặc Pháp vẫn để binh đoàn Misô Larivie hoạt động, dưới sự che chở của pháo thuyền Avalăng xơ, thường trực ở khu vực Hà Nam để đàn áp những cuộc nổi dậy của nhân dân.

Ngày 20-10-1890, tỉnh Hà Nam được thành lập, do Phera làm Công sứ. Từ đó cho đến năm 1904, bộ máy quan lại Nam triều giao cho một viên Bố chánh quản lý. Sau đó, mới có chức Tuần phủ do Nguyễn Hữu Đắc nắm giữ.

Thể theo nguyện vọng của các chủ đồn điền thuộc vùng Lạc Thủy (Hòa Bình), ngày 24-10-1908 Toàn quyền Đông Dương đã ra Nghị định sáp nhập châu này vào tỉnh Hà Nam. Ngày 9-3-1910 theo Nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ, tỉnh Hà Nam chuyển thành Đại Lý⁽¹⁾ lệ vào Nam Định, do Công sứ Nam Định phụ trách. Mãi đến ngày 31-3-1923, Đại lý này mới được xóa bỏ, trở thành tỉnh Hà Nam do Công sứ Phócxăng Pie cai trị. Hà Nam khi ấy là tỉnh nhỏ nhất Bắc Kỳ bao gồm huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Bình Lục, Thanh Liêm và châu Lạc Thủy, tỉnh lỵ đặt tại Phủ Lý⁽²⁾.

Để duy trì sự thống trị, khai thác và bóc lột lâu dài, thực dân Pháp sử dụng bộ máy cai trị của giai cấp phong kiến như một công cụ giúp việc, làm chỗ dựa cho chúng. Đứng đầu tỉnh là quan Tuần phủ, giúp việc cho Tuần phủ có Ty Bồi chánh và Án sát. Các chức vụ của quan lại Nam triều từ phủ huyện trở xuống vẫn giữ nguyên. Giúp việc cho tri phủ, tri huyện có lục sự, thừa phái, cùng một, hai tiểu đội lính cơ. Mỗi tổng có một chánh tổng, phó tổng, tổng đoàn. Xã có lý trưởng, phó lý, trưởng bạ, thư ký, trương tuần và Hội đồng hương chính do chánh hội, phó hội đứng đầu. Châu Lạc Thủy theo chế độ lang đạo; Pháp cho lập đồn binh Chi Nê, cử một võ quan người Pháp làm đồn trưởng và sử dụng triệt để các lang đạo giữ các chức vụ chánh tổng, lý trưởng, trương tuần.

(1) Đại lý là một cơ quan hành chính đặc biệt, bán quân quản đặt trong một tỉnh.

(2) Theo Ngô Vi Liên - Địa chí các tỉnh Bắc Kỳ, xuất bản năm 1926. Hà Nam rộng 1.008 km²; theo Yvơ Hangri - Kinh tế nông nghiệp Đông Dương, năm 1931, Hà Nam rộng 1.140km²; theo Lịch sử Đảng bộ Hà Nam (1945 - 1954), xuất bản năm 1976, thì Hà Nam 1945 rộng 1.200 km²; Hiện tại tỉnh có diện tích 840 km².

Về tư pháp, chúng cho lập Tòa án đệ nhị cấp ở tỉnh do Công sứ làm Chánh án chính thức, nhưng thường giao cho phó Công sứ và Tuần phủ tham dự các phiên tòa. Ở phủ Lý Nhân và huyện Thanh Liêm có Tòa án đệ nhị cấp do một viên chức ngành Tư pháp phụ trách. Còn các huyện Bình Lục, Kim Bảng, Duy Tiên và châu Lạc Thủy, tri huyện hoặc tri châu kiêm nhiệm luôn phần hành chính và tư pháp.

Lực lượng quân sự được thực dân Pháp chú trọng xây dựng. Trong tỉnh có lực lượng lính khố xanh do một Giám binh người Pháp chỉ huy. Trại binh Hà Nam năm 1931 biên chế khoảng 130 người (năm 1900 có 100 người), có phân xuất chinh (cơ động) và phân tăng cường cho đồn bốt ở những vị trí trọng yếu là Như Trác (Lý Nhân), Thành Thi, Vũ Xá (Bình Lục), Quang Thừa, Khả Phong (Kim Bảng), Chi Nê (Lạc Thủy).

Ở các phủ, huyện còn có lực lượng lính cơ (năm 1931 có 68 người) làm nhiệm vụ bảo vệ và giữ an ninh. Để kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động, nhà cầm quyền còn cho lập các điểm canh ở mọi nơi và tổ chức lực lượng tuần đinh do trưởng tuần chỉ huy, canh phòng ngày đêm.

Nhà cầm quyền còn cho xây dựng lực lượng cảnh sát khoảng 25 - 30 nhân viên thuộc Sở Cấm chuyên trách việc bảo vệ trật tự trị an, bắt bớ những người bị tình nghi chống đối chính quyền.

Với hệ thống chính quyền và lực lượng quân sự được tổ chức chặt chẽ từ tỉnh đến tận xã, thôn, thực dân Pháp âm mưu buộc chặt đời sống của nhân dân ta trong vòng kìm kẹp của chúng để dễ bề khai thác tài nguyên và bóc lột dân chúng. Tuy vậy trong quá trình thống trị, thực dân Pháp luôn luôn vấp phải sự kháng cự của nhân dân Hà Nam, nhiều phen làm cho chúng điêu đứng.

Đại bộ phận đất đai Hà Nam nằm trong vùng chiêm trũng, còn lại là vùng rừng núi bán sơn địa thuộc Thanh Liêm, Kim Bảng, Lạc Thủy. Ngoài các dải núi đá vôi, còn có một số đồi đất đỏ và thung lũng phì nhiêu thuận lợi cho trồng cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Các khu vực này dân cư thưa thớt, phần đông là người Mường. Ngay từ năm 1883, một số người Pháp, trong đó là anh em nhà Guyôm, Luy Bôren đã vào vùng Kẻ Sở, Quyển Sơn khai thác đá, thăm dò đất đai để chuẩn bị lập đồn điền. Cùng với việc cấp giấy phép cho một số nhà tư sản khai khẩn đồn điền, thực dân Pháp xúc tiến việc thu thuế và khai thác lâm thổ sản. Thực chất việc cấp giấy phép của chính quyền thực dân với việc được phép khai khẩn của các nhà tư sản là hai hành vi trong một thủ đoạn trắng trợn : chiếm đoạt đất đai ở vùng đồi núi Thanh Liêm, Kim Bảng, Lạc Thủy của nông dân, khai thác lợi nhuận từ vùng đất màu mỡ và nguồn nhân công rẻ mạt ở thuộc địa. Năm 1896 anh em nhà Guyôm chiếm 200 héc ta đất ở vùng Đồng Tâm. Ngày 13-6-1898 chúng lại được cấp một nhượng địa rộng 1.000 héc ta. Năm 1907 Bôren được cấp 100 héc ta ở Đầm Đa. Dựa vào các Nghị định, để có chỗ đứng chân hợp pháp, các nhà tư sản dùng thủ đoạn mua rẻ, đổi chác, lấn chiếm, mở rộng các đồn điền. Chỉ trong một thời gian không dài, tính đến năm 1907 cả tỉnh đã có 5 đồn điền ⁽¹⁾.

Số lượng đồn điền ngày một phát triển. Theo thống kê chưa đầy đủ thì năm 1930 mới có 6 đồn điền, năm 1931 đã lên tới 8 đồn điền, đến năm 1945 có tới

(1) Trần Văn Giàu : Sự hình thành giai cấp công nhân, tr 83 - 143.

9 đồn điền ⁽¹⁾. Một số đồn điền có diện tích khá rộng : Đồn điền Bôren chiếm 7.311 ha, Đồn điền Lơông 1.252 ha, Đồn điền Đờ Salanh 1.162 ha, Đồn điền Lovi 200 ha, Đồn điền Blai 200 ha. Các đồn điền được trồng các loại cây công nghiệp, cây lương thực, trong đó cà phê được trồng ở vùng Kẻ Sỡ từ 1888 với 300 gốc, sớm nhất ở Bắc Kỳ. Theo thống kê 1931 là năm cà phê mất mùa thì diện tích trồng cà phê ở các đồn điền thuộc Hà Nam là 675 ha, thu hoạch 77 tấn ⁽²⁾. Ngoài ra còn trồng lúa và trấu nhưng diện tích không đáng kể.

Để phục vụ việc trồng trọt, các đồn điền còn chăn nuôi các loại gia súc như trâu, bò, dê, cừu, lấy phân bón cho cây, lấy sữa làm bơ và phó mát, dăm bông. Những sản phẩm này mang lại nguồn thu đáng kể cho các chủ đồn điền. Tính đến năm 1932 số gia súc ở các đồn điền có khoảng trên 2.000 con bò sữa và bò thịt, gần 1.000 con trâu và 1.370 con dê, cừu. Phó mát và dăm bông là những mặt hàng của đồn điền Guyôm từng được mang bán ở Hà Nội, Hải Phòng...

Các chủ đồn điền tổ chức sản xuất và quản lý nhân công khá chặt chẽ, như một xí nghiệp. Dưới chủ là đốc công thường là người Pháp, rồi đến ký lục và cai. Mỗi đồn điền lại chia ra làm nhiều sở theo đơn vị thôn xóm. Mỗi sở tùy theo việc sản xuất, chăn nuôi và số phu mà định ra số cai. Một cai thường điều khiển từ 30 đến 60 phu. Phu đồn điền ở Hà Nam có ba loại. Loại thứ nhất là người địa phương bị mất ruộng đất phải làm thuê cho

(1) Các đồn điền này nay phần lớn thuộc huyện Lạc Thủy (Hòa Bình).
(2) Báo cáo của phó Công sứ Hà Nam Rivie, ngày 15-1-1931.

chủ. Loại thứ hai là người nơi khác đến chủ yếu là từ Ninh Bình, Hòa Bình, Hưng Yên sống tập trung ở những dãy lán do chủ làm hoặc tự làm. Loại thứ ba là phu thời vụ sáng đi tối về. Chủ đồn điền trả công cho phu rất rẻ mạt, chỉ đủ mua gạo ăn để sống ngắc ngoải. Đó là chưa kể nạn cúp phạt, nợ lãi, ăn chặn, đánh đập dã man, làm cho cuộc sống của phu các đồn điền ở Hà Nam vô cùng cực khổ. Bệnh tật, đói rét, chết chóc thường xuyên xảy ra. Để chống lại chủ, họ đã bảo nhau phá tài sản, bứt sừa vạt được, bứt dê non, bỏ bò đói, đòi chủ bán thêm gạo.

Song song với việc thiết lập bộ máy cai trị, thực dân Pháp tiến hành xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng như điện, nước, đường giao thông thủy, bộ. Đường xe lửa từ Hà Nội vào Vinh chạy qua tỉnh Hà Nam dài 34 km, có các ga chính là Đồng Văn, Phủ Lý và Bình Lục. Đoạn đường sắt này do Sở Hỏa xa quản lý. Hàng năm chuyên chở một khối lượng lớn đá và hàng hóa đi các vùng. Đường bộ không được mở rộng lắm, có khoảng 155 km đường rải đá và 215 km đường đất. Những đường chính là đường Quốc lộ 1 được xây dựng năm 1885, chạy qua tỉnh từ bắc xuống nam dài 42 km; đường 21 làm năm 1904 - 1905, từ cầu Hộ (Bình Lục) đến Nhượng Lạc (Lạc Thủy) chạy qua Phủ Lý và Chi Nê dài 73 km. Một số đường liên tỉnh như đường 60, 61, 62, 63B, 22, 21B... đều được rải đá. Những con đường này tạo thành một mạng lưới giao thông nối Hà Nam với các vùng lân cận. Tuyến đường thủy cũng được thực dân Pháp chú trọng sử dụng vì chi phí vận chuyển rẻ tiền. Tàu thủy ở Hải Phòng và ở Nam Định đi Hà Nội chạy trên sông Hồng đoạn qua Hà Nam dài 39 km với các bến Phương Trà, Như Trác, Vũ Điện,

Nga Khê (Lý Nhân); Từ Đài, Yên Lạc, Hoàn Dương (Duy Tiên). Sông Đáy vào Hà Nam từ Tân Sơn (Kim Bảng) qua Phủ Lý, Thanh Liêm, thường chỉ có thuyền đi từ trung du xuôi xuống, mang lâm sản hoặc chở đá vôi khai thác ở Kẻ Sở, Vũ Xá. Sông Đào (Phủ Lý) có tác dụng như cầu nối giữa sông Đáy với sông Hồng. Thị xã Phủ Lý là đầu mối của tuyến tàu thủy từ Ninh Bình đi Hà Nội qua sông Đào làm cho Thị xã thêm phần sầm uất.

Hệ thống giao thông thủy, bộ và đường sắt được chú trọng thiết lập, tu sửa còn nhằm mục đích phục vụ cho các cuộc hành quân đàn áp và vận chuyển hàng hóa, tài nguyên thu được trong công cuộc khai thác, bóc lột thuộc địa.

Thực dân Pháp không có ý định mở mang và phát triển công nghiệp ở thuộc địa, vì vậy nền công nghiệp ở Hà Nam kém phát triển. Chúng chỉ tập trung khai thác những gì sẵn có, trong đó dãy núi đá vôi chạy dọc bờ sông Đáy từ Kiện Khê đến Đuan Vĩ được khai thác khẩn trương. Anh em Guyôm đứng ra làm chủ mỏ đá ở Kẻ Sở từ năm 1883. Tiếp đến là Luy Boren khai thác ở Quyển Sơn vào năm 1884. Sau đó có thêm một số tư sản Việt Nam cũng tham gia khai thác như Chu Văn Luận. Đá chủ yếu khai thác thủ công hoặc dùng mìn để phá đá; búa, xà beng để ghè đá thành đá hộc, đá dăm. Công nhân khai thác rất vất vả, thu nhập tùy theo khối lượng sản phẩm. Bình quân mỗi người lao động một ngày chỉ được hưởng khoảng 1 hào 8 xu. Đá khai thác được chở bằng thuyền hoặc xe lửa xuống đồng bằng và các đê để làm đường, kê sông, nung vôi. Đến năm 1918, khối lượng khai thác đá là 50.000 m³/năm. Quy mô khai thác ngày càng lớn. Từ năm 1920

đến năm 1929, ngành khai thác này tăng vọt đến 145.730 m³ ⁽¹⁾. Năm 1930 “Việc khai thác đá ở ven sông Đáy vẫn tiến hành, có 18 mỏ đá đang khai thác” ⁽²⁾.

Thực dân Pháp còn tiến hành khai thác than. Mỏ than Đồi Hoa ở trên quả đồi gần Chi Nê phía trên cây số 107 đường 21 đã được khai thác từ năm 1912 đến năm 1929 thì bỏ.

Không chỉ khai thác tài nguyên, thực dân Pháp còn bóc lột nhân dân bằng đủ mọi hình thức, nặng nề nhất là chính sách thuế khóa. Thuế cũ tăng thêm, thuế mới đặt ra làm cho đời sống của người dân ngày càng điêu đứng. Trong khi đó sản lượng lương thực ngày càng thấp, bình quân lương thực tính theo đầu người ngày càng giảm đi ⁽³⁾.

MÔN LOẠI	1919 - 1922	1925 - 1929	1930	1940 - 1943	1943 - 1944	1944 - 1945
Tổng sản lượng (tấn)	77.000	66.000	70.000	89.000	73.000	70.100
Bình quân đầu người (tạ/năm)	2	1,6	1,6	1,5	1,3	1,2

Theo Đôméc Công sứ Hà Nam (1931 - 1932) trong cuốn Lịch sử tỉnh Phủ Lý đã viết : “Có một số làng đã đóng thuế rất nặng nề mà đồng ruộng của họ cấy được có một vụ”. Nặng nề nhất là thuế thân đánh vào đàn ông từ 18 - 60 tuổi, mỗi xuất đình những

(1) Lịch sử Đảng bộ Nam Hà, tập I, tr. 30.

(2) Báo cáo năm 1930 của phó Công sứ Hà Nam A. Rivie, tr. 5.

(3) Niên Giám thống kê Đông Dương năm 1931.

năm 1930 phải đóng 2 đ 50 không kể các khoản phụ thu. Tùy hương lý kỳ hào, cả phụ thu nơi nhiều nộp tới 4 đ 50, nơi ít cũng 3 đ 00.

Thuế ruộng chia làm ba hạng : nhất đẳng, nhị đẳng, tam đẳng nhưng đều quy lại như nhau, mỗi mẫu là 2 đ 40. Thuế nhà đất cũng chia ra nhiều loại nhà thấp, nhà cao tầng, nhà vệ sinh... nhưng cũng đánh đồng loạt 0,30 đ/1m², xấu tốt, cao thấp như nhau cả, chỉ có lợi cho bọn cường hào, địa chủ, vì chúng có nhiều ruộng tốt, nhà cao cửa rộng nhưng cũng chỉ gánh thuế như ruộng xấu, nhà gianh. Nhiều thứ thuế khác như thuế môn bài, thuế chợ, thuế vệ sinh đè nặng lên vai người dân, bòn rút cùng kiệt sức lực của họ. Từ năm 1905 đến năm 1931, ngân sách tỉnh Hà Nam tăng từ 25.000 đ lên tới 220.814 đ, chúng tỏ bọn thực dân, phong kiến đã bóc lột người dân Hà Nam ngày càng tăng lên gấp bội.

Ra sức bóp nặn, bóc lột nhân dân chưa đủ, chúng còn đầu độc họ bằng rượu cồn, thuốc phiện, cờ bạc và nạn mại dâm. Khắp các làng quê nghèo cho đến thị thành, đâu đâu cũng có các tiểu bài bán rượu cồn. Chỉ một thôn nhỏ như thôn Nội ở Đông Du (Bình Lục) có tới 3 tiểu bài, làng Lũng Xuyên (Duy Tiên) có 2 tiểu bài. Tính riêng một tiểu bài ở làng Đại Vượng (Thanh Liêm), một tháng bán 300 lít rượu. Năm 1937, tri huyện Lý Nhân hiểu dụ dân chúng rằng : “Theo lệnh của quan phụ mẫu mỗi xuất đình phải mua 5 lít rượu trong 1 tháng vì Chính phủ làm ra được nhiều rượu. Quan lớn truyền cho là phải mua nếu không phải chịu pháp luật”. Sự đầu độc của bọn thực

dân khiến nhiều gia đình tan nát vì rượu. Người nghiện rượu nhiều hơn người đi học. Tiệm hút cũng mọc lên như nấm. Thị xã Phủ Lý rộng chưa đầy 1 km² mà trước năm 1930 có tới 300 bàn đèn thuốc phiện. Ở nông thôn nạn hút sách cũng hoành hành, có làng tới 15 bàn đèn như Thanh Châu (Thanh Liêm), có 32 bàn đèn như làng Đô Lương (Yên Bắc - Duy Tiên). Đại bài của mụ Cai Cơ ở thị xã cung cấp thuốc phiện cho cả vùng. Cả dãy phố bờ Hồ có độ 50 nhà, nhưng hầu hết mở tiệm hút, sòng bạc (còn gọi là phố cô đầu). Chánh Kỳ, Tuần Thành là những chủ sòng bạc lớn.

Thực dân Pháp còn dung túng cho ăn chơi trụy lạc, khuyến khích duy trì các phong tục tập quán lạc hậu, ăn uống sa phí; khao vọng, mua danh bán tước, mê tín dị đoan nhằm đầu độc tinh thần và thể xác, làm kiệt quệ nền kinh tế nước ta để chúng dễ bề cai trị người dân.

Giáo dục và y tế ít được thực dân Pháp chú ý. Trường sở thiếu, chỉ dành cho con nhà giàu. Năm 1923 về trước, mỗi tổng có một trường tổng sư gồm 3 lớp đồng ấu, dự bị, sơ đẳng. Khoảng những năm 1928 - 1929 thực dân Pháp cho các xã mở trường học. Đến năm 1930 các huyện đều có trường Kiêm bị (trường tiểu học Pháp - Việt toàn cấp). Riêng Bình Lục có 2 trường Kiêm bị ở huyện lỵ và Ngô Khê. Chương trình giáo dục có đủ các môn Luân lý, Sử ký, Địa dư nhưng nội dung rất nặng. Học sinh 8 tuổi lớp dự bị phải học Địa dư nước Pháp và các thuộc địa của Pháp. Mục đích đào tạo ra lớp người phục vụ cho sự thống trị của chúng. Do vậy mà số người mù chữ rất cao, năm 1931 tính chung cả tỉnh chỉ có khoảng 2% dân số được đi học.

Cơ sở y tế ít, trang bị nghèo nàn. Cả tỉnh chỉ có một bệnh viện quy mô khoảng 20 - 30 giường bệnh với 4 dãy nhà chia thành các khu vực : khu khám bệnh, khu điều trị cho đàn ông; khu điều trị cho đàn bà, phòng mổ, phòng băng bó và khu hộ sinh. Cả bệnh viện có một bác sỹ người Pháp. Từ năm 1930 trở đi, huyện mới có 1 trạm xá với một y tá và một nữ hộ sinh. Năm 1932 mới huấn luyện được 32 bà mẹ đỡ đẻ, phân phối về các làng đông người. Nhìn chung bệnh viện chủ yếu phục vụ người có quyền chức và giàu có, còn trạm xá làm nhiệm vụ phát thuốc và tiêm. Lực lượng y tế mỏng, sức khỏe của người dân không được chăm lo đã dẫn đến tình trạng bệnh nhỏ phát triển thành dịch lớn đe dọa cuộc sống của những người dân nghèo khổ.

Hệ quả của việc thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác, bóc lột, chiếm đoạt, giành đặc quyền về các ngành kinh tế quan trọng, câu kết với cường hào phong kiến bóp nghẹt cuộc sống của nhân dân, duy trì phương thức sản xuất phong kiến lỗi thời và du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã làm xã hội nước ta phân hóa mạnh, xuất hiện những giai cấp mới, mâu thuẫn giữa các giai cấp ngày càng sâu sắc. Hà Nam cũng không nằm ngoài thực tế đó.

Giai cấp địa chủ ở Hà Nam chiếm 4% dân số. Theo thống kê năm 1944 - 1945 toàn tỉnh có 3.458 địa chủ, chiếm hữu 16.812 ha ruộng (31% diện tích canh tác). Không kể các đồn điền Pháp chiếm 11.937 ha. Nhà Chung Kê Sở - Kiện Khê cũng chiếm tới 468 ha. Số địa chủ lớn không nhiều, cả tỉnh có trên 30 hộ nhưng đều có quan hệ mật

thiết với thực dân phong kiến. Địa chủ Bang Diệu ở thôn Tân (Thanh Liêm) cùng con cháu ba đời chiếm hữu hàng ngàn mẫu ruộng ở vùng này, cấu kết thành tập đoàn địa chủ ⁽¹⁾. Hắn từng là tay sai cho thực dân Pháp trong việc đàn áp phong trào yêu nước của Đinh Công Tráng (Thanh Liêm) và chỉ đường cho thực dân Pháp đánh chiếm các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, nên được Toàn quyền Đông Dương cấp giấy *Di hậu ban* cho con cháu nhiều đặc quyền đặc lợi. Được thực dân Pháp dung túng nên bọn chúng tự do bóc lột chiếm ruộng, dỡ nhà, đánh người vô tội.

Phương thức bóc lột chủ yếu của địa chủ là phát canh, thu tô và cho vay nợ lãi. Tô chính phải nộp 50% hoa lợi. Ngoài ra còn một khoản tô phụ cũng khá nặng. Muốn được nhận ruộng, hàng năm trong những ngày lễ tết nông dân phải lễ lạt đủ lệ ⁽²⁾. Túc cũng rất nặng, vay tiền lãi 10% trả trước, vay thóc từ tháng 5 đến tháng 10 trả gấp rưỡi. Nhưng thâm độc hơn là ở chỗ vay của chủ phải viết văn tự thế ruộng đất, vì thế đã làm cho nhiều người nông dân bị mất ruộng đất nhanh nhất.

Một số địa chủ ở Hà Nam còn tham gia hoạt động thương mại. Phạm Quang Vọng (Thanh Liêm) có tiệm cầm đồ ở Thị xã. Phạm Quang Doãn có nhà cho thuê ở Phủ Lý, Hà Nội. Hàn Tư ở thôn Tân (Thanh Liêm) mở xưởng pháo Yên Phú nhưng làm ăn thua lỗ, lại mở xưởng chè Yên Phú cạnh tranh cả với chè chính quốc.

(1) Trong số 26 địa chủ ở Thanh Hương có đến 17 địa chủ là con cháu của Bang Diệu (thống kê 1945).

(2) Lệ thường là tết 5-5 âm lịch phải có cặp vịt, Tết Nguyên đán phải có gà sống thiến và một đấu xôi (1kg).

Đây là bước khởi đầu của quá trình chuyển hóa từ địa chủ sang tư sản của giai cấp địa chủ Hà Nam.

Quyền lợi của giai cấp địa chủ được thực dân Pháp bảo vệ, nhằm cột chúng thành tay sai đắc lực của mình. Vì vậy, mối quan hệ giữa phong kiến và thực dân trở thành sợi dây bền vững trói chặt cuộc sống người nông dân trong vòng nô lệ. Giai cấp địa chủ chính là kẻ thù của cách mạng. Tuy nhiên cũng có một số địa chủ nhỏ quyền lợi không gắn liền với thực dân Pháp, nhưng số này không nhiều.

Giai cấp tư sản Hà Nam số lượng ít, được hình thành rõ rệt từ sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất. Hà Nam là một tỉnh nông nghiệp, công nghiệp ít phát triển nên phần lớn tư sản trong đó có cả Hoa kiều hoạt động thương mại, mở các cửa hàng buôn bán ở thị xã hoặc làm trung gian mua bán hàng hóa nông phẩm. Một số tư sản kiêm địa chủ như Phạm Quang Vọng, Bát Giăng... vừa sở hữu một lượng lớn ruộng đất, vừa kinh doanh buôn bán.

Công nghiệp Hà Nam hoạt động theo lối thủ công. Xưởng gạch ngói của Chu Văn Luận⁽¹⁾ ở thôn Trung Thứ (Thanh Thủy, Thanh Liêm), lúc đầu quy mô nhỏ. Khoảng năm 1930 Chu Văn Luận mới mở rộng sản xuất, mua thêm 12 máy dập khuôn gạch ngói, xây lò bát thuê thợ từ Bát Tràng về làm và xây thêm 20 lò dúc để nung vôi, lập ra Công ty Chu Văn Luận. Đa số tư sản ở Hà Nam là người nơi khác đến, kinh doanh không thuận lợi, cơ sở kinh tế yếu kém đã bỏ đi. Sự yếu kém về kinh tế làm cho vị trí chính trị của giai cấp tư sản Hà Nam

(1) Chu Văn Luận là người làng Văn Hoàng (Phú Xuyên, Hà Đông).

thấp kém. Họ cũng bị đế quốc phong kiến chèn ép, tranh mua, tranh bán, đánh thuế nặng nên cũng bất bình, có tinh thần dân tộc. Song do quyền lợi về kinh tế và bản chất của kẻ bóc lột, họ dễ thỏa hiệp với giai cấp thống trị.

Tầng lớp tiểu tư sản ở Hà Nam bao gồm nhiều thành phần (thợ thủ công, tiểu thương, công chức nhỏ, hương sư, giáo viên, nhân viên các công sở, học sinh) sống tập trung ở thị xã và rải rác ở các huyện. Tầng lớp này ra đời khi Phủ Lý và các thị trấn tập trung đông dân, bộ máy thống trị của thực dân đã hoàn chỉnh về mọi phương diện. Với số lượng đông tới hàng nghìn người, cuộc sống bấp bênh, luôn bị Pháp chèn ép đánh thuế cao không khuyến khích phát triển nên đời sống của họ cũng rất cơ cực. Một số nghề thủ công cổ truyền bị mai một như nghề dệt Nha Xá, nghề làm hàng đôi môi ở Bình Lục. Công chức nhỏ, giáo viên, hương sư cuộc sống eo hẹp, lương bổng ít ỏi trong khi giá cả thị trường luôn biến động. Họ là những người được học hành, nhận thức tiến bộ, nhận rõ mặt trái của chế độ thực dân phong kiến nên giàu lòng yêu nước, có khả năng đi theo cách mạng, là lực lượng quan trọng trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Giai cấp nông dân Hà Nam chiếm tới 90% dân số. Dân đông, đất trồng trọt ít, bình quân mỗi nhân khẩu trung nông chỉ được 3 sào, bần nông 1 sào 6, cố nông 0 sào 8, đa số là ruộng xấu. Người dân vùng đồng chiêm trũng quanh năm chỉ trông vào một vụ chiêm, luôn bị thất bát, nhiều gia đình triền miên sống bằng khoai sắn, bữa cháo bữa rau. Đó là chưa kể giáo dân còn phải đóng góp cho địa chủ nhà Chung, vùng núi còn chịu sự áp bức của lang đạo, lại bị buộc chặt thân phận vào các chủ đồn điền. Ruộng đất xấu, chế độ canh tác lạc

hậu, thiên tai đe dọa, mất mùa thường xuyên xảy ra càng làm cho đời sống người nông dân khốn cùng. Họ phải mò cua, bắt ốc, diu tép. Nhiều người vì hoạn nạn phải cầm cố ruộng đất cho địa chủ. Không còn kế sinh nhai họ phải bỏ làng đi tha phương, kiếm việc làm ở khắp các tỉnh Bắc Kỳ, đi phu đồn điền ở Nam Kỳ, Cao Miên, Tân Đảo. Có những làng như Dũng Kim, Mạc Thượng, Bàng Ba, Vạn Thọ (Lý Nhân); Đồng Du (Bình Lục); Văn Bút (Trác Văn - Duy Tiên) có 80% nam giới phải bỏ quê hương, ra đi không hy vọng có ngày về. Có làng bỏ đi hết bị xóa tên như làng Gạo (Bình Lục). Sự bóc lột của bọn thực dân phong kiến ngày càng thâm tệ, đời sống người nông dân ngày càng cơ cực trong vòng tăm tối. Lòng căm thù bọn bóc lột của người nông dân lên đến tột cùng. Nhiều nơi nông dân nổi dậy chống sưu cao thuế nặng, phu phen tạp dịch. Họ khao khát độc lập và ruộng đất, hăng hái chống đế quốc và phong kiến. Họ chính là động lực to lớn của cách mạng dân tộc dân chủ, chỉ chờ có một đường lối lãnh đạo đúng đắn là vùng lên lật đổ kẻ thù và giai cấp thống trị.

Giai cấp công nhân Hà Nam ra đời sớm. Từ năm 1883 khi Guyôm mở công trường khai thác đá ở Kiện Khê, rồi đến các đồn điền ra đời đã góp phần thúc đẩy sự hình thành lực lượng công nhân nông nghiệp thu hút từ các tỉnh Ninh Bình, Bắc Ninh, Hòa Bình, Hưng Yên đến khai thác mỏ, làm đồn điền. Lực lượng công nhân Hà Nam đông thêm vào đầu thế kỷ XX, lúc các xưởng gạch ngói, các lò bát, lò vôi, xưởng giấy được xây dựng. Tuy nhiên số lượng công nhân trong tỉnh không lớn. Theo thống kê năm 1930 có khoảng 1.400 người. Thời kỳ cao điểm (vụ thu hoạch) lên tới vài nghìn, tập trung chủ yếu

ở vùng đồn điền thuộc huyện Lạc Thủy, Thanh Liêm, Kim Bảng, công trường đá Kiện Khê, ga Phú Lý. Cuộc sống của họ hết sức cơ cực, bị trói chặt vào hợp đồng của chủ; lương thấp ⁽¹⁾ không đủ sống. Ở đồn điền Lạcông, một số gia đình công nhân hàng tháng chỉ được ăn ba, bốn bữa cơm ⁽²⁾. Ở Cốc Nội, Thung Cầu, Ba Non, có gia đình công nhân chết cả nhà vì đói rét, bệnh tật. Đó là chưa kể bọn chủ, bọn cai ký luôn đánh đập, chửi mắng, cúp phạt tiền lương của công nhân một cách vô cớ ⁽³⁾. Công nhân nhiều lần đứng dậy đấu tranh, nhưng do ở lẻ tẻ, xa trung tâm, số lượng ít nên phong trào đấu tranh không mạnh mẽ, tự phát.

Tuy không có những cuộc đấu tranh gây tiếng vang lớn như mỏ Quảng Ninh, dệt Nam Định, nhưng các cuộc đấu tranh dù lẻ tẻ hoặc tự phát cũng thể hiện giai cấp công nhân Hà Nam là một lực lượng cách mạng quan trọng góp phần vào cuộc đấu tranh chống đế quốc phong kiến của tỉnh nhà và cả dân tộc.

II - CHỦ NGHĨA MÁC — LÊ-NIN ĐƯỢC TRUYỀN BÁ VÀO HÀ NAM

Trước khi có chủ nghĩa Mác - Lê-nin truyền bá vào Hà Nam, nhân dân Hà Nam với truyền thống yêu nước từ lâu đời đã không ngừng nổi dậy đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước. Từ khởi nghĩa của Đinh Công Tráng ở Thanh Liêm (1884 - 1887) đến khởi nghĩa của Đề Yêm ở Kim Bảng

(1) Tiền công ở đồn điền, năm 1931, đàn ông trả 0 đ 13, đàn bà trả 0 đ 12, trẻ em 8 xu.

(2) Nhà ông Ất, phu rẫy chuồng bò đồn điền Lạcông.

(3) Chị Nam người Hưng Yên bị đánh chết lúc mới 30 tuổi.

(1887 - 1890), hàng ngàn nông dân đã hăng hái tham gia nghĩa quân. Không nao núng trước sự đàn áp của kẻ thù, nhân dân Hà Nam sẵn sàng đóng góp, cung cấp lương thực vũ khí cho nghĩa quân. Nhiều vùng đất ở Thanh Liêm, Kim Bảng, Duy Tiên trở thành căn cứ của nghĩa quân. Với vũ khí thô sơ nghĩa quân đã chiến đấu quật liệt làm cho địch bị thiệt hại nặng nề. Mặc dù những cuộc khởi nghĩa này cuối cùng đều bị thất bại nhưng nó minh chứng cho tinh thần quật khởi, lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân Hà Nam suốt chiều dài lịch sử.

Khi phong trào đấu tranh (1925 - 1926) đòi thả nhà yêu nước Phan Bội Châu và tổ chức truy điệu cụ Phan Chu Trinh phát triển rầm rộ cả nước thì ở Hà Nam một số thanh niên yêu nước cùng quần chúng cách mạng nhiệt tình hưởng ứng. Nổi bật trong số đó là Nguyễn Hữu Tiến người làng Lũng Xuyên (Duy Tiên), sớm có lòng yêu nước. Học hết tiểu học thì cha mất, cảnh nhà neo túng, anh mở trường tư ở làng để dạy học, vừa giúp đỡ gia đình vừa có điều kiện tuyên truyền lòng yêu nước tới mọi người. Nguyễn Hữu Tiến thường viết những vần thơ có nội dung yêu nước, tình đoàn kết cho học sinh học :

Nghĩ câu máu chảy ruột mềm

Thương nòi thương nước anh em một lòng

Đinh ninh ghi tạc chữ đồng

Nước non này nước non chung đó mà.

Năm 1925 Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt ở Hương Cảng (Trung Quốc), bí mật đưa về nước giam ở Hỏa Lò. Trước sự đấu tranh của quần chúng, bọn Pháp buộc phải đưa cụ ra xử tại phiên tòa đề hình tại Hà Nội.

Nguyễn Hữu Tiến cùng Nguyễn Văn Chương ⁽¹⁾ và một số bạn bè đã đi dự, tổ chức phong trào vận động làm đơn lấy chữ ký, gửi Toàn quyền Varen đòi thả Phan Bội Châu được đông đảo nhân dân trong tỉnh hưởng ứng. Phong trào có ý nghĩa lớn góp phần cùng nhân dân cả nước đấu tranh buộc phiên tòa phải hủy bỏ bản án, đưa cụ về Huế an trí.

Cuối tháng 3 năm 1926 nhà yêu nước Phan Chu Trinh từ trần ở Sài Gòn, đám tang có hàng vạn người dự. Nhiều nơi trong cả nước đã tổ chức lễ truy điệu cụ trước sự đe dọa của nhà cầm quyền. Ở Nam Định học sinh trường Thành Chung cùng quần chúng cách mạng đấu tranh đòi được tổ chức lễ truy điệu buộc bọn thống trị phải nhượng bộ. Lễ truy điệu cụ Phan được tổ chức tại nghĩa trang Bắc Tế (Mỹ Trọng, Mỹ Xá, ngoại thành Nam Định) thu hút các tầng lớp trong tỉnh và các tỉnh lân cận tham dự. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến đã cùng Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Văn Phác, Bùi Xuân Lan ⁽²⁾... là những thanh niên Lũng Xuyên (Duy Tiên, Hà Nam) đã xuống Nam Định dự buổi lễ truy điệu. Khi đi họ mang bức trướng đề dòng chữ "Tinh thần bất tử" để tỏ sự ngưỡng mộ của mình đối với lòng yêu nước của Phan Chu Trinh.

Tại địa bàn Hà Nam một nhóm học sinh được giáo viên giúp đỡ, đã tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh ở sân chùa Bàu ⁽³⁾. Sư chùa Bàu là người yêu nước đã cho học sinh mượn hương án bày trên thềm nhà khách. Tan

(1) Nguyễn Văn Chương lúc đó là quần chúng cách mạng ở Lũng Xuyên.

(2) Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Văn Phác, Bùi Xuân Lan đều là đảng viên chi bộ Lũng Xuyên 1930.

(3) Đó là các thầy Phương (Đông Lạc Kim Bàng), Nhạ (Chân Trấu, Kim Bình) và các học sinh có : Huân, Tiến, Yết, Diên... (đồng chí Nguyễn Duy Huân sau là Tỉnh ủy viên 1930).

học buổi chiều, học sinh tụ tập về sân chùa, một băng vải đỏ đề chữ *Phan Tây Hồ tiên sinh* bằng chữ Quốc ngữ màu vàng được treo trang trọng trên hương án có đủ đèn, nến, lư hương, dưới đất trải hai hàng chiếu. Có khoảng 200 người cả thanh niên và học sinh theo học. Sau khi nghe thầy Nhạ đọc diếu văn và kêu gọi học tập tinh thần yêu nước của Phan Chu Trinh, mọi người đã mặc niệm trước hương án. Buổi lễ được bí mật chuẩn bị và bất ngờ tổ chức nên bọn địch không biết. Sau đó chúng tổ chức điều tra, bắt một số học sinh, họ đã dũng cảm trả lời : “Chúng tôi truy diếu Phan Chu Trinh như người Pháp kỷ niệm Gianda mà thôi”. Bọn Pháp không làm gì được trước tinh thần khảng khái đó, nên đành phải thả. Nhân dân ở thị xã Phủ Lý rất có cảm tình với những học sinh yêu nước đó, họ rất xúc động gọi các anh là *những người chống Pháp*.

Cũng trong thời gian này, Phạm Tất Đắc, một thanh niên yêu nước, quê ở Dũng Kim (Lý Nhân)⁽¹⁾ sống trong cảnh nước mất nhà tan, quan lại tham tàn những nhiều, đã viết bài thơ Chiêu hồn nước :

*Xưa kia cũng lắm anh hùng
Dọc ngang trời đất vẫy vùng bể khơi
Xưa kia cũng lắm người hào kiệt
Trong một tay nắm hết giang hà
Nghìn thu tăm tiếng chẳng nhòa*

(1) Phạm Tất Đắc sinh ngày 15-5-1909. Năm 1923 là học sinh trường Bưởi. Do tham gia lễ truy diếu Phan Chu Trinh và hô hào bãi khóa nên bị đuổi học. Cuối năm 1926 viết cuốn Chiêu hồn nước nên bị bắt giam ở Hà Nội rồi bị đưa lên an trí ở Nhà trướng giới Trị Cự (Bắc Giang), tiếp tục tuyên truyền chống Pháp, tổ chức đánh giám thị nên bị đưa về giam ở Hỏa Lò (Hà Nội). Năm 1930 được tha. Mất ngày 24-4-1935.

*Mở mày mở mặt con nhà Lạc Long...
Cũng nhà cũng cửa cũng giang san
Thế mà nước mắt nhà tan hơi trời.
Nghĩ lắm lúc định cười hóa khóc
Muốn ra tay ngang dọc ngang.*

Bài thơ ra đời đúng vào dịp thực dân Pháp và tay sai đàn áp dã man phong trào bãi khóa, bãi thị đình công và được nhà in Thanh niên ở Hà Nội bí mật in và phát hành; được quần chúng, nhất là học sinh, sinh viên nhiệt liệt hoan nghênh. Từ cảm hứng tự hào về quá khứ anh hùng của dân tộc, sự giàu có của đất nước, tác giả đau xót trước hiện thực của đất nước, dồn nén tình cảm vào ngòi bút, làm cho từng lời từng chữ trở thành người bạn đồng hành trong suốt quá trình tranh đấu của bao lớp thanh niên. Cái man mác bi thương của vần điệu đã thức tỉnh hết lớp người này đến lớp người khác vùng lên.

Bài thơ có tác dụng tuyên truyền lòng yêu nước, khí phách con cháu Lạc Hồng, chóng được lưu truyền trong quần chúng và lan sang các tỉnh lân cận, làm thức tỉnh và khơi dậy bao nhiệt huyết của lớp sinh viên, học sinh mang lại niềm tự hào về truyền thống của đất nước. Đặc biệt đã thức tỉnh truyền thống yêu nước của nhân dân Hà Nam, nhất là có ảnh hưởng lớn đến tầng lớp thanh niên có học. Họ tìm đọc báo chí, thơ văn yêu nước đang được lưu truyền khắp cả nước, tìm hiểu về cách mạng Tân Hợi qua tài liệu *Tây Hán chí* và *Lịch sử Hoàng Hưng*, tìm hiểu cách mạng tháng Mười qua

Báo *Việt Nam hôn*, các sách công khai của *Nam Đông thư xã*, *Quan Hải tùng thư*, *Cường Học thư xã*; Báo *Le Paria* (Người cùng khổ) của Nguyễn Ái Quốc xuất bản ở Pháp được bí mật đưa về nước. Những buổi đọc *Huyết lệ tâm thư* của Phan Bội Châu, *Chiêu hôn nước* của Phạm Tất Đắc... đã nuôi dưỡng chí căm thù, lòng yêu nước và tinh thần dân tộc trong tâm hồn những người thanh niên yêu nước ấy.

Trực tiếp tham gia vào phong trào đấu tranh dân chủ, những người con của Hà Nam như Nguyễn Hữu Tiến, Phạm Tất Đắc, Nguyễn Duy Huân... nổi lên như những tấm gương sáng cổ vũ phong trào yêu nước ở tỉnh, làm cơ sở cho sự truyền bá tư tưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên⁽¹⁾, báo hiệu sự chuyển biến về chất của phong trào cách mạng Hà Nam.

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập năm 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc). Khi thành lập Hội gồm những thanh niên Việt Nam yêu nước làm nòng cốt, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản Việt Nam. Lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và phương pháp vận động cách mạng được đồng chí trực tiếp giảng dạy ở các lớp huấn luyện và chuyển tải qua báo Thanh niên và cuốn *Đường cách mệnh*. Những hội viên sau khi đào tạo được đưa về nước, hoạt động gây cơ sở đã có tác dụng mạnh mẽ, lôi cuốn ngày càng đông đảo những người yêu nước có ý chí đấu tranh cứu nước.

(1) Các tài liệu trước đây gọi là Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Từ những năm 1925 - 1926, ánh sáng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã lan tới Hà Nam. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến được Trần Tử Yến là sinh viên trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương (Hà Nội) và là hội viên Việt Nam Cách mạng Thanh niên giác ngộ, đưa tài liệu sách báo có nội dung cách mạng cho đọc và tuyên truyền trong nhân dân. Sau đó đồng chí được kết nạp vào hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tham gia tuyên truyền, phát triển được nhiều cơ sở ở địa phương. Năm 1927, Trần Tử Yến ⁽¹⁾ tham gia bãi khóa, bị đuổi học về Lũng Xuyên cùng Nguyễn Hữu Tiến và đồng chí Vũ Hưng (Uyển) người Thận Tu (Duy Tiên) thành lập chi hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại đình làng Lũng Xuyên, đây là chi hội đầu tiên ở Hà Nam.

Đầu năm 1927 Việt Nam Cách mạng Thanh niên thâm nhập về Nam Định, gây dựng cơ sở và thành lập Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên được Kỳ bộ Bắc Kỳ giao nhiệm vụ phát triển hội ở cả khu vực phía Nam đồng bằng Bắc bộ trong đó có Hà Nam.

Đồng chí Vũ Khế Bất tức Cả Tất, hiệu là Đông Sơn người làng Nhân Nhuế (Mỹ Lộc, Nam Định), tham gia Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Định. Nhờ quan hệ với nhiều bạn bè cùng học ở Hà Nam, đồng chí đã tuyên truyền đường lối của hội, thu hút họ tham gia tổ chức và xây dựng cơ sở hội ở hầu hết các huyện trong tỉnh (trừ Lạc Thủy).

Đồng chí Đào Gia Lưu, dạy học ở trường Cửa Bắc (Nam Định) vào Hội năm 1927. Năm sau, về Bình Lục bắt mối với đồng chí Nguyễn Hữu Hựu và Nguyễn Văn Dương

(1) Trần Tử Yến khi về Duy Tiên dạy học gọi là giáo Việt.



Ông chi NGUYỄN HỮU TIẾN
Đầu tiên ANCMTN ở Hà Nam, năm 1927

(Bồi Cầu) là người quen cũ rồi lên Thị xã gặp Lương Văn Thái ⁽¹⁾ đang làm thư ký Bưu điện ở Hà Nam; đến Duy Tiên gặp Nguyễn Doãn Chấn dạy học ở Tường Thụy ⁽²⁾ đều là bạn bè cũ để xây dựng cơ sở.

Sự thâm nhập của Việt Nam Cách mạng Thanh niên vào Hà Nam theo nhiều nguồn gốc khác nhau, phát triển độc lập, không có sự liên kết với nhau. Giữa các nguồn chưa thống nhất về tổ chức, chưa có chương trình hoạt động chung. Đây là sự hạn chế về tổ chức hội trong toàn tỉnh, nhưng tập hợp xung quanh các chi hội, được tuyên truyền, các hội viên đều tích cực mở rộng cơ sở, giác ngộ quần chúng nhìn rõ kẻ thù của dân tộc là đế quốc Pháp và phong kiến tay sai, đồng thời thấy được con đường của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi đế quốc Pháp giành độc lập cho dân tộc, đánh đổ chế độ Nam triều lấy lại ruộng đất cho dân cày. Các hội viên ra sức tuyên truyền ảnh hưởng và xây dựng thêm nhiều chi hội. Tính đến cuối năm 1927 tổ chức hội ở Hà Nam đã được thành lập ở Lũng Xuyên, Tường Thụy, Hòa Mạc, Chìa Xá (Duy Tiên), Bình Trung, Hưng Công, Cổ Viên, An Ninh, Bồi Cầu, Cầu Họ (Bình Lục) và thị xã Phủ Lý... Cuối năm 1928, đồng chí Đào Gia Lựu đã tổ chức Tỉnh bộ lâm thời Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hà Nam để chỉ đạo phong trào. Tỉnh bộ gồm các đồng chí Đào Gia Lựu, Vũ Đức Thọ, Lương Văn Thái nhưng lúc này chưa có hoạt động gì đáng kể.

Trong thời kỳ này có một số văn kiện rất quan trọng, tác động đến sự trưởng thành của các hội viên Hà Nam, đó là cuốn *Đường cách mệnh* của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

(1) Lương Văn Thái quê ở Tiên Hải - Thái Bình.

(2) Nguyễn Doãn Chấn quê ở Hoàng Hóa, Thanh Hóa.

Đây là tác phẩm lý luận cách mạng đầu tiên được truyền bá vào hai tỉnh Nam Định, Hà Nam. Có thể coi đây là mốc lịch sử đánh dấu sự chuyển hướng đấu tranh cứu nước theo phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Tháng 4-1928, Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Bắc Kỳ cử đồng chí Trịnh Đình Cửu về mở lớp huấn luyện chính trị tại Nam Định cho cán bộ chủ chốt. Nội dung truyền đạt gồm các bài : lịch sử tiến hóa xã hội, các trường phái chủ nghĩa cách mạng, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, cách mạng tháng Mười Nga và chế độ Xô Viết, Lịch sử Việt Nam, các tổ chức cách mạng, các bước công tác cách mạng. Từ những nội dung cụ thể này giảng viên đã trang bị cho các học viên lý luận về con đường phát triển của cách mạng Việt Nam và phương pháp vận động cách mạng. Các đồng chí được huấn luyện lấy đó làm nội dung tuyên truyền ở cơ sở trong tỉnh Nam Định và Hà Nam.

Từ nội dung của cuốn *Đường Cách mệnh* và những nội dung của lớp huấn luyện chính trị, hoạt động của Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hà Nam đã không chỉ nâng cao giác ngộ tinh thần yêu nước mà còn đề cập tới nội dung cách mạng vô sản, cách mạng theo phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Qua đó, một số hội viên bước đầu đã giác ngộ được về vấn đề giai cấp và cách mạng vô sản, tự trang bị vốn lý luận cần thiết trong hoạt động tuyên truyền gây thanh thế và tổ chức cơ sở hội. Hình thức hoạt động của các hội viên rất phong phú. Qua các cuộc bạn bè thăm hỏi, tổ chức đi hội Chùa Hương, mở các lớp bồi dưỡng chính trị ngắn ngày, thông qua tình cảm bạn bè, anh em họ hàng thăm dò, khéo léo gợi ý lòng yêu

nước rồi tiến tới đưa Báo *Thanh Niên*, cuốn *Đường Cách mệnh*, *Các chủ nghĩa*, Báo *Việt Nam hôn* ⁽¹⁾ cho các hội viên bí mật truyền tay nhau đọc.

Không chỉ dừng lại ở tuyên truyền, giác ngộ, xây dựng tổ chức, các cơ sở Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hà Nam bước đầu còn vận động phu kéo xe, công nhân ga xe lửa Phủ Lý, học sinh thị xã ném gạch đá vào trụ sở mộ phu, giật lá cờ vàng của chúng xuống và đuổi đánh những tên tay sai dụ dỗ người đi phu ⁽²⁾. Ở Duy Tiên, các hội viên sưu tầm những chứng cứ về hành động tham nhũng của hương lý, kỳ hào tập trung lại để đồng chí Nguyễn Hữu Tiến viết bài đăng báo, vạch mặt chúng trước nhân dân, vận động nhân dân chống lại tệ nạn xã hội, nhất là tệ xôi thịt của hương lý, kỳ hào trong các lệ ngạch ma chay, cưới xin, tế lễ.

Nhìn chung, hoạt động của Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hà Nam chủ yếu là tuyên truyền xây dựng cơ sở, đấu tranh ở mức độ thấp, phạm vi hẹp, nhưng đã có tác dụng thu hút được những quần chúng yêu nước, trong đó đa số là giáo viên, hương sư, thanh niên, học sinh, nông dân tham gia tổ chức hội, bước đầu tạo được lòng tin vào đường lối của Hội.

Tính đến tháng 9-1929 tổ chức Hội ở Hà Nam phát triển rất nhanh, có cơ sở ở hầu khắp các huyện trong

(1) Báo *Việt Nam hôn* do Nguyễn Thế Truyền làm chủ bút viết theo chủ trương của Nguyễn Ái Quốc, có nói đến Liên Xô và các thuộc địa. Báo này lưu hành chủ yếu ở Pháp, một số đưa được về Việt Nam. Nguyễn Thế Truyền có em là Nguyễn Duy Nhạc làm việc trong dinh Tuần phủ Hà Nam nên có báo ấy gửi về.

(2) Sở mộ phu chuyên mộ phu cho các đồn điền hầm mỏ, nhưng nhiều khi chúng bắt người về Sở rồi đòi chuộc 5 đ một người khiến nhân dân bất bình.

tỉnh. Thị xã Phủ Lý thành lập một chi hội đường phố. Ở Duy Tiên có hai chi hội Lũng Xuyên và trường tổng sư Tường Thụy phát triển được 30 hội viên nằm rải rác ở bảy làng (Lũng Xuyên, Thận Tu, Quan Nha, Hòa Mạc, Văn Bút, Tường Thụy, Chia Xá). Tại Kim Bảng có cơ sở ở Phù Đê, Phương Khê, Quyển Sơn, Vân Chu và huyện lỵ. Huyện Thanh Liêm có 6 hội viên ở Yên Cừ, Ngái Trì, Chi Truật, Cổ Động, Đại Vượng. Huyện Lý Nhân có cơ sở ở làng Đồng Vũ (Thọ Ích) thôn Mạc Thượng, Dũng Kim. Bình Lục là huyện có phong trào rộng nhất và số hội viên đông nhất, xây dựng được cơ sở ở các thôn Bình Trung, Ngọc Lũ, An Ninh, Thành Thị, Viễn Lai, Cổ Viễn, Hưng Công, Vỵ Thượng, Vỵ Hạ, Bối Cầu, Đồng Du, Ô Mễ, Vũ Xá và trường Kiêm bị. Theo thống kê chưa đầy đủ, đến thời gian này số hội viên toàn tỉnh là 77 đồng chí. Những cơ sở hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên này chính là nền tảng vững chắc về tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản sau này.

III - SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG BỘ HÀ NAM (10-1929 — 9-1930)

Việt Nam Cách mạng Thanh niên với nhiệm vụ truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cứu nước trong quần chúng đã xây dựng được nhiều cơ sở hội ở các trung tâm kinh tế, chính trị quan trọng, phát triển rộng ở một số vùng nông thôn trong tỉnh bước đầu giác ngộ về cách mạng vô sản, về chủ nghĩa cộng sản cho số đông hội viên. Hội thực sự làm nòng cốt trong vận động đấu tranh chống đế quốc, phong kiến ở địa phương. Khi phong trào cách mạng dân tộc dân chủ lên cao, đòi hỏi đấu tranh quyết liệt hơn để đánh đổ đế quốc phong kiến thì cần phải có sự lãnh đạo của một chính Đảng của giai cấp vô sản. Những người tiên tiến trong Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã sớm nhận ra điều đó.

Tại Đại hội toàn quốc của Việt Nam Cách mạng Thanh niên (5-1929) ở Hương Cảng (Trung Quốc), đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ đề nghị thành lập Đảng Cộng sản, nhưng không được chấp nhận, đã bỏ ra về, xúc tiến thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng.

Ngày 17-6-1929, Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập tại Hà Nội, Chính cương và Tuyên ngôn của Đảng được công bố. Tờ báo *Búa Liềm* cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng ra đời. Sự kiện lịch sử quan trọng này ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng Hà Nam. Đồng chí Nguyễn Hới⁽¹⁾ - Ủy viên Thường vụ Trung ương lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng, Bí thư Ban Tỉnh ủy lâm thời Nam Định được phân công phụ trách bốn tỉnh Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình. Do vậy công tác xây dựng Đảng ở Hà Nam có nhiều thuận lợi.

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng, tháng 10-1929 đồng chí Lê Công Thanh⁽²⁾ về xây dựng các chi bộ Đảng ở Hà Nam. Đồng chí Lê Công Thanh được đồng chí Vũ Khế Bất (Đông Sơn) dẫn đường bắt liên lạc với các cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trong tỉnh. Nơi đầu tiên các đồng chí đến là Bình Trung, Ngọc Lũ, Hưng Công, Cổ Viễn - Những nơi có phong trào mạnh của Bình Lục. Các đồng chí đã nhóm họp, giải thích cho các hội viên Việt Nam Cách mạng Thanh niên thấy rõ lý do, mục đích phải thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng; học tập Điều lệ, chính cương sách lược của Đông Dương Cộng sản Đảng và lựa chọn các hội viên ưu tú

(1) Đồng chí Nguyễn Hới (tức Hạp, tức Nhỏ) quê ở Thượng Cốc, Gia Lộc, Hải Dương.

(2) Đồng chí Lê Công Thanh quê ở làng Mao Xá, tổng Xuân Lai, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Việt Nam Cách mạng Thanh niên chuyển thành đảng viên Đông Dương Cộng sản Đảng. Trong một thời gian ngắn đã thành lập được chi bộ ghép Bình Trung - Ngọc Lũ có 5 đảng viên (Trần Đình Điền, Trần Đăng Khánh, Nguyễn Duy Chu, Phan Văn Tân, Nguyễn Văn Thế); chi bộ ghép Hưng Công - Cổ Viên - Sơn Lâm có 3 đảng viên (Ngô Gia Bảy, Nguyễn Bá Bút, Trần Văn Nghinh); chi bộ ghép Và - Vối ⁽¹⁾ có 3 đảng viên.

Tháng 11-1929 đồng chí Lê Công Thanh lên Duy Tiên theo sự giới thiệu của đồng chí Vũ Khế Bật. Đồng chí đã gặp các đồng chí Nguyễn Doãn Cháp (giáo Mã), Nguyễn Hữu Tiến (giáo Hoài); Phạm Văn Đoàn (phó Đoàn) bàn bạc việc chuyển Đảng. Năm ngày sau Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở trường học được thành lập tại miếu Đệ Tứ thôn Tường Thụy, gồm có 6 đảng viên (Nguyễn Doãn Cháp, Nguyễn Hữu Tiến, Phạm Văn Tô, Phạm Văn Đoàn, Vũ Văn Uyển, Nguyễn Văn Trạc) do đồng chí Nguyễn Hữu Tiến làm Bí thư.

Trước tết Nguyên Đán năm đó vào tháng 1-1930, đồng chí Lê Công Thanh về thị xã Phủ Lý gặp đồng chí Nguyễn Duy Huân (Quyển Sơn - Kim Bảng) là học sinh tham gia thành lập hội từ những ngày đầu. Sau đó tổ chức họp ở nhà nữ đồng chí Nguyễn Thị Tỵ quyết định thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đường phố do đồng chí Nguyễn Duy Huân phụ trách gồm 3 đồng chí (Nguyễn Duy Huân, Trần Thị Phúc, Nguyễn Thị Tỵ) ⁽²⁾.

(1) - Và (Vụ Thượng, Vụ Hạ) nay thuộc xã Trung Lương.
- Vối nay thuộc xã Bối Cầu.

Tên các đồng chí đảng viên của Chi bộ này chưa xác minh được rõ.

(2) Sau đó kết nạp thêm hai đồng chí Nguyễn Thị Kiến, Trần Thị Đức. Tháng 9 năm 1930, thành lập Tỉnh ủy lâm thời Hà Nam, đồng chí Nguyễn Duy Huân tham gia Ban Tỉnh ủy, đồng chí Trần Thị Phúc làm Bí thư - Là nữ Bí thư chi bộ đầu tiên của thị xã Phủ Lý.

Chi bộ thứ hai được thành lập vào tháng 3-1930 (Hoàng Quốc Cơ, Phạm Mộng Sách, Hoàng Văn Giáo).

Sau đó đồng chí Lê Công Thanh đi các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm, Lý Nhân, bằng phương pháp tuyên truyền, kết hợp với các đồng chí nòng cốt ở địa phương, lựa chọn những hội viên ưu tú từ Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập được các chi bộ.

- Chi bộ phố huyện Kim Bảng (3-1930) gồm các đồng chí Nguyễn Văn Đạt, Bùi Văn Khiết, Nguyễn Văn Hương do đồng chí Nguyễn Văn Đạt làm Bí thư.

- Chi bộ Đại Vượng - Thanh Liêm (5-1930) có các đồng chí Nguyễn Văn An, Nguyễn Văn Kiện, Lê Văn Nhận do đồng chí Nguyễn Văn An làm Bí thư.

- Chi bộ Thọ Ích - Lý Nhân (9-1930) có các đồng chí Thái Văn Tố, Thái Huy Quỳnh, Thái Văn Khuê do đồng chí Thái Huy Quỳnh làm Bí thư.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ trong một thời gian chưa đầy một năm (10-1929 - 9-1930) toàn tỉnh đã thành lập được 9 chi bộ với trên ba mươi đảng viên. Việc mau chóng thành lập các chi bộ Cộng sản ở các huyện, thị đã đáp ứng yêu cầu cấp thiết của phong trào cách mạng phát triển lên mức cao hơn để thực hiện mục đích cuối cùng là đánh đổ đế quốc phong kiến, xây dựng chế độ mới tốt đẹp hơn. Đây là thời kỳ chuyển Đảng ở Hà Nam, một sự kiện lịch sử trọng đại đã có tác động rất lớn đến phong trào cách mạng trong tỉnh theo đúng tinh thần chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản: "Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người Cộng sản Đông Dương là thành lập một Đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương"⁽¹⁾.

(1) Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập I, NXB CTQG II, 1998 trang 614.

Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng mới được thành lập ở các huyện, thị, theo đường lối thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam phong trào đấu tranh của nhân dân Hà Nam như được thổi một luồng sinh khí mới. Các hoạt động rải truyền đơn, treo cờ Đảng, mít tinh, tuyên truyền cho sự ra đời của Đảng và đấu tranh chống bọn cường hào, ác bá ở địa phương diễn ra sôi nổi.

Ngày 21-1-1930, tại thị xã Phủ Lý, theo chủ trương của Đảng, các đồng chí đảng viên đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm các vị lãnh tụ của phong trào công nhân quốc tế là V.I. Lênin, Các Lipnec, Rôđa Luýchxămbua, dưới nhiều hình thức và đã gây ảnh hưởng của Đảng rộng rãi trong quần chúng. Lá cờ đỏ có hình búa liềm mang dòng chữ Đông Dương Cộng sản Đảng được treo trên dây điện thoại mắc qua sông Đáy (1) làm cho địch loay hoay, lúng túng đối phó. Đêm hôm đó, truyền đơn còn được rải ở nhiều phố trong Thị xã, giới thiệu ba lãnh tụ, nêu rõ đường lối của Đông Dương Cộng sản Đảng và kêu gọi quần chúng vùng lên đấu tranh chống đế quốc phong kiến.

Nhân dịp kỷ niệm ngày quốc tế lao động 1-5-1930 các đồng chí đảng viên đã tích cực rải truyền đơn ở thị xã Phủ Lý, ga Đồng Văn (Duy Tiên) và Vị Thượng (Bình Lục)... kêu gọi thợ thuyền, nông dân, binh lính đấu tranh. Cờ Đảng được treo ở Câu lạc bộ Tây ở Thị xã (nhà xéc), cây gạo chùa Bà Đanh, cây đa Phù Đê (Kim Bảng), cây đa Mưỡu, chợ Lệnh (Duy Tiên)... khích lệ tinh thần

(1) Đồng chí Lưu Ngọc Thêm (tức Ấn) quê ở Hòa Lạc xã Liêm Khiết (Thanh Liêm) là hội viên Việt Nam Cách mạng Thanh niên được chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng thị xã Phủ Lý giao nhiệm vụ treo cờ.

đấu tranh của quần chúng. Chi bộ Đảng trong binh lính ở Thị xã đã tiến hành công tác binh vận có nhiều kết quả. anh em lính khố xanh có đơn kiện tên giám binh Rapai (Rappaillie) ⁽¹⁾ hà khắc, đòi hồi lộ và xỉ vả binh lính. Tháng 8-1930 Chi bộ đã treo cờ đỏ búa liềm ở cổng trại lính, rải truyền đơn trong trại lính, trong tòa sứ, giới thiệu sự ra đời của Đảng.

Khi tổ chức đã rộng, phong trào đã khá, các chi bộ chủ trương vận động phong trào quần chúng đấu tranh đòi bỏ sưu, giảm thuế, bãi bỏ Hội đồng hương chính ⁽²⁾ và sổ chi thu làng ⁽³⁾. Thi hành chủ trương này các huyện liên tiếp tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình, diễn thuyết ở chỗ đông người...

Ngày 22-8-1930, chi bộ Đảng Hưng Công (Bình Lục) đã tập hợp gần 300 người, kéo lên huyện đường, vạch tội bọn kỳ hào trong Hội đồng hương chính lợi dụng sổ thu chi đánh cấp tiền của công, đòi phế bỏ Hội đồng hương chính, bỏ sổ chi thu, đòi tiền đắp đê 64. Trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, tri huyện Lan phải nhận giải quyết.

Tiếp đó, ngày 25-8-1930, chi bộ Ngọc Lũ vận động gần 500 người kéo lên huyện, có cả phụ nữ tham gia. Tên tri huyện giờ thủ đoạn bắt mọi người phải làm đơn có chữ ký hồng làm chùn bước đấu tranh. Chi bộ Ngọc Lũ vận động quần chúng làm bản yêu sách, cả 500 người đoàn kết chờ đến chiều và cùng ký tên, điểm chỉ. Tri huyện một lần nữa buộc phải nhận yêu sách, hứa giải quyết.

(1) Thư gửi quan Thống sứ Bắc Kỳ ngày 6 tháng 8 năm 1930 của anh em lính khố xanh Hà Nam.

(2) Hội đồng hương chính còn có tên là hội đồng kỳ hào, một tổ chức giả hiệu do bọn thống trị đặt ra bên cạnh chính quyền xã.

(3) Sổ chi thu ghi các khoản thu chi do hội đồng hương chính quản lý, đặt ra các khoản thu phụ gây khó khăn cho nhân dân.

Ở Duy Tiên còn tổ chức mít tinh, diễn thuyết giới thiệu sự ra đời của Đảng Cộng sản, ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh, để vận động quần chúng đấu tranh. Lớn nhất là cuộc mít tinh ở đền Lảnh (thuộc Lảnh Trì xã Mộc Hoàn Nam) vào tháng 9-1930. Các chi bộ đã tranh thủ ngày hội đền, để tập trung đông người để tổ chức mít tinh, thu hút tới 200 người gồm đảng viên, hội viên nông hội đỏ và các tổ chức quần chúng cách mạng tham gia. Đoàn người tập trung ở Ba Hàng, tiến ra dốc Chợ Lệnh, theo đê Đại hà kéo về đền Lảnh, vừa đi vừa hô các khẩu hiệu Đả đảo đế quốc Pháp và phong kiến, chống sưu cao, thuế nặng, chống áp bức bóc lột v.v...

Đến cổng đền, sau tiếng pháo nổ, cờ búa liềm và khẩu hiệu xuất hiện càng làm cho khí thế thêm hùng hực, sôi sục. Cả khu hội phút chốc trở nên trật tự để lắng nghe diễn thuyết. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến lên tiếng đánh thép tố cáo tội ác của đế quốc, phong kiến, hô hào chống sưu cao thuế nặng, đòi ruộng đất, áo cơm. Cuộc mít tinh đã biến thành cuộc biểu tình tuần hành rầm rộ. Sau cuộc mít tinh, tri huyện Nguyễn Hữu Thái đem lính về quây, nhưng không bắt được ai.

Ở Lý Nhân, chi bộ đã vận động quần chúng biến cuộc rước đuốc đêm trung thu của trẻ em làng Mạc Thượng thành cuộc biểu tình đả đảo tên phó lý Canh - một tên cường hào gian ác của xã này, được đông đảo quần chúng hưởng ứng. Tại thị xã, đảng viên làm nòng cốt lãnh đạo tiểu thương làm đơn đòi bỏ phạt, giảm thuế, sửa sang chợ. Chị em tiểu thương đệ đơn vào Tòa sứ buộc Chánh sứ phải nhận đơn và bỏ thuế ngôi chợ.

Những cuộc đấu tranh dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng bước đầu giành được một số thắng lợi, là đòn

cảnh cáo chính quyền tay sai ở địa phương, qua đó, các đảng viên trong tỉnh cũng rút ra được những kinh nghiệm về công tác vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh trực diện với địch, đồng thời tập dượt cho quần chúng phương pháp đấu tranh chính trị kết hợp đòi quyền lợi về kinh tế, đấu trí trước kẻ thù; rèn luyện năng lực tổ chức, lãnh đạo cho các đảng viên, tiến tới đấu tranh ở mức cao hơn.

Sau khi thành lập các chi bộ Đảng Cộng sản ở các huyện, thị, phong trào đấu tranh phát triển, đòi hỏi có tổ chức lãnh đạo chung cho phong trào toàn tỉnh, Xứ ủy đã chỉ đạo kịp thời về việc thành lập Đảng bộ. Thi hành Chỉ thị của Xứ ủy, đồng chí Lê Công Thanh đã xúc tiến chuẩn bị tổ chức Hội nghị đại biểu Đảng bộ Hà Nam. Tháng 9-1930, tại nhà đồng chí Nguyễn Hữu Trạc (Lũng Xuyên), Hội nghị họp với sự có mặt của đại biểu các huyện, thị, đề ra chủ trương:

- Đẩy mạnh việc phát triển tổ chức Đảng, nơi nào chưa có tổ chức Đảng thì kịp thời tổ chức ngay; đồng thời phát triển các tổ chức quần chúng, nhất là Nông hội đỏ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng chống thực dân, phong kiến, giành độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày: quyết định lập cơ sở in và ra báo Đảng lấy tên là *Dân Cày*.

- Hội nghị đã cử ra Ban Tỉnh ủy lâm thời Hà Nam gồm ba đồng chí (Lê Công Thanh, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Duy Huân) do đồng chí Lê Công Thanh làm Bí thư.

Đây là sự kiện lịch sử to lớn, đánh dấu bước phát triển quan trọng của phong trào cách mạng Hà Nam, thống nhất được sự lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng trong toàn tỉnh, đưa phong trào tiến lên một bước mới.

Từ sau Hội nghị này, phong trào cách mạng Hà Nam đã có những bước tiến lớn. Các chi bộ đã tuyển lựa kết nạp được nhiều đảng viên mới. Các tổ chức như Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ, Học sinh đoàn... được xây dựng ở nhiều nơi và phát triển nhanh chóng.

Công tác tuyên truyền giáo dục đảng viên, mở rộng ảnh hưởng của Đảng được các chi bộ chú ý. Không chỉ treo cờ Đảng, rải truyền đơn, diễn thuyết về sự ra đời của Đảng, một số chi bộ đã lập các cơ sở in thạch để in lại truyền đơn báo chí của cấp trên. Ngoài cơ sở in thạch ở Lũng Xuyên của Tỉnh ủy do đồng chí Nguyễn Hữu Tiến phụ trách, ở thị xã Phủ Lý, Kim Bảng, Bình Lục cũng lập cơ sở in tài liệu, truyền đơn... phục vụ công tác tuyên truyền.

Như vậy, từ Việt Nam Cách mạng Thanh niên thâm nhập vào địa phương (1927) đến sự ra đời của Tỉnh ủy lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hà Nam, là khoảng thời gian không dài nhưng đủ minh chứng cho sự phát triển không ngừng phù hợp với xu thế lịch sử của phong trào cách mạng ở Hà Nam. Là vùng quê giàu truyền thống yêu nước và cách mạng đã đứng lên ngay từ những ngày đầu chống Pháp, với những chiến công của nghĩa quân Đinh Công Tráng, Đề Yêm. Hà Nam cũng đã sớm tiếp thu tư tưởng mới, tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào trong tỉnh qua tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Đông Dương Cộng sản Đảng. Quá trình tuyên truyền, xây dựng tổ chức đã tiến lên mít tinh, biểu tình đấu tranh trực diện với kẻ thù; chứng tỏ tính cách mạng của nhân dân Hà Nam, nhất là giai cấp nông dân - một lực lượng chiếm trên 90% dân số. Tinh thần cách mạng đó đã góp phần vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc, vào sự nghiệp của Đảng ta để giành độc lập dân tộc, tự do, cơm áo, hòa bình cho nhân dân.



Đồng chí LÊ CÔNG THANH
Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam từ 9-1930 - 1-1932

CHƯƠNG II
**KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG
VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG**
(1930 — 1939)

**I - ĐẤU TRANH KHÔNG MỆT MỎI
ĐỂ CỨNG CỐ ĐẢNG BỘ**

Ngày 3-2-1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào đấu tranh Cách mạng trong cả nước như được sự cổ vũ tiếp thêm sức mạnh, phát triển rầm rộ ở khắp nơi. Hàng loạt các cuộc biểu tình lớn nổ ra, đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh tháng 9-1930, làm cho thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai điên cuồng, lo sợ, dùng mọi biện pháp hồng bớp chết phong trào cách mạng của nhân dân. Chúng tung những tên mật thám sành sỏi, ngày đêm rình rập ở những nơi có phong trào, sử dụng lực lượng quân đội để đàn áp các cuộc biểu tình, không khí căng thẳng trùm lên làng quê Việt Nam. Trong một báo cáo của Đảng đầu năm 1931 đã viết:

“Ở nông thôn: đế quốc khủng bố tất cả các địa phương. Tất cả những người tình nghi đều bị bắt. Điếm canh mọc khắp nơi. Khách qua đường đều bị xét hỏi bất cứ lúc nào.

Ở thành phố: đế quốc lùng xét, bắt bớ liên tục, nhất là những khu lao động. Đình chùa bị lính khố xanh chiếm

đóng. Các viên hộ phố có trách nhiệm phải luôn luôn khám xét các người ở thuê..."⁽¹⁾.

Đây cũng là thời gian ở Hà Nam có nhiều hoạt động sơ hở, nhất là trong việc rải truyền đơn và treo cờ ở thị xã Phủ Lý; truyền đơn rải cả vào nơi làm việc của địch như Tòa sứ và các công sở khác; có khi còn bỏ truyền đơn vào phong bì gửi tới Công sứ; dán truyền đơn vào sau xe của tuần phủ. Cờ Đảng được cắm ở Cầu lạc bộ Tây, cổng trại lính, cổng Tòa sứ. Vì vậy địch đã theo dõi phát hiện một số cơ sở cách mạng ở thị xã Phủ Lý, tổ chức một cuộc khủng bố lớn đến 23-9-1930 mới kết thúc. Chúng bắt được Phạm Mộng Sách, Hoàng Quốc Cơ và Hoàng Văn Giáo cùng nhiều người khác, tổng cộng tới 24 người gồm đảng viên, quần chúng trung kiên và những người đã được giác ngộ trong bộ máy thống trị, binh lính, học sinh và Bưu điện. Tuy vậy cơ quan Tỉnh ủy lâm thời, cơ quan giao thông của Tỉnh ủy và chi bộ đầu tiên của Thị xã vẫn bảo vệ được.

Bất chấp sự khủng bố của địch, Tỉnh ủy lâm thời Hà Nam mới được thành lập, nhưng các đồng chí đảng viên trong tỉnh đã nêu cao tinh thần cách mạng quyết tâm giữ vững phong trào. Thực hiện chủ trương của Xứ ủy Bắc kỳ về hưởng ứng phong trào đấu tranh của nông dân Tiên Hải (Thái Bình) và Xô viết Nghệ Tĩnh. Tỉnh ủy lâm thời Hà Nam đã họp bàn ở đình Cổ Viên (Hưng Công - Bình Lục) quyết định tổ chức một cuộc mít tinh lớn, có tuần hành thị uy nhằm phát động quần chúng đấu tranh đòi bỏ Hội đồng hương chính, giảm sưu thuế, ủng

(1) Báo cáo của Đảng 3-1931.



Đình Triều Hội (thôn Bình Trung, Bồ Đề, Bình Lục) - Nơi nổi lên
hội trống mở đầu cho cuộc mít tinh, biểu tình ngày 20-10-1930
của nông dân huyện Bình Lục

hộ Xô viết Nghệ Tĩnh và nông dân Tiền Hải. Sau khi phân tích tình hình. Hội nghị đã vạch ra kế hoạch cụ thể cho cuộc đấu tranh sắp tới; ngày tiến hành được ấn định vào ngày 20-10-1930 (tức ngày 29-8 Canh Ngọ) vì hôm đó là phiên chợ ⁽¹⁾, rất thuận lợi cho cuộc biểu tình. Địa điểm xuất phát là đình Triều Hội ⁽²⁾ (Bồ Đề) sẽ tuần hành thị uy qua An Ninh, Vũ Bản và nếu có điều kiện sẽ kéo về huyện lỵ Bình Lục.

Nghị quyết của Tỉnh ủy được nhanh chóng truyền đạt tới các cơ sở Đảng. Công tác chuẩn bị được tiến hành gấp rút. Các đảng viên hăng hái tham gia vào việc giải thích chủ trương đấu tranh cho quần chúng, in truyền đơn, may cờ, kẻ khẩu hiệu ⁽³⁾. Các hội viên Nông hội đỏ và phụ nữ hoạt động rất tích cực, giúp nhân dân ở nơi khác đến từ tối 19-10.

Theo đúng kế hoạch, sớm ngày 20-10, hàng trăm đảng viên và quần chúng cách mạng ở các nơi đã hòa vào dòng người đi chợ, kéo về địa điểm tập trung. Đúng giờ quy định, tiếng trống đình Triều Hội nổi lên đôn dập. Theo sau là tiếng pháo giòn giã. Cờ đỏ búa liềm và truyền đơn xuất hiện. Hàng nghìn người đang mua bán nghe tiếng trống và thấy cờ đỏ búa liềm xuất hiện đã đứng vào hàng ngũ. Đồng chí Ngô Gia Bảy thay mặt Tỉnh ủy đứng lên diễn thuyết, vạch tội ác của bọn đế quốc phong kiến, kêu gọi quần chúng đứng lên theo Đảng làm cách mạng, đòi bãi bỏ hội đồng cải lương, đòi giảm sưu, giảm thuế,

(1) Phiên chợ Bình Trung còn gọi là chợ Bồ Đề vì ở đó có trồng một cây bồ đề, cạnh đấy là đình Triều Hội.

(2) Đình Triều Hội xã Bình Trung nay thuộc xã Bồ Đề.

(3) Hàng gánh giấy để in truyền đơn, bốn thước vải điều tây để may cờ, 16 bánh phao Tường Ký được mua về giấu ở nhà đồng chí Nghiệp.

ủng hộ phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và nông dân Tiền Hải. Hàng ngàn cánh tay vung lên hô vang khẩu hiệu : *Đả đảo Pháp đế quốc chủ nghĩa! Diệt trừ phong kiến chế độ! Ủng hộ Nghệ Tĩnh đở ! Ủng hộ nông dân Tiền Hải! Ủng hộ nước Nga Xô viết ! Việt Nam Cộng sản Đảng vạn tuế !*

Các đồng chí đảng viên làm nòng cốt cùng quần chúng nhân dân đứng vào hàng ngũ biểu tình tuần hành. Đoàn người kéo về phía An Ninh, dẫn đầu đoàn biểu tình là ba người phụ nữ ⁽¹⁾, hai người cầm cờ đỏ vẽ hình búa liềm và một người giương cao băng có dòng chữ "*Việt Nam Cộng sản Đảng*". Mọi người vừa đi, vừa reo hò, vừa đốt pháo, đòi bãi bỏ chi thu và giảm thuế ⁽²⁾. Đoàn người ngày một đông thêm. Đến các điểm đông người, các đảng viên thay nhau diễn thuyết, đốt pháo, phát truyền đơn. Đoàn biểu tình theo đê Ất Hợi, tiến về chợ Thành Thị. Đến chợ Vọc thì đã trưa. Các đồng chí lãnh đạo hội ý quyết định không lên huyện như kế hoạch mà mít tinh ngay ở chợ Vọc rồi chia về các ngã, đến Canh Ben thì giải tán.

Cuộc mít tinh và biểu tình của nông dân Bình Lục tại Bình Trung ⁽³⁾ kết thúc thắng lợi. Lần đầu tiên người dân ở vùng chiêm trũng được vạch tội kẻ bóc lột mình trước thanh thiên bạch nhật, được nhìn thấy cờ đỏ búa liềm giương cao, biểu thị lòng căm phẫn với chế độ thực dân, phong kiến. Đây là một thời cơ tuyên truyền cho quần chúng hiểu rõ hơn về Đảng, người đại diện

(1) Ba người con gái là Trần Thị Viện, Trần Thị Cán, Nguyễn Thị Khuyến.

(2) Trích báo Đông Pháp số 1.120 ngày 22-10-1930 đưa tin về cuộc biểu tình Bồ Đề.

(3) Ngày nay thường gọi là cuộc biểu tình Bồ Đề.

cho quyền lợi của nhân dân lao động. Với hơn 1.000 lượt người tham gia trong thời gian 7 giờ liền trên địa bàn rộng từ Bồ Đề đến An Ninh, Thành Thị, Vọc, Canh Ben có diễn thuyết với biểu dương lực lượng, tán phát truyền đơn, kêu gọi lòng tương thân tương ái, cuộc biểu tình Bồ Đề thực sự là một cuộc đấu tranh chính trị lớn nhất của nông dân Hà Nam, là đỉnh cao của phong trào đấu tranh cách mạng ở Hà Nam thời kỳ 1930 - 1931, gây một tiếng vang lớn đối với nhân dân trong và ngoài tỉnh. Trong thư gửi Quốc tế Nông dân đề ngày 5-11-1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nêu rõ: "Hà Nam là một trong những tỉnh có phong trào nông dân phát triển qua cao trào cách mạng 1930 - 1931". Trong đánh giá của Hội nghị cán bộ Đảng Trung Kỳ họp từ 22 đến 27-12-1930, khi nhận định về phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nông dân đã viết: "Nông dân ở Thái Bình và Phủ Lý đã tổ chức các cuộc bãi công và biểu tình chống tư bản và địa chủ" ⁽¹⁾. Về mặt tổ chức, Hội nghị nhấn mạnh: "Những nông hội đều tồn tại ở Thái Bình và Phủ Lý" ⁽²⁾. Điều đó chứng tỏ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp nông dân được tập hợp trong một tổ chức đấu tranh nhất định giành thắng lợi.

Thực dân Pháp và bè lũ tay sai vô cùng hoảng sợ trước cuộc biểu tình tuần hành của nông dân nổ ra ở Bình Trung. Chúng vội vã điều quân từ Phủ Lý theo đê sông Sắt qua Hưng Công, Ngọc Lũ về. Từ Nam Định chúng theo đường Cầu Họ, tạt sang đê Ất Hợi qua làng Vọc, ập

(1), (2) Đánh giá của Hội nghị cán bộ Đảng Trung Kỳ - Văn kiện Đảng toàn tập, tập II, NXB CTQG, II, 1998, tr. 334, tr. 335.

lên Bình Trung, cho binh lính đóng đầy đình Triều Hội. Sáng hôm sau, địch bắt đầu vây ráp, lùng sục, bắt bớ, đánh đập liên miên suốt 15 ngày liền. Ngày nào chúng cũng chia quân thành nhiều mũi tiến hành càn quét, lùng sục ở các xã Bình Trung, Ngọc Lũ, Hưng Công, Vũ Bản, An Ninh. Trên các đầu mối giao thông chính, địch cho lính cùng với bọn mật thám, chỉ điểm canh gác kiểm tra rất nghiêm ngặt để lùng bắt cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng. Sau khi chà đi xát lại, chúng bắt gần 100 quần chúng trung kiên và 20 đảng viên của các chi bộ Hưng Công, Bình Trung, Ngọc Lũ, An Ninh, Vũ Bản đưa về sở Liêm phóng Nam Định và Hà Nam giam cầm; uy hiếp tinh thần gây tâm lý căng thẳng trong nhân dân, làm cho một số quần chúng hoang mang, dao động; trong đó có cả đảng viên chưa bị bắt cũng nằm im không hoạt động.

Ở các huyện khác, địch cũng tăng cường lực lượng, đẩy mạnh rà soát đánh phá cơ sở. Tại Kim Bảng, chúng đã phá tủ sách công khai đặt ở trường tổng Khả Phong. Bọn mật thám còn ập vào chùa Phù Đê để bắt Tổng sư trưởng Phù Lưu là đảng viên mới chuyển từ Nam Định về. Trên địa bàn Thanh Liêm, Duy Tiên, Lý Nhân cũng nằm trong tình trạng bị khám xét thường xuyên. Bọn giám binh cho quân về những nơi có phong trào mạnh như Lũng Xuyên, Đại Vượng, Mạc Thượng chặn đường lùng sục. Được sự đùm bọc của nhân dân, đa số đảng viên vẫn tiếp tục hoạt động gây dựng phong trào, mở rộng ảnh hưởng của Đảng, kết nạp thêm nhiều đảng viên mới.

Cuối năm 1930, phong trào cách mạng cả nước phát triển mạnh, đòi hỏi Đảng phải có một cương lĩnh cụ thể hơn, một Ban Chấp hành Trung ương chính thức để lãnh đạo quần chúng đấu tranh theo đúng đường lối của Đảng

đã vạch ra. Tháng 10 năm 1930, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ nhất ở Hương Cảng, kiểm điểm đánh giá tình hình từ khi Đảng ra đời; thông qua Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú khởi thảo; quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương và bầu Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư.

Quán triệt Nghị quyết của Hội nghị Trung ương, thi hành Chỉ thị của Xứ ủy và để chấp nối lại toàn bộ cơ sở cách mạng, thống nhất chỉ đạo phong trào toàn tỉnh sau các cuộc khủng bố của địch, ngày 22-1-1931, đồng chí Lê Công Thanh đã triệu tập Hội nghị đại biểu Đảng bộ Hà Nam tại Lũng Xuyên (Duy Tiên), có đại biểu của Xứ ủy và 13 đại biểu các huyện, thị xã tham dự⁽¹⁾. Tại Hội nghị các đại biểu đã được học tập Luận cương chính trị, nghiên cứu Điều lệ, nghe thông báo về việc đổi tên Đảng, kiểm điểm tình hình, nhất là từ khi thành lập Tỉnh ủy lâm thời, đồng thời đề ra những chủ trương mới.

Hội nghị được tổ chức vào thời điểm địch đang điên cuồng chống phá phong trào cách mạng ở nhiều nơi. Những chủ trương của Đảng bộ trong tình hình mới hết sức cụ thể. Ngoài việc tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng, củng cố phát triển Đảng và các tổ chức quần chúng, nhất là Nông hội đỏ, Hội nghị còn bàn đến vấn đề đấu tranh nội bộ, chống lại những biểu hiện của tư tưởng tả hoặc hữu khuynh trong Đảng như phiêu lưu, manh động hoặc rụt rè, cầu an, sợ khủng

(1) Đại biểu Xứ ủy là Nghiêm Thượng Biền (tức Thắng) sau phân bội; đại biểu huyện, thị gồm các đồng chí Tô, Tiến, Uyên, Bấy, Bút, Tâm, Ký An, Lý Kiện, Phó Cả, Tình, Huân...

bố, không dám đấu tranh, đang tồn tại gây tác hại cho phong trào; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của người đảng viên là phải đi đầu trong lãnh đạo quần chúng đấu tranh, đi sâu, đi sát cơ sở để củng cố chất lượng phong trào.

Hội nghị cũng quyết định ra tờ báo Đỏ - Cơ quan ngôn luận của Đảng bộ ⁽¹⁾ nhằm tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về đường lối cách mạng cho đảng viên và quần chúng.

Hội nghị đã bầu Ban Tỉnh ủy chính thức gồm 7 đồng chí.

- Đồng chí Lê Công Thanh, Bí thư, phụ trách chung, trực tiếp phụ trách Kim Bảng và Chi Nê.

- Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến, phụ trách tuyên truyền huấn luyện.

- Đồng chí Nguyễn Duy Huân, phụ trách thị xã, Thanh Liêm, công tác phụ vận.

- Đồng chí Vũ Uyển, phụ trách Lý Nhân.

- Đồng chí Ngô Văn Bảy, phụ trách Bình Lục.

- Đồng chí Phạm Văn Tô, phụ trách Duy Tiên.

- Đồng chí Nguyễn Văn An, phụ trách Thanh Liêm.

Sau hội nghị, phong trào đấu tranh trong tỉnh có bước chuyển biến mới. Cán bộ, đảng viên tin tưởng vào đường lối của Đảng, tích cực hoạt động theo những chủ trương của hội nghị thành lập Tỉnh ủy chính thức. Các đồng chí trong Ban Tỉnh ủy được phân công phụ trách các địa bàn nhanh chóng truyền đạt nghị quyết xuống cơ sở.

(1) Tháng 9-1930, tại Hội nghị bầu Ban Tỉnh ủy lâm thời có ra báo lấy tên là Dân Cày ra được 4 - 5 số. Hội nghị này cho rằng Dân Cày không bao hàm hết các tầng lớp nên đổi thành báo Đỏ.

Các biện pháp củng cố Đảng, phục hồi cơ sở, tuyên truyền vận động quần chúng và lãnh đạo quần chúng tiếp tục đấu tranh được các huyện bàn bạc và thực hiện nhanh chóng.

Sau cuộc khủng bố ở Bình Lục, tinh thần một số đồng chí hoang mang, có người nằm im. Các đồng chí lãnh đạo đã phân công nhau về cơ sở chấp nối, bắt liên lạc với những đảng viên còn lại, để mọi người thấy rõ “việc địch khủng bố là tất nhiên, chớ thấy địch khủng bố mà e dè, không dám hoạt động, không dám đấu tranh, mà địch càng khủng bố thì càng phải tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh vì sự nghiệp cách mạng là của quần chúng. Trước mắt kẻ địch có mạnh nhưng nhất định chúng sẽ thất bại”⁽¹⁾.

Ở Duy Tiên là nơi phong trào mạnh, lãnh đạo huyện phát huy truyền thống đấu tranh kiên quyết với kẻ thù, chú trọng tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức giác ngộ của quần chúng. Đảng bộ đã hướng quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi trước mắt như bãi trừ các hủ tục lạc hậu gián tiếp đánh vào bọn hương lý kỳ hào. Chi bộ Lũng Xuyên lãnh đạo nhân dân đấu tranh phá lệ tế quan ôn. Ở Hòa Mạc chi bộ lãnh đạo nhân dân bỏ lệ cỗ ăn, cỗ dựa⁽²⁾, tại Văn Bút, chi bộ vận động nhân dân tổ chức đám ma cho một đồng chí đảng viên bị ốm chết một cách trang trọng nhưng không tốn kém. Những hoạt động đó đã khẳng định được vị trí của Đảng trong lòng quần chúng, tạo niềm tin vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

(1) Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ và nhân dân huyện Bình Lục (1930 - 1945), Sơ thảo - 1990 tr. 57.

(2) Cỗ dựa là phần mang về của các cụ mâm trên.

Tháng 4-1931, đảng viên và quần chúng thôn Vân Chu (Phù Vân, Kim Bảng) đấu tranh chống chủ thầu Vũ Văn Triết lấy đất ruộng lúa áp trúc đê sông Đáy, phải trả tiền đất cho dân. Tiếp đó, đến tháng 6-1931, nhân dân Yên Lạc (Đồng Hóa) đã kiên quyết phản đối việc địa chủ xâm chiếm khu đất cấm của làng. Tri huyện Vũ Duy Cẩn đem lính về uy hiếp nhưng phải chùn bước trước sức mạnh của nhân dân.

Mặc dù địch vẫn tiếp tục đàn áp khủng bố nhưng phong trào đấu tranh của nông dân vẫn phát triển không ngừng. Thực dân Pháp xoa dịu, mua chuộc, để lôi kéo những người nhẹ dạ, vừa xuyên tạc chủ trương đường lối của Đảng, gieo rắc sự nghi ngờ trong quần chúng. Chúng còn đưa tay chân chui vào hàng ngũ cách mạng để chống phá từ trong ra, tổ chức phản tuyên truyền làm giảm uy tín của Đảng. Chúng tán phát các tài liệu phản động như cuốn sách "Mặt nạ Cộng sản" về tận tổng, xã nhằm xuyên tạc chủ nghĩa Cộng sản, tuyên truyền Cộng sản là cộng vợ, cộng chồng, là không có Tổ quốc; đề cao chủ nghĩa tư bản, ca ngợi đường lối quốc gia. Cuộc đấu tranh của Đảng bộ trên mặt trận tư tưởng chống lại các luận điệu xảo quyệt của địch cũng rất quyết liệt, vì vừa phải vũ trang lý luận cơ bản cho đảng viên, vừa nâng cao nhận thức cho đảng viên về Đảng, về chủ nghĩa Cộng sản, về cách mạng vô sản. Yêu cầu đặt ra hết sức cấp bách, Ban Tỉnh ủy đã cho in cuốn *Cộng sản vấn đáp* kịp thời đấu tranh chống những luận điệu phản tuyên truyền của địch. Báo Đỏ ⁽¹⁾ của Đảng bộ được xuất bản đều đặn một tháng

(1) Báo in thạch lúc đầu đặt ở nhà đồng chí Nguyễn Hữu Tiến (Lũng Xuyên), sau chuyển về Thị xã do đồng chí Đán phụ trách.

hai kỳ, khi nhiệm vụ chính trị đột xuất thì ra số đặc biệt. Nội dung của báo phong phú nhằm tuyên truyền đường lối của Đảng, kế hoạch công tác của Tỉnh ủy, thông báo tin tức, xã luận, truyện ngắn. Các lớp huấn luyện, bồi dưỡng lý luận cho đảng viên cũng được tổ chức. Đáng chú ý là lớp huấn luyện do đồng chí Nguyễn Hữu Tiên tổ chức vào tháng 3-1931, được bố trí bằng một cuộc truy hội chùa Hương. Những nội dung về Chính cương, Điều lệ, Cách mạng tư sản dân quyền do đồng chí Trần Phú thảo, phương pháp vận động quần chúng được các đồng chí đảng viên lĩnh hội nghiêm túc.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Tỉnh ủy trên mặt trận tư tưởng đã đạt được hiệu quả khá quan trọng. Trong hoàn cảnh hoạt động hết sức khó khăn, quân thù ngày đêm rình rập, công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng vào thắng lợi trong cuộc đấu tranh chung của toàn tỉnh.

Trong quá trình tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống lại sự khủng bố của thực dân Pháp và tay sai, cán bộ đảng viên luôn luôn được thử thách, rèn luyện, thực hiện tốt chủ trương của Đảng bộ đề ra. Công tác củng cố và phát triển Đảng được Đảng bộ quan tâm sát sao. Số người được kết nạp ngày càng nhiều: Bình Lục đến đầu 1931 qua sàng lọc sau khủng bố, còn tới 37 đồng chí, Duy Tiên kết nạp thêm 19 đồng chí, Thanh Liêm phát triển thêm 3 đồng chí, những nơi khác như Lý Nhân, Phủ Lý, Kim Bảng số đảng viên đều tăng. Tính đến tháng 4-1931 tổng số đảng viên ở Hà Nam có 82 đồng chí ⁽¹⁾ ở 43 làng và khu phố thuộc 5 huyện và thị xã. Tuy nhiên vùng đồn điền Lạc Thủy vẫn chưa có cơ sở, đây là

(1) Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 3, NXB CTQG, II, 1995, tr. 74.

một điểm yếu mà Đảng bộ chậm khắc phục, không thu hút được lực lượng công nhân đồn điền vào cuộc đấu tranh chung. Chất lượng đảng viên thời kỳ này nhìn chung khá tốt và được kinh qua thử thách trong đấu tranh.

Số đảng viên tăng lên, yêu cầu sâu sát với quần chúng được đặt ra. Ban Tỉnh ủy không thể trực tiếp giao nhiệm vụ cho từng đảng viên cho phù hợp từng địa bàn hoạt động, do vậy phải thành lập các Ban Huyện ủy. Bình Lục, Duy Tiên, Thanh Liêm, Lý Nhân đã thành lập Ban Huyện ủy sớm. Bình Lục có số đảng viên đông nhất nên còn thành lập các Ban Tổng ủy⁽¹⁾.

Đảng bộ Hà Nam hết sức quan tâm xây dựng các tổ chức quần chúng, giao chỉ tiêu cho mỗi đảng viên phải tuyên truyền và thành lập được một tổ chức quần chúng do mình lãnh đạo, lấy đó làm nơi tập hợp, rèn luyện, thử thách, tạo nguồn cho việc phát triển Đảng. Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ, Phụ nữ liên hiệp hội, Thanh niên là những tổ chức phát triển mạnh. Nhất là Nông hội đỏ, tập hợp được đông đảo những nông dân tích cực tham gia, lúc cao điểm có tới 300 hội viên⁽²⁾. Mạnh nhất là Bình Lục có 168 hội viên, riêng Ngọc Lũ đã có 37 hội viên, Đại Vượng (Thanh Liêm) có 20 hội viên, Lý Nhân có 68 hội viên. Ngoài ra, một số tổ chức hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp cũng được thành lập, như Hội Hoa đăng, Hội Tập thiện ở Đọan Vĩ (Thanh Liêm), Hội May áo ở Thư Lâu, Hội Đàn thiện ở Dũng Kim (Lý Nhân)... Thông qua những hội này, đảng viên tập hợp quần chúng và hướng

(1) Hình thức tổ chức này không thuộc hệ thống tổ chức Đảng, chỉ có ý nghĩa phụ trách từng khu vực.

(2) Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, tr. 74.

dẫn nhân dân đấu tranh chống các hủ tục phong kiến lạc hậu, chống phụ thu lạm bổ. Những nơi phong trào phát triển mạnh như Bình Lục, Duy Tiên còn tổ chức nhiều thanh niên khỏe mạnh hăng hái vào tổ *Xích vệ*, làm công tác bảo vệ cơ quan, bảo vệ các cuộc mít tinh, biểu tình và các hội nghị quan trọng của Đảng. Những quần chúng tích cực có điều kiện kinh tế được tổ chức vào đội *Xích trợ* ủng hộ cách mạng về kinh tế. Đội thiếu nhi *Xích vệ* cũng được thành lập làm nhiệm vụ liên lạc và theo dõi địch, bảo vệ cơ sở Đảng. Các tổ chức quần chúng công khai và nửa công khai này dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống thực dân phong kiến, nuôi dưỡng và bảo vệ cán bộ, cất giấu các tài liệu của Đảng. Nhờ đó mà các cuộc họp lớn, các cuộc mít tinh biểu tình của quần chúng, các cơ quan của Đảng, các đồng chí cán bộ Tỉnh ủy, Xứ ủy đi về hoạt động... đều được bảo vệ. Phong trào cách mạng trong toàn tỉnh vẫn phát triển dưới sự lãnh đạo của Ban Tỉnh ủy.

Suốt những năm 1930 - 1931 kẻ thù không lúc nào ngừng phá hoại phong trào cách mạng trong cả nước. Bằng mọi thủ đoạn, nơi thì xoa dịu, mua chuộc, nơi thì khủng bố đàn áp tàn bạo hòng bóp chết phong trào cách mạng. Đến giữa năm 1931, nhiều cơ quan của Đảng ở Trung ương đến địa phương bị phá vỡ. Các cơ quan Trung ương ở Nam Kỳ, Xứ ủy ở Hải Phòng bị khủng bố mạnh. Hàng ngàn quần chúng ở nông thôn bị mật thám bắt bớ, tra hỏi, lập căn cước để đe dọa. Nhiều công nhân bị đuổi việc vì bị nghi là Cộng sản. Một số trường học bị đóng cửa, hàng trăm cán bộ, đảng viên bị bắt, bị xét

xử, giam cầm ở các địa ngục trần gian, trong tình hình đó, Đảng bộ Hà Nam cũng không tránh khỏi tổn thất.

Ngày 4-5-1931, mật thám Pháp từ Nam Định về đã vây cơ quan giao thông của Tỉnh ủy Hà Nam đóng ở thị xã Phủ Lý ⁽¹⁾, bắt một số đồng chí ⁽²⁾. Đây là cơ sở cuối cùng của thị xã bị vỡ. Tuy nhiên cơ quan Tỉnh ủy vẫn được bảo vệ và nhanh chóng điều những đồng chí còn lại đi công tác nơi khác ⁽³⁾, cơ quan chuyển về Quyển Sơn (Kim Bảng). Ở ngoài Bắc cho đến tháng 5-1931, chỉ còn cơ quan Tỉnh ủy Hà Nam và Thái Bình là chưa bị phá vỡ. Thực dân Pháp dùng con bài Nghiêm Thương Biền với danh nghĩa Xứ ủy viên Bắc Kỳ đã phản bội, chui sâu phá hoại những cơ sở còn lại, ra lệnh cho hãn triều tập Hội nghị Xứ ủy mở rộng tại Hà Nội để lừa bắt các đồng chí lãnh đạo một số tỉnh còn lại. Ngày 22-5-1931, có 3 đồng chí cán bộ Tỉnh ủy Hà Nam là Nguyễn Hữu Tiến, Phạm Văn Tô, Nguyễn Duy Huân bị mật thám bắt ngay trong đêm tại số nhà 165 phố Gia Long (Hà Nội) Đây là một tổn thất lớn cho phong trào cách mạng trong tỉnh. Tiếp theo một loạt cơ sở cách mạng ở Bình Trung, Ngọc Lũ, An Ninh, Vũ Thành, Hưng Công (Bình Lục); Hòa Mạc, Văn Bút (Duy Tiên) bị phá vỡ. Một số cơ sở bị trắng cả về tổ chức và lãnh đạo.

Tháng 7-1931, những đồng chí còn lại ở cơ quan Tỉnh ủy Hà Nam họp để kiện toàn lại cơ quan lãnh đạo cấp

(1) Cơ quan giao thông đóng ở nhà đồng chí Trần Thị Phúc.

(2) Các đồng chí bị bắt trong cuộc này là Phúc, Đức, An và ông Hai Sửu.

(3) Đồng chí Ty về Bình Lục, đồng chí Đán theo cơ quan Tỉnh ủy để in tài liệu.

tỉnh và huyện, chỉ định bổ sung⁽¹⁾ thay thế các đồng chí bị bắt và những Huyện ủy viên kém tinh thần; quy định những thủ tục về mặt tổ chức bảo vệ Đảng, củng cố lại phong trào, duy trì tinh thần đấu tranh của quần chúng. Nhìn chung, cơ quan lãnh đạo tỉnh, huyện được kiện toàn, song cơ sở thu hẹp lại, nhiều nơi như thị xã, Bình Trung, An Ninh (Bình Lục), không củng cố được. Các nơi khác hoạt động sút đi. Cơ quan Tỉnh ủy phân tán từng người một và thường xuyên lưu động. Tuy vậy tờ báo Đỏ vẫn được phát hành, có nhiều bài kêu gọi quần chúng tiếp tục đấu tranh đòi cơm áo, vạch tội ác đế quốc phong kiến. Nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga (7-11-1931), cờ Đảng lại xuất hiện ở núi Đường Cạnh (Thụy Sơn), cây đề chợ Chanh (Kim Bảng); cây gạo Lương Xá và cây đề Duyên Giang (Duy Tiên). Những hoạt động này thể hiện tinh thần cách mạng bền bỉ đấu tranh của cán bộ, đảng viên Hà Nam trong hoàn cảnh địch điên cuồng khủng bố.

Tháng 1-1932 địch vây ráp ở Nam Định, bắt đồng chí Lê Công Thanh lúc đó là Xứ ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam. Từ đó cho đến tháng 5-1932, địch đã tiến hành liên tiếp bảy cuộc khủng bố. Toàn bộ cuộc khủng bố này địch đã bắt ở Hà Nam 3 Tỉnh ủy viên, 9 đảng viên và 17 quần chúng cách mạng. Từ đây phong trào cách mạng ở Hà Nam tạm thời lắng xuống.

Để trấn áp phong trào, thực dân Pháp không từ một thủ đoạn đê hèn, dã man nào nhằm làm nhụt chí và lung

(1) Bổ sung 3 đồng chí: Nguyễn Văn Thế (tức Vịnh) quê Bình Trung (Bình Lục) phụ trách tuyên truyền huấn luyện, Nguyễn Thị Ty (tức Nhất) thị xã, Nguyễn Am (tức Cửu) ở trên về phụ trách liên lạc trong các huyện Bình Lục, Thanh Liêm.

lạc tinh thần của nhân dân. Chúng mở hàng loạt những phiên tòa, hàng loạt những bản án chung thân, khổ sai, đày ra Côn Đảo được đưa ra hàng đe dọa, dập tắt phong trào đấu tranh của quần chúng. Từ tháng 2-1931 đến tháng 10-1931 hầu hết các đồng chí cán bộ, đảng viên và quần chúng bị bắt đều bị đưa ra xử trước tòa án Hà Nam và tòa Thượng thẩm Hà Nội. Thực dân Pháp đã kết án đồng chí Nguyễn Hữu Tiến 20 năm khổ sai, 20 năm quản thúc và đày đi Côn Đảo; đồng chí Trần Thị Phúc, đồng chí Nguyễn Duy Huân, đồng chí Phạm Văn Tô bị 20 năm khổ sai. Những đồng chí còn lại đều bị phạt từ 1 đến 10 năm tù giam tại các nhà tù Hỏa Lò, Sơn La, Côn Đảo.

Mặc dù bị khủng bố liên tiếp và dữ dội nhưng đa số cán bộ, đảng viên quần chúng cách mạng vẫn giữ vững tinh thần bất khuất, tỏ thái độ kiên cường trước uy lực của kẻ thù, kể cả trong và ngoài nhà tù. Nhiều tấm gương sáng về tinh thần đấu tranh, về ý chí bất khuất xuất hiện.

Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến là một trong những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh ủy Hà Nam. Sau khi bị bắt, thực dân Pháp đã đưa đồng chí về sở Mật thám Nam Định, Thái Bình. Chúng tra tấn dã man, hòng bắt đồng chí phải khai những bí mật của Đảng, đánh đến gãy chân, song vẫn không khai thác được gì. Đồng chí đã cùng đồng chí Phạm Văn Tô, Nguyễn Duy Huân tuyệt thực 7 ngày để phản đối sự giam cầm, tra tấn của đế quốc Pháp. Dù bị giam ở nhà tù Hỏa Lò, Sơn La hay Côn Đảo, ở đâu đồng chí cũng lạc quan, tin tưởng, tích cực đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù đế quốc. Ở Hỏa Lò, đồng chí tranh thủ thời gian học tập lý luận cách mạng, học

văn hóa và giúp đỡ anh em cùng học, đã tham gia viết bài đều đặn cho các kỳ "Lao tù tạp chí" và làm thơ hàm chứa tình cảm sâu nặng của người Cộng sản, yêu nước thương nòi, không nguôi nhớ về tình cảnh nước mất nhà tan, nhưng cũng đầy tính lạc quan cách mạng. Trong bài thơ viết gửi cho con, có những dòng:

... "Bất bình lắm lắm con ơi.

Giận đời còn lắm giống nòi bất nhân.

Loài dã man phải đem trừ diệt.

Đời bất bình phải quyết phá xong.

Làm cho thế giới đại đồng.

Cõi đời thành chốn non Bồng cảnh Tiên.

Nhưng trước phải cướp chính quyền cho nước.

Đánh đuổi quân đế quốc tham tàn.

Công nhân lên nắm chính quyền

Sửa sang mọi việc xây nền tự do..."

Bài thơ đã nhận được giải thưởng trong cuộc thi do anh em tù chính trị ở nhà tù Hỏa Lò tổ chức năm 1932. Ở nhà tù Sơn La, đồng chí luôn động viên anh em tù giữ vững tinh thần cách mạng, tận tình chăm sóc người ốm đau. Khi bị đưa ra Côn Đảo, đồng chí được cử vào Ban lãnh đạo của chi bộ nhà tù. Tháng 4-1935 đồng chí vượt biển trở về đất liền tiếp tục hoạt động.

Trước phiên tòa xử vụ cơ quan giao thông ở Phủ Lý ngày 10-2-1932, đồng chí Trần Thị Phúc, người phụ trách cơ quan giao thông của Tỉnh ủy đã đứng lên vạch tội ác của bọn đế quốc, cướp nước đánh đập dã man những người

yêu nước. Tên Giám đốc Sở Mật thám đã phải thốt lên rằng: “Thái độ phạm nhân nói chung là lão xược, nhất là Trần Thị Phúc người chủ cơ quan, trong phiên tòa tên này nhiều lần chửi chính phủ là thực dân và ca ngợi chủ nghĩa Cộng sản” (1).

Đồng chí Lương Khánh Thiện người làng Mễ Tràng xã Liêm Chính (Thanh Liêm), sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo (2). Sau khi tham gia Việt Nam Cách mạng Thanh niên Nam Định và bị đuổi việc ở Nhà máy sợi, đầu năm 1928 Lương Khánh Thiện trở lại Hải Phòng, xin vào làm việc ở xưởng cơ khí Nhà máy tơ, bắt liên lạc với

(1) Báo cáo của Giám đốc Sở Mật thám Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Nam.

(2) Trong hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu thốn, học hết lớp nhì ở trường thị xã Phủ Lý, đồng chí đành bỏ học đi tìm việc làm. Năm 1923 đồng chí vào học ở trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng, kết thân với Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt), Lưu Bá Kỳ, đều là những thanh niên ưa hoạt động, thích tìm tòi cái mới và đặc biệt là tự hào về con người, đất nước Việt Nam. Họ đọc và bàn luận sôi nổi về thơ văn của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... khi nghe tin cụ Phan Bội Châu bị xử khổ sai chung thân và tin Toàn quyền Varen xuống Đồ Sơn (Hải Phòng). Lương Khánh Thiện cùng Hạ Bá Cang, Lưu Bá Kỳ và anh em trường Kỹ nghệ viết đơn đòi ân xá cho cụ Phan, dùng cảm chặn đoàn xe của Varen để đưa đơn. Giám thị nhà trường rất tức tối dọa đuổi học những học sinh tham gia chặn xe, trong đó có Lương Khánh Thiện. Năm 1926 đồng chí về Nam Định, xin làm thợ nguội ở Nhà máy sợi. Tiếp xúc với công nhân đồng chí đã thấy rõ nỗi khổ cực của người thợ, cùng anh em đấu tranh chống lại bọn chủ đòi quyền lợi hàng ngày. Năm 1927 Tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Định ra đời đồng chí được đứng trong hàng ngũ của tổ chức này, anh hoạt động rất tích cực. Bọn mật thám theo dõi, mật báo cho tên giám đốc đuổi đồng chí ra khỏi Nhà máy.

tổ chức, liên hệ được với đồng chí Nguyễn Đức Cảnh. Bí thư Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hải Phòng, gặp lại Hạ Bá Cang. Đồng chí tiếp tục hoạt động tuyên truyền giác ngộ công nhân. Tháng 4-1929 anh được kết nạp vào chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Hải Phòng, được phân công phụ trách phong trào Nhà máy chai. Từ đó phong trào lên mạnh, nhưng sau cuộc biểu tình ngày 1-5-1930 đồng chí bị bắt cùng với vợ là Bích Hợp. Trong tù, đồng chí kiên trì giữ vững phẩm chất người cách mạng. Tháng 1-1931, tại phiên tòa Hội đồng đề hình Kiến An, đồng chí đã biến phiên tòa thành diễn đàn tố cáo bọn đế quốc và tay sai. Các đồng chí cùng dự phiên tòa hôm đó còn phát cao cờ đỏ búa liềm được giấu sẵn trong người và hô vang khẩu hiệu : Đả đảo đế quốc Pháp ! Đả đảo khủng bố trắng ! Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm !

Địch kết án đồng chí khổ sai chung thân và đày ra Côn Đảo. tại đây vẫn tiếp tục hoạt động, được chi bộ nhà tù giao nhiệm vụ liên lạc giữa các lao.

Đồng chí Trần Đình Quý⁽¹⁾ bị bắt khi đang diễn thuyết trong cuộc mít tinh ở sân bay Nam Định. Khi địch hỏi về mục đích cuộc diễn thuyết, đồng chí đồng dục trả lời :

- Tôi theo đuổi mục đích giác ngộ quần chúng cho họ theo chúng tôi. Nếu tôi không bị bắt, tôi đã tập hợp một đoàn biểu tình, đưa họ vào thành phố để phản đối chủ nghĩa đế quốc đã giết hại đồng chí của chúng tôi ở Tiền Hải cũng như ở Nghệ Tĩnh⁽²⁾.

(1) Đồng chí Trần Đình Quý quê ở xã Ngọc Lũ (Bình Lục).

(2) Biên bản hỏi cung đồng chí Trần Đình Quý tại Sở Mật thám Nam Định, bản tiếng Pháp, lưu tại Bảo tàng Nam Định.

Địch hỏi về mục đích cuộc biểu tình đồng chí đáp :

- “Trước hết là để tưởng nhớ những người đã bỏ mình vì lý tưởng cộng sản của chúng tôi. Sau nữa là để tuyên truyền cho chủ nghĩa của chúng tôi. Cuối cùng là để cố vũ những người khác nổi dậy, ngay cả trong trường hợp chúng tôi bị bắt. Tóm lại, tất cả những việc tôi làm đều nhằm lật đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương”⁽¹⁾.

Địch muốn biết có bao nhiêu người cùng đồng chí tuyên truyền, đồng chí Quý đã thân nhiên đáp : “Đó là điều bí mật, tôi không thể lộ”⁽²⁾.

Bị địch tra tấn đến phát điên nhưng đồng chí vẫn nhớ trong tiềm thức và hát Quốc tế ca, hô khẩu hiệu Đả đảo đế quốc.

Các đồng chí Nguyễn Duy Huân, Phạm Văn Tô, Ngô Gia Bảy, Trần Xuân Đán ở trong tù vẫn tiếp tục tham gia hoạt động trong chi bộ nhà tù, tuyệt thực đấu tranh chống cai ngục cho ăn uống bản thảo, in báo và tài liệu, thảo chương trình hoạt động khi được tha, khẩu chiên và bút chiến với Quốc dân đảng...

Sự hy sinh và đấu tranh bền bỉ của các đồng chí đảng viên quê hương Hà Nam thực sự là những tấm gương sáng về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Tên tuổi của các đồng chí mãi mãi được khắc sâu vào truyền thống đấu tranh cách mạng của quê hương đất nước.

(1), (2) Biên bản hỏi cung đồng chí Trần Đình Quý tại Sở Mật thám Nam Định, bản tiếng Pháp lưu tại Bảo tàng Nam Định.

II - CHỦ ĐỘNG CHẤP NÓI, KHÔI PHỤC ĐẢNG BỘ VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG

Từ tháng 5-1932, sau khi cán bộ chủ chốt của Tỉnh ủy Hà Nam bị bắt, phong trào trong tỉnh tạm thời lắng xuống. Kẻ địch vẫn ra sức khủng bố trắng phong trào cách mạng, tìm phá những cơ sở Đảng chưa bị lộ. Do đó, ngoài số đảng viên bị bắt, bị tù đày, bị bắn giết, một số phải di chuyển đi nơi khác hoặc nằm im chờ thời. Trong điều kiện hoạt động hạn chế như vậy nhưng có một bộ phận các đồng chí đảng viên trung kiên vẫn tiếp tục nuôi dưỡng ý chí và gây dựng trở lại các cơ sở cách mạng ở Hà Nam.

Sau vụ địch bắt đồng chí Ngô Gia Bảy, Bí thư Huyện ủy Bình Lục và một số đồng chí đảng viên trong huyện (18-3-1932), các đồng chí còn lại rút vào hoạt động bí mật. Mất liên lạc với cấp trên nhưng các đồng chí đảng viên đó vẫn liên hệ, trao đổi tin tức với nhau, kiên trì bám đất, bám dân, tích cực vận động quần chúng nhằm giữ vững niềm tin vào sự nghiệp của Đảng, giúp đỡ và bảo vệ cách mạng đến cùng. Có đồng chí đã vận động gia đình bán cả tài sản lấy tiền giúp đồng chí đảng viên trong tù như đồng chí Nguyễn Thế Nghiệp⁽¹⁾. Có đồng chí không sợ nguy hiểm dành nhà của mình cho các đồng chí vượt ngục ở như đồng chí Nguyễn Diệm ở Thành Thị (Vũ Bản)⁽²⁾. Các đồng chí ở vùng bắc Lý Nhân đã nuôi dưỡng cán bộ ở các tỉnh khác lánh sang.

(1) Đồng chí Nguyễn Thế Nghiệp ở chi bộ Bình Trung.

(2) Đêm 24-12-1932 các đồng chí gồm : Nguyễn Trọng Đàm, Bùi Xuân Mãn, Phạm Quang Lịch, Nguyễn Tạo và Lê Đình Tuyển... vượt ngục về ở nhà đồng chí Nguyễn Diệm được bảo vệ an toàn. Sau đồng chí Vũ Khế Bật đưa về cơ sở ở bắc Nghĩa Hưng (Nam Định).

Chủ động chấp nối, duy trì hoạt động xây dựng phong trào đó là phương châm của các đồng chí đảng viên trong thời kỳ này. Năm 1933 sau khi đồng chí Vũ Uyển, Tỉnh ủy viên bị truy lùng ráo riết lánh lên Thái Nguyên thì đồng chí Vũ Khế Bất đã về thay ở Kim Bảng, gây dựng cơ sở ở thôn Thụy Sơn, Cao Mật, Phù Đê, Siêu Nghê. thành lập chi bộ gồm 4 đảng viên do đồng chí Lê Hồ làm Bí thư. Các chi bộ Bôi Cầu, Đông Du, Hưng Công, Cổ Viên số đảng viên còn lại khá đông. Năm 1934 lại được bổ sung một số đồng chí ở tù về ⁽¹⁾ tiếp tục hoạt động, xây dựng các tổ chức quần chúng, tuyên truyền lòng yêu nước, chống cường hào ác bá ở địa phương. Ở Thanh Liêm đồng chí Nguyễn Thượng Cát, tên thật là Nguyễn Văn Nheo người làng Mễ Tràng, năm 1934 khi đang dạy học ở Bắc Ninh thì bị địch trục xuất về quê, đã xây dựng cơ sở ở Mễ Tràng, bắt liên lạc với đồng chí Bùi Văn Khiết (Kim Bảng) phối hợp cùng hoạt động. Cơ sở Đảng ở Mễ Tràng còn gây ảnh hưởng sang cả thị xã Phủ Lý, kết nạp thêm một số đảng viên như đồng chí Bùi Tinh Hoa, đồng chí Trần Lung, đồng chí Nguyễn Đức Quý...

Như vậy với sự kiên trì bám trụ, củng cố mối quan hệ giữa các địa phương với nhau, các đồng chí đảng viên Hà Nam đã cố gắng khôi phục những cơ sở Đảng cũ và mở rộng dần cơ sở ra nhiều nơi. Trong các năm 1933 - 1934 lại thành lập thêm 4 chi bộ ở Phủ Lý, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm. Cho đến năm 1935, trên địa bàn Hà Nam số đảng viên đã có hơn 30 đồng chí. Đây là những đốm lửa quan trọng, nhen nhóm phong trào cách mạng

(1) Đồng chí Bầy và đồng chí Cán ở chi bộ Hưng Công.

trong tình, báo hiệu sự phục hồi dần dần của phong trào. Những tổ chức quần chúng do các chi bộ lập ra công khai hoạt động và phát triển ở thị xã Phú Lý, Bình Lục, Lý Nhân, Thanh Liêm như hội *Tập thiện*, hội *Giăng Phạt học*, hội *Hoa dăng*, hội *Hiếu*. Về hình thức những hội này chủ yếu làm những việc cụ thể giúp đỡ nhau lúc khó khăn, đoàn kết chống lại sự chèn ép của hương lý kỳ hào. Thông qua những tổ chức công khai này, các đồng chí đảng viên đã tuyên truyền giáo dục, tập hợp quần chúng đấu tranh xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu, động viên nhau phát triển tinh thần tương thân tương ái, phát huy truyền thống yêu quê hương đất nước.

Trên mặt trận văn hóa, văn nghệ các đảng viên cũng tích cực tham gia, dùng trí tuệ và ngòi bút của mình thông qua diễn đàn báo chí công khai để bày tỏ thái độ quan điểm đối với những dư luận phản động. Năm 1933 khi cuộc tranh luận về hai quan điểm *Nghệ thuật vị nghệ thuật* và *Nghệ thuật vị nhân sinh* đang diễn ra gay gắt, đồng chí Nguyễn Thượng Cát (bút danh Hồ Xanh) đã viết một số bài tiểu luận bảo vệ quan điểm *Nghệ thuật vị nhân sinh*, coi các hoạt động văn học nghệ thuật phản ánh thực tế cuộc sống và quay lại phục vụ cuộc sống, hướng cho người đọc hiểu thực trạng xã hội và có hành động đúng đắn góp phần vào công cuộc cải tạo xã hội, đập lại quan điểm của phái *Nghệ thuật vị nghệ thuật* là cổ động cho những ảo tưởng viển vông bay bổng, nhằm ru ngủ các tầng lớp thanh niên để họ lãng quên thực tại cay đắng của kiếp sống nô lệ, thủ tiêu đấu tranh. Qua cuộc bút chiến này nhiều thanh niên, trí thức, những người thường được tiếp xúc với các tác phẩm văn học nghệ thuật bước

đầu hiểu được quan điểm về văn học nghệ thuật chân chính, thấy được nghệ thuật không thể đứng ngoài cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc. Đồng thời, họ cũng thấy được sự nguy hiểm của các tác phẩm độc hại tiêm nhiễm tư tưởng ủy mị có lợi cho bọn đế quốc, phong kiến. Cũng qua cuộc đấu tranh này, từng bước khai thông bế tắc, mở ra con đường dần dần đi vào văn học cách mạng của văn nghệ sỹ ở Hà Nam.

Song song với việc khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng, thực dân Pháp còn thực hiện những biện pháp mê dân. Năm 1935, chúng phát động cuộc chấn hưng Phật giáo nhằm mê hoặc quần chúng, thu hút họ vào vui thú cảnh chùa chiền để quên nỗi đau mất nước, thủ tiêu ý chí cách mạng trong nhân dân. Các đảng viên ở Bình Lục, nhất là ở Hưng Công, Ngọc Lũ, Bình Trung, Đồng Du, Vũ Bản, An Ninh, Mỹ Thọ đã vận động tổ chức thành lập *Hội giảng Phật học*. Qua đó tập hợp nhiều phật tử, nghe giảng tìm hiểu về giáo lý đạo Phật, về tinh thần từ bi hỷ xả của đạo Phật, về tấm gương yêu nước của nhiều nhà sư qua các thời đại, giáo dục lòng yêu nước thương nòi cho các phật tử.

Thời kỳ này, các đảng viên còn khéo léo đưa quần chúng ra đấu tranh hợp pháp, đòi quyền lợi hàng ngày. Những cuộc đấu tranh mềm dẻo, có tình, có lý diễn ra ở nhiều nơi, với mục tiêu chống bọn kỳ hào, hương lý phụ thu lạm bố, chiếm đoạt công điền đạt kết quả. Năm 1934 lúa rẻ, nhân dân thiếu tiền đóng thuế, các đảng viên ở Thanh Liêm đã vận động nhân dân các thôn Trung Hiếu, Bồng Lạng, Đoàn Vĩ, Đại Vượng làm đơn gửi lên Tuần phủ và Tòa sứ xin khất thuế. Kỳ thuế này một tháng sau chúng mới thu xong. Ở Lý Nhân, đồng chí Trần

Doãn Sách⁽¹⁾ đảng viên thuộc Đảng bộ Hà Nội bị địch bắt quản thúc ở quê nhà đã mở trường dạy học và tổ chức được cơ sở đoàn thanh niên Dân chủ; vận động nhân dân chỉ nộp thuế chính tang. Lý trưởng không nhận, nhân dân mang thẳng lên huyện nộp, vạch mặt tên lý trưởng buộc tri huyện phải gọi lý trưởng xã Lý Nhân lên nhận tiền thuế. Cuộc đấu tranh thắng lợi. Phong trào lan ra các thôn Phú Cốc, Đông Thủy, Thanh Nga, Do Đạo, bọn hương lý ở những nơi này đều phải nhượng bộ.

Những năm 1932 - 1933, phong trào cách mạng nhìn chung đi vào thoái trào. Nhưng với sự phấn đấu không mệt mỏi cho lý tưởng cộng sản, các đảng viên trung kiên vẫn tiếp tục hoạt động bằng những phương thức có thể được để duy trì phong trào. Đến những năm 1934 - 1935, phong trào cách mạng ở cả nước dần dần hồi phục. Trên địa bàn Hà Nam đã có những bước chuyển biến mới, hầu hết các huyện đều có đảng viên hoặc tổ chức cơ sở Đảng. Phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng được phục hồi. Tuy nhiên cơ quan lãnh đạo của tỉnh, huyện chưa được khôi phục, liên lạc với trên chưa trở lại. Do đó sự chỉ đạo thống nhất từ trên xuống không thông suốt. Các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương không được phổ biến gây khó khăn trong việc thực hiện chủ trương đường lối của Đảng trong hoàn cảnh mới.

Đầu năm 1934, với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, Ban lãnh đạo ở ngoài nước của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập. Ban lãnh đạo ở ngoài nước đã họp hội nghị

(1) Đồng chí Trần Doãn Sách (tức Hùng Bảo Thực) quê ở thôn Lý Nhân (Nhân Phúc - Lý Nhân).

kiểm điểm tình hình và bàn chủ trương, biện pháp khôi phục lại các hoạt động của Đảng và chuẩn bị Đại hội Đảng. Đại hội lần thứ nhất của Đảng được tiến hành từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935 tại Ma Cao (Trung Quốc). Sau khi biểu dương những thành tích đã đạt được, Đại hội đã phê phán những tồn tại trong Đảng và trong phong trào cách mạng. Những nhiệm vụ chính của Đảng được Đại hội đề ra nhằm củng cố và phát triển Đảng, đẩy mạnh công tác thu phục vận động quần chúng, mở rộng mặt trận phản đế. Lợi dụng mọi khả năng hợp pháp mà hoạt động chống chiến tranh đế quốc, ủng hộ Liên Xô.

Đại hội lần thứ nhất của Đảng là mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển biến trong khôi phục hệ thống tổ chức Đảng trong nước.

Vào thời điểm này nhân loại trên thế giới đang đứng trước nguy cơ của cuộc chiến tranh phát xít. Quốc tế cộng sản đã triệu tập Đại hội lần thứ VII tại Mátxcơva (từ 25-7 đến 20-8-1935). Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu đến dự. Đại hội đã chỉ ra nhiệm vụ của giai cấp công nhân quốc tế là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh. Sau Đại hội, một phong trào cách mạng chống phát xít, chống chiến tranh phát triển mạnh mẽ. Mặt trận nhân dân chống phát xít ở nhiều nước được thành lập. Tháng 1-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành thắng lợi trong tổng tuyển cử Quốc hội tháng 4-1936. Mặt trận Nhân dân Pháp lên cầm quyền, Chính phủ mới đã ban bố một số cải cách quan trọng đối với thuộc địa, ân xá tù chính trị, ban hành một số quyền tự do dân chủ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Những cải cách đó có ảnh hưởng rất lớn tới phong trào cách mạng Việt Nam.

Tháng 7-1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương họp, nhận định : *“Nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và chống phong kiến mà Đảng đề ra từ khi thành lập đến nay vẫn không thay đổi, nhưng mục tiêu trực tiếp của cách mạng trước mắt là tập trung lực lượng cách mạng, chia mũi nhọn đấu tranh vào bọn phản động thuộc địa Pháp và tay sai của chúng, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình”*⁽¹⁾. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Phản đế Đông Dương (sau đổi thành Mặt trận Thống nhất Dân chủ Đông Dương - gọi tắt là Mặt trận Dân chủ Đông Dương), nhằm tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ, bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và xã hội, các tôn giáo, đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phản động thuộc địa Pháp và tay sai của chúng đòi hòa bình, dân chủ, dân sinh. Về hình thức và phương pháp đấu tranh, hội nghị nêu rõ cần triệt để sử dụng hình thức công khai, hợp pháp để tuyên truyền tổ chức quần chúng, phát triển Mặt trận dân chủ, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng.

Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược kịp thời của Trung ương Đảng đã đưa phong trào cách mạng toàn quốc đang phục hồi tiến lên một bước phát triển mới.

Lúc này, liên lạc giữa Trung ương với phong trào cách mạng ở Hà Nam chưa được lập lại. Nhưng những cải cách tiến bộ của Chính phủ mới ở Pháp, buộc bọn thực dân ở thuộc địa phải nới lỏng quyền tự do dân chủ, đã tạo điều kiện cho phong trào cách mạng trong tình bưng dậy với khí thế mới cùng những hoạt động mới mẻ. Sách báo

(1) Văn kiện Đảng 1930 - 1935, tập II, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội 1977.

tiến bộ bắt đầu được xuất bản. Những tờ như *Kiến văn*, *Hồn trẻ* và cả báo chí của các tổ chức cách mạng Liên Xô, Pháp, Trung Quốc cũng được đưa vào ngày càng nhiều đã ảnh hưởng đến đời sống chính trị của nhân dân. Nhân dân ở thị xã Phủ Lý nói về chính trị nhiều hơn, nhất là tầng lớp trí thức, học sinh. Không khí vận động cách mạng trở nên sôi nổi. Những đồng chí trong thời kỳ thoái trào bị khủng bố, bị bắt, bị quản thúc hoặc nằm im coi đây là thời cơ để hoạt động trở lại.

Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đòi thả chính trị phạm lên cao, buộc bọn thống trị Pháp ở Đông Dương phải thả hàng ngàn tù chính trị. Từ cuối 1936 trở đi, nhiều đồng chí đảng viên quần chúng cách mạng Hà Nam bị giam cầm trong các nhà tù đế quốc đã được trả tự do. Một số các đồng chí sau khi trả tự do đã đi các địa bàn khác hoạt động. Đồng chí Lương Khánh Thiện sau khi ở Côn Đảo về đã lên Hà Nội tiếp tục hoạt động, liên hệ được với các đồng chí Đặng Xuân Khu, Hạ Bá Cang, Tô Hiệu và được cử vào Xứ ủy Bắc Kỳ cuối năm 1936. Trên cương vị mới, đồng chí đã len lỏi vào các xóm lao động và về nông thôn để xây dựng cơ sở, mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ, tổ chức hội Ai hữu, Nghiệp đoàn. Đồng chí còn bàn với các đồng chí lãnh đạo mở hiệu giặt là Mai Hải⁽¹⁾ vừa giải quyết việc làm cho một số đồng chí, vừa có tiền làm quỹ cho Đảng và đồng thời làm cơ quan liên lạc của Đảng. Đến năm 1940 đồng chí được Đảng phân công về phụ trách khu B gồm Hải Phòng, Kiến An, Quảng Yên, Hồng Gai, Hải Dương, Hưng Yên và trực tiếp làm Bí thư Tỉnh ủy Hải Phòng⁽²⁾.

(1) Giặt là Mai Hải ở đầu ngõ Hàng Khoai - Hà Nội.

(2) Đồng chí hy sinh ngày 1-9-1941 tại Hải Phòng.

Thời kỳ này, đồng chí Nguyễn Hữu Tiến sau khi thoát khỏi nhà tù, được Tổ chức cử về hoạt động ở vùng Hậu Giang, đóng vai thầy giáo, với bí danh là Quế Lâm. Nhờ có kinh nghiệm đồng chí bắt liên lạc được với lãnh đạo của Đảng và xây dựng được nhiều cơ sở trong vùng. Đồng chí được phân công phụ trách Liên Tỉnh ủy miền Tây Nam Bộ gồm: Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên, Rạch Giá. Sau phong trào Đông Dương Đại hội, đồng chí được điều động về xây dựng cơ sở ở Sài Gòn - Chợ Lớn và phụ trách cơ quan ấn loát của Đảng. Vừa giải quyết công việc chung vừa viết báo in tài liệu, nhiệm vụ nào đồng chí cũng hoàn thành xuất sắc ⁽¹⁾.

Đa số các đồng chí ra tù đã trở về quê. Đối với các đồng chí này bọn thống trị dùng hình thức quản thúc tại địa phương, hàng tháng phải lên trình diện, ngày lễ, hội bị bắt vào lao động trong dinh tuần phủ. Mặt khác chúng dùng thủ đoạn bỏ tiền cho chính trị phạm vay vốn, hoặc gọi cho đi làm ở công sở để mua chuộc, lôi kéo họ để tiện theo dõi và hòng lung lạc ý chí người đảng viên, rời bỏ con đường cách mạng. Lợi dụng việc đó một số đồng chí ở Cỏ Viên, Hưng Công, Bối Cầu (Bình Lục) đã làm đơn vay tiền để phục vụ cho công tác tuyên truyền cách mạng của Đảng. Sáu đồng chí ở thị xã Phủ Lý được tuyển dụng vào công sở (4 vào Sở Lục lộ, 2 vào Địa chính) ⁽²⁾.

Tuy nhiên, thực dân Pháp đã thất bại trong âm mưu đó. Trừ một số ít thoái hóa, còn hầu hết các đồng chí từ chính trị vẫn giữ vững được phẩm chất cách mạng, lợi

(1) Đồng chí hy sinh ngày 28-8-1941 tại Hóc Môn (Gia Định).

(2) Thư kín số 103/S Phủ Lý 8-6-1937 Công sứ Hà Nam gửi Thông sứ Bắc Kỳ.

dụng âm mưu của địch, thực hiện mục đích của mình. Dù làm trong công sở của địch vẫn hoạt động, vẫn tìm hiểu chủ trương đường lối của Đảng, vẫn tuyên truyền giác ngộ quần chúng, bắt liên lạc với Đảng để tiếp tục hoạt động. Họ thực sự là những cán bộ nòng cốt để xây dựng lại phong trào. Những cơ sở Đảng và quần chúng cách mạng được tạo dựng từ những năm 1930 - 1931, trong thời gian bị khủng bố vẫn như ngọn lửa cháy âm ỉ, đến thời kỳ này được khơi dậy thành phong trào đấu tranh mạnh mẽ đòi hòa bình, dân chủ, dân sinh.

Đến đầu năm 1936 tổ chức cơ sở Đảng được củng cố ở hầu hết các huyện, thị xã trong tỉnh, trừ Lạc Thủy vẫn là vùng trắng. Chi bộ Phủ Lý được thành lập có 9 đảng viên (trong đó có 5 đồng chí ở tù ra). Chi bộ Lý Nhân có 5 đồng chí. Các chi bộ cũ ở Cổ Viên, Hưng Công, Đông Du, Bối Cầu, Mỹ Thọ (Bình Lục) được khôi phục. Tại Kim Bảng có cơ sở Đảng ở Phù Đê, Cao Mật, Khả Phong, Thụy Sơn. Thanh Liêm có cơ sở Đảng ở Kim Lũ. Tuy vậy sự hoạt động của các cơ sở Đảng đều nằm trong tình trạng tự động hoạt động, không có sự lãnh đạo từ trên xuống. Công tác phát triển Đảng bị hạn chế, không được tổ chức chặt chẽ. Có nơi như Kim Bảng nhiều quần chúng trung kiên đã đóng đảng phí nhưng không được tổ chức kết nạp Đảng.

Vấn đề đặt ra lúc này là cần phải có tổ chức lãnh đạo chung toàn tỉnh để đưa phong trào cách mạng trong tỉnh đi đúng hướng, theo sự chỉ đạo của Trung ương. Những cán bộ chủ chốt của phong trào đã bàn tới việc đó nhưng do chưa có sự thống nhất cao nên việc thành lập Ban Tỉnh ủy Hà Nam vẫn chưa được tiến hành.

Đầu năm 1937, Hội nghị thành lập Liên Tỉnh ủy lâm thời được họp tại thôn Thư Nhất, Nam Hồng (Nam Ninh, Nam Định), có đại biểu của Nam Định, Thái Bình, Hà Nam tham dự. Tại Hội nghị này, các đại biểu đã bàn việc thành lập Ban Tỉnh ủy của 3 tỉnh; đồng thời quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 7-1936 về chuyển hướng hoạt động trong thời kỳ mới.

Thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy lâm thời, các đại biểu Hà Nam đã tiến hành tổ chức Hội nghị thành lập Ban Tỉnh ủy lâm thời nhưng việc chuẩn bị chưa chu đáo nên Ban Tỉnh ủy lâm thời được bầu ra song chưa có hoạt động thực sự, tình trạng địa phương "tự động hoạt động" vẫn kéo dài.

Giữa năm 1937, Xứ ủy triệu tập Hội nghị một số tỉnh ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, Hà Nam có đại biểu Nguyễn Hữu Hựu ⁽¹⁾ đi dự. Trong Hội nghị, Xứ ủy đã phổ biến Chỉ thị của Trung ương, vạch ra chương trình hoạt động công khai và bàn về củng cố, phát triển các tổ chức bí mật của Đảng. Sau Hội nghị, Xứ ủy cử đồng chí Đặng Hữu Rạng, Xứ ủy viên về Hà Nam chuẩn bị cho việc thành lập các Ban Tỉnh ủy chính thức. Tại Hà Nam đồng chí Đặng Hữu Rạng đã gặp các đồng chí Nguyễn Đức Quý, Nguyễn Thượng Cát, Lê Hồ, Ngô Văn Bảy, Phan Văn Huệ, Nguyễn Hữu Hựu, nhưng vấn đề nhân sự chưa được thống nhất nên đến mãi đầu 1938 Ban Tỉnh ủy chính thức của Hà Nam mới được thành lập lại, do đồng chí Nguyễn Đức Quý ⁽²⁾ làm Bí thư. Từ đây Đảng bộ được khôi phục và việc lãnh đạo phong trào được thông suốt.

(1) Nguyễn Hữu Hựu ở chi bộ Bối Cầu sau phân bộ.

(2) Đồng chí Nguyễn Đức Quý quê Thuận Thành - Bắc Ninh.

Dựa vào chủ trương của Trung ương và Nghị quyết của Xứ ủy, Tỉnh ủy Hà Nam đề ra 3 nhiệm vụ :

1. Đẩy mạnh tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng.

2. Tăng cường củng cố và phát triển cơ sở của Đảng.

3. Lợi dụng mọi hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp mà tập hợp quần chúng, phát động cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ, bãi trừ hủ tục, chống cường hào bóc lột, phát triển truyền bá quốc ngữ.

Nghị quyết này tuy còn sơ lược và chưa toàn diện, nhưng nó có ý nghĩa quan trọng là thống nhất được phương hướng công tác chung của Đảng bộ. Việc khôi phục Đảng bộ đã cổ vũ cho công tác xây dựng lực lượng, phát động đấu tranh trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ trên địa bàn toàn tỉnh ngày càng sôi nổi.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, công tác tuyên truyền gây ảnh hưởng của Đảng, tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản được các cơ sở Đảng chú trọng, tập trung vào xuất bản và phát hành các sách báo tiến bộ, tổ chức đọc sách báo trong các tầng lớp trí thức, tiểu trí thức ở thị xã và một số vùng nông thôn. Ngoài ra còn tổ chức các cuộc nói chuyện rộng rãi về chủ nghĩa cộng sản nhằm nâng cao trình độ cho đảng viên và quần chúng cách mạng.

Phong trào đọc sách báo phát triển. Nhiều công chức, nhà giáo và số đông nam nữ thanh niên tiểu tư sản ở thị xã đều tham gia các nhóm đọc sách báo do Đảng lập ra. Tất cả giáo viên, học sinh trường tư thực Minh Tiến đều tham gia hình thức này. Nhà trường đã trở thành nơi họp hành của các tổ chức quần chúng công khai. Việc vận động mua, đọc sách báo tiến bộ còn lan đến các vùng nông thôn như Khả Phong, Thụy Sơn, Nhật Tân (Kim

Bảng); Lũng Xuyên, Đọi Sơn, Điệp Sơn (Duy Tiên); Bảng Khê, Mễ Tràng, Bích Trì (Thanh Liêm)... Các nhóm đọc sách báo được tổ chức, đặt địa điểm cố định để nhóm đọc sách báo thường xuyên hoặc sinh hoạt. Các loại sách báo phổ biến là *Nhành lúa*, *Bạn dân*, *Thời thế*, *Đời nay*, *Tin tức*, *Le Travail*, *Tư bản luận*... được bày bán ở các cửa hiệu Việt Dân, Vĩnh Long (thị xã Phủ Lý), Nam Kim (Kim Bảng). Các cửa hiệu này đều là cơ sở của Đảng, công khai phát hành các loại sách báo tiến bộ. Vì mục đích tuyên truyền là chính cho nên các sách báo này thường được bán giá hạ, có cuốn như cho không. Người phát hành được hưởng 1/3 hoa hồng. Các đại lý còn vận động cả độc giả mua báo tháng, trả tiền trước.

Ngoài việc tổ chức phát hành sách báo tiến bộ của trên, một số đồng chí trong Tỉnh ủy như Nguyễn Thượng Cát, Nguyễn Đức Quý, Đỗ Đình Phát còn trực tiếp biên soạn, dịch sách, viết báo, tổ chức in và phát hành các loại sách báo đó trên phạm vi rộng, trong điều kiện rất khó khăn về tài chính và sự cấm đoán của kẻ thù.

Đồng chí Nguyễn Thượng Cát đã lược dịch cuốn *Tư bản luận* in được tập I, II, III khoảng 4.000 bản. Đồng chí còn viết nhiều bài tiểu luận đăng trên báo *Hồn trẻ*. Không có tiền in, đồng chí đã vận động Lý Trần Căn là quần chúng cách mạng, chủ hiệu tạp hóa Việt Dân⁽¹⁾ bỏ tiền ra in và phát hành. Tại đây hiệu tạp hóa Việt Dân có thêm một tên nữa là Nhà xuất bản Việt Dân. Để in được *Tư bản luận*, chủ hiệu kiêm chủ Nhà xuất bản Lý Trần Căn phải giao dịch với nhà in Mới ở 58 Hàng Đậu (Hà Nội) đặt in; khi đem sách đi nộp lưu chiểu thường

(1) Hiệu tạp hóa Việt Dân ở đầu chợ Trấn bây giờ.

phải đút lót cho sở Báo chí rồi đóng gói gửi đi luôn. Nhờ vậy dịch dù có muốn cấm cũng không kịp, vì sách đã tung ra rồi. Điều không ngờ nữa là các tập I, II, III của cuốn sách được in ra bán rất chạy, không chỉ trong tỉnh mà còn ở nhiều nơi khác như Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Lạt, Huế.

Đồng chí Nguyễn Đức Quý với bút danh là An Dương, đã dịch bài thứ tư trong cuốn *Trường sơ học của Đảng Cộng sản Pháp*, biên soạn cuốn *Tổ chức vô sản* với "27 trang lên án chế độ tư bản, trình bày chủ trương của Đảng Cộng sản và nhiệm vụ của Đảng trước và sau khi nắm chính quyền" ⁽¹⁾; "Tác giả đã kêu gọi nông dân, công nhân, tiểu tư sản thanh niên và binh sĩ, khuyên làm cách mạng xã hội và xóa bỏ chế độ hiện thời" ⁽²⁾.

Đồng chí Đỗ Đình Phát với bút danh Đỗ Thị Bích Liên còn viết cuốn *Tự do và bình đẳng*. Ngoài ra còn nhiều cuốn khác như *Gót sắt*, *Thơ mới* cũng được phát hành trong thời gian này. Bọn dịch tức tối nhưng trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ nên chúng chỉ dung dọ nơi xuất bản và phát hành, khám nhà xuất bản Việt Dân nhưng không thu được kết quả gì. Sau chúng ra lệnh cấm, do đó một số cuốn *Tư bản luận* (tập IV, V, VI, VII), *Tương lai xã hội đi về đâu* và cuốn tiểu thuyết dài *Một người giác ngộ* đã viết và dịch xong, không in tiếp được.

Các tổ chức quần chúng được xây dựng từ thời kỳ thoái trào đến giai đoạn này phát triển rầm rộ trên một diện rộng. Hình thức phổ biến nhất là các hội *Hiếu*, hội *Tập thiện*, hội *Giáp mới*, hội *Tương tế* ở Hưng Công, Cổ Viễn (Bình Lục); Lưu Xá, Phù Đê, Thụy Sơn, Khả Phong, Thụy Lôì, Thọ Cầu (Kim Bảng) và một số nơi ở Thanh

(1), (2) Tờ trình số 449/S của Chánh Sở Mật thám Bắc Kỳ Puyđôn gửi Thống sứ Bắc Kỳ.

Liêm, Duy Tiên. Tại Kim Bảng còn có hội *Bóng da* để tập hợp thanh niên. Ở Khả Phong (Kim Bảng) có hội *Su tử thu hút* khoảng 30 người tham gia, tập múa, tập võ, tập gậy. Ở Phú Lý có hội *Chấn hưng công nghệ* do bọn tư sản đặt ra, nhưng chỉ bộ Phú Lý đã đưa đồng chí Nguyễn Bá Ương vào nhận khoán và tập hợp quần chúng vào làm ở cơ sở thêu vừa giải quyết việc làm vừa làm nơi liên lạc của Đảng. Lớp truyền bá Quốc ngữ được mở ở Đọi Sơn (Duy Tiên), Phù Đê (Kim Bảng) và thị xã Phú Lý. Đặc biệt hội *Ái Hữu hương sư* cũng đã thu hút hầu hết hương sư, tổng sư trong tỉnh. Hội này trong khi chờ Tuần phủ duyệt giấy phép vẫn hoạt động, vận động đấu tranh đòi cải tổ chế độ lương bổng. Kết quả bọn Pháp phải bỏ chế độ cấp lương bằng ruộng thay bằng tiền. Bọn hương lý hàng năm phải nộp tiền về tỉnh để phát cho hương sư hàng tháng.

Tổ chức quần chúng ngày càng phát triển, tạo điều kiện cho việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của Đảng ngày càng sâu rộng. Quần chúng cách mạng hiểu thấm thía nỗi khổ nhục của người mất nước, chỉ còn con đường đấu tranh mới có thể giành được cơm no, áo ấm, tự do, bình đẳng. Do đó, nhân dân Hà Nam tích cực tham gia phong trào đấu tranh chống phụ thu lạm bổ, chống quan lại, cường hào tham nhũng, chèn ép dân lành. Nhân dân Lũng Xuyên (Duy Tiên) đấu tranh đòi bỏ một số lệ tục phong kiến như: *Lệ Khai hạ*, *lễ Tư văn*, lấy ra được 7 mẫu ruộng Tư văn. Sau đó đồng chí Bùi Xuân Lan lãnh đạo nhân dân làm đơn kiện tên Chánh tổng Yểng về việc bắt Lũng Xuyên nộp 8 mẫu ruộng cho hàng tổng đã giành thắng lợi. Nhân dân xã Khả Phong (Kim Bảng) buộc bọn thống trị phải xử tù lý trưởng Lương

về tội thu thuế nặng và kìm kẹp dã man người thiếu thuế. Tên Nguyễn Ước Lễ, tri huyện Kim Bảng có nhiều hành động tham nhũng biến thủ tiên dân đóng góp làm guồng nước chống hạn, bao che tội lỗi của cấp dưới, bị nhân dân vạch mặt trên báo *Bạn Dân* kiện lên phủ Thống sứ, khiến Saten phải về xem xét tại chỗ. Sau đó, Nguyễn Ước Lễ bị chuyển đi nơi khác.

Tháng 3-1939, thực dân Pháp bắt nhân dân hai tổng Đồng Thủy và Cao Đà đắp đê Phương Trà, nhưng tri huyện thông đồng với chủ thầu bớt xén, chậm thanh toán tiền công. Đồng chí Trần Doãn Sách, Trần Văn Hương, Trần Trọng Thảo lãnh đạo quần chúng chống bớt xén và phải trả tiền công ngay khi làm xong, buộc bọn chúng thực hiện yêu sách của nhân dân.

Ngoài việc lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế, các đảng viên còn tổ chức các cuộc mít tinh, để tập hợp quần chúng nghe đảng viên nói chuyện thời sự, vạch trần những âm mưu tội ác của bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng. Trong năm 1938, cả tỉnh đã tổ chức được trên 10 cuộc mít tinh ở chợ Bầu (thị xã Phủ Lý); núi An Thái (Thanh Liêm); núi Bàn Cờ, Đồng Sóc (Kim Bảng); chợ Nội, đồng Voi Phục (Bình Lục), có cuộc thu hút tới 200 người như cuộc mít tinh ở chùa Đọi (Duy Tiên). Hầu hết các cuộc mít tinh đều có nội dung lên án đế quốc phong kiến, hướng quần chúng tham gia vào những cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống áp bức bóc lột, phối hợp với phong trào chung của toàn quốc.

Nhân ngày 1-5-1938, Đảng đã thông qua các báo chí công khai để huy động quần chúng tổ chức một cuộc mít tinh ở nhà Đẩu Xảo (Hà Nội) nhằm ủng hộ Mặt trận

Nhân dân Pháp, phản đối bọn phản động thuộc địa, đòi tự do dân chủ và yêu cầu phòng thủ Đông Dương. Các tổ chức Đảng và quần chúng ở Hà Nam đã cử một đoàn đông tới 500 người đi dự, đông nhất là đại biểu các huyện Kim Bảng, Lý Nhân, Duy Tiên. Phong trào đòi quyền dân chủ do Đảng lãnh đạo phát triển sôi nổi. Để đối phó, thực dân Pháp lập ra cái gọi là *Viện dân biểu* với chiêu bài là đại diện cho tiếng nói của dân, bênh vực cho quyền lợi của dân và bày ra trò bầu cử *Nghị viện dân biểu* mà thực chất chỉ là dân chủ giả hiệu, lừa bịp quần chúng, tuyển lựa những nghị gât vào *Viện dân biểu* để gât đầu, chấp nhận những chính sách thực dân mà chúng tiếp tục ban ra.

Tỉnh ủy Hà Nam nhận rõ thủ đoạn của chúng, nhưng thấy đây cũng là dịp để công khai tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, tranh thủ quần chúng nên chủ trương đưa đảng viên ra ứng cử. Đồng chí Nguyễn Bá Ưng, đảng viên Chi bộ Hưng Công (Bình Lục) được Tỉnh ủy nhất trí đưa ra tranh cử. Bằng các hình thức hợp pháp để vận động bầu cử như đặt trụ sở của ứng cử viên, tại hiệu đồng hồ Vinh Long của đồng chí Đắc ở thị xã Phủ Lý, thành lập ban vận động bầu cử và sử dụng nhiều hình thức vận động như rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, trưng áp phích ở khắp nơi trong tỉnh, viết bài tuyên truyền đăng báo công khai, tập trung từng đoàn xe đạp về các huyện để cổ động, tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa ứng cử viên và cử tri.

Các khẩu hiệu vận động tranh cử rất phù hợp nguyện vọng của nhiều tầng lớp nhân dân như đòi tự do dân chủ, chống sưu cao thuế nặng, chống cường hào bóc lột, chống âm mưu Nhật toan chiếm Đông Dương và bỏ phiếu cho đại biểu những người lao động đứng về phía bình dân bênh vực quyền lợi cho nhân dân lao động.

Mặc dù đối lập với Phạm Quang Vọng, Phan Trần Trúc, Nguyễn Giang là ba tên tư sản kiêm địa chủ cấu kết tung tiền mua chuộc cử tri và dồn phiếu cho nhau, nhưng nhờ sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng bộ, làm tốt công tác tuyên truyền nên đồng chí Nguyễn Bá Ưng đã giành được gần 200 phiếu trong tổng số 500 phiếu bầu. Tuy không trúng cử, nhưng Đảng bộ vẫn đánh giá đây là thắng lợi, vì qua cuộc vận động tranh cử đã mở ra một đợt tuyên truyền rộng lớn và sôi nổi trong toàn tỉnh, phát động được đông đảo quần chúng hưởng ứng phong trào vận động dân chủ làm cho mọi người tăng thêm lòng yêu nước, mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong đông đảo các tầng lớp nhân dân, thu hút quần chúng đi theo Đảng bước vào cuộc đấu tranh mới.

Nhân dịp phái viên của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp là Guyxtanh Gôđa sang điều tra tình hình Đông Dương đến Hà Nội vào đầu 1937, khắp nơi dấy lên phong trào đưa Dân nguyện tới nhà cầm quyền. Đảng bộ Hà Nam kịp thời hướng dẫn các cơ sở Đảng lãnh đạo quần chúng làm những bản Dân nguyện; công khai vạch trần sự áp bức bóc lột của quan lại cường hào, yêu cầu cải thiện các chế độ đóng góp, sưu thuế, giải quyết công ăn việc làm hoặc chống việc bắt dân uống rượu Phôngten. Phong trào phát triển tương đối rộng khắp các vùng Phù Đê, Đức Mộ, Cao Mật, An Đông, Cát Nguyên, Khả Phong, Lưu Xá, Gốm, Thụy Sơn (Kim Bảng); Lý Nhân, Phú Cốc, Đông Tây Trữ, Duyên Hà, Thanh Nga, Đông Thủy (Lý Nhân). Ở Bình Lục, một số đồng chí đảng viên bị địch quản thúc ⁽¹⁾ đã làm đơn

(1) Đồng chí Cán ở chi bộ Hưng Công, đồng chí Thế ở chi bộ Ngọc Lũ, đồng chí Tâm ở chi bộ Đồng Du...

gửi Gôđa yêu cầu Chính phủ Pháp can thiệp trả lại công quyền cho những người bị quản thúc. Kết quả là chính quyền tay sai của địch đã phải công bố hủy bỏ chế độ quản thúc và trả lại tự do cho các đồng chí đó. Ở Lý Nhân, đồng chí Trần Doãn Sách đã vận động được hơn 200 người ký vào bản Dân nguyện và trực tiếp mang lên Hà Nội, để trao cho Gôđa, nhưng bị nhà cầm quyền cản trở không cho gặp và bắt giam một thời gian sau phải trả tự do.

Thời kỳ Mặt trận Dân chủ, các hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp phát triển phong phú trong tuyên truyền cũng như trong tổ chức đấu tranh, chứng tỏ sự chỉ đạo linh hoạt của Đảng bộ Hà Nam, phù hợp với tình hình thực tế giai đoạn 1936 - 1939. Trước sự phát triển của phong trào yêu nước ngày càng rộng và mạnh mẽ, thực dân Pháp tìm mọi cách triệt phá. Chúng ngầm ngầm khám xét, đe dọa, dụ dỗ các đồng chí làm công tác xuất bản, viết sách báo, cho lính khố xanh vũ trang kéo về tuần tiễu các làng quê để uy hiếp tinh thần quần chúng.

Cuối 1938, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đổ, Chính phủ phản động do Đờ Ladiê làm Thủ tướng lên cầm quyền, tiếp tục thi hành chính sách khủng bố đàn áp phong trào cách mạng ở Đông Dương. Chúng xóa bỏ những quyền lợi dân chủ mà chúng ta đã giành được trước đây. Những vụ vây ráp bắt bớ ngày càng trở nên ráo riết. Trung ương Đảng đã kịp thời đề ra chủ trương rút toàn bộ cơ quan hoạt động công khai của Đảng vào bí mật. Chấp hành sự chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ Hà Nam đã hướng vào hoạt động bí mật, nhưng do trước đây ít chú trọng xây dựng các cơ sở bí mật, trong thời điểm cao trào đảng viên hầu hết bị lộ do hoạt động công khai, cho nên Đảng bộ cũng bị thiệt hại về lực lượng, nhiều đảng viên bị bắt.

Thời kỳ (1930 - 1939) là thời kỳ đấu tranh không mệt mỏi của đảng viên, quần chúng cách mạng và nhân dân Hà Nam để giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, phát triển lực lượng và phong trào cách mạng trong tình có lúc lắng xuống, có lúc bùng lên mãnh liệt, nhưng trong hoàn cảnh nào, các chiến sỹ cộng sản Hà Nam vẫn luôn phát huy vai trò xung kích của người đảng viên Cộng sản làm nòng cốt cho phong trào cách mạng, đẩy phong trào phát triển theo xu thế cách mạng chung cả nước.

Mặc dù thực dân Pháp dùng nhiều phương kế hòng dập tắt phong trào, song Đảng bộ Hà Nam luôn vận dụng đúng đắn và có sáng tạo đường lối của Trung ương Đảng; kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền giác ngộ, thu hút quần chúng, xây dựng lực lượng, lãnh đạo đấu tranh phù hợp với từng hoàn cảnh, giành được những thắng lợi bước đầu; duy trì sự lãnh đạo của Đảng bộ và phong trào cách mạng của quần chúng ngày càng phát triển làm cho kẻ thù liên tục đối phó.

Những thắng lợi này tập dượt cho quần chúng phương pháp đấu tranh chính trị, củng cố niềm tin cho đảng viên và quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng, làm nền tảng tư tưởng cho giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Tuy nhiên trong thời kỳ này sự lãnh đạo của Đảng bộ cũng còn bộc lộ một số nhược điểm. Việc chỉ đạo của Ban Tỉnh ủy có lúc chưa sâu sát, còn tình trạng có địa phương đấu tranh không có sự chỉ đạo của trên; phong trào chỉ phát triển mạnh ở những nơi có chi bộ Đảng. Vùng đồn điền là vùng trắng từ thời kỳ trước đến thời kỳ này vẫn không được chú ý. Trong lãnh đạo đấu tranh còn có tư tưởng chủ quan, công khai hết lực lượng, không xây dựng được cơ sở bí mật phòng khi tình thế thay đổi. Khi các cơ sở hợp pháp giải tán, nhiều đảng viên và quần chúng cốt cán không chuyển kịp để duy trì sinh hoạt và tiếp tục hoạt động.

CHƯƠNG III
CHUẨN BỊ VÀ TIẾN TỚI
GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG
(9-1939 — 8-1945)

I - CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC
(9-1939 — 3-1945)

Tháng 9 năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, Pháp là một trong những nước tham chiến, nên nhân dân Việt Nam cũng bị đẩy vào vòng khói lửa như các nước thuộc địa khác.

Để phục vụ cho cuộc chiến tranh ở chính quốc, thực dân Pháp đã ban hành sắc lệnh thời chiến, công bố lệnh tổng động viên ở Việt Nam, đàn áp dã man phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, ra sức bắt người, cướp của tại chỗ để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc của chúng.

Trước diễn biến của tình hình chung đó, nhân dân Hà Nam vốn đã cực khổ, nay càng cực khổ hơn. Từ đầu năm 1939, Công sứ Pháp ở Hà Nam đã cho binh lính và mật thám, chỉ điểm về các làng, xã, các huyện, kết hợp với bọn hào lý, liên tiếp mở các cuộc lùng bắt cán bộ, đảng viên và những quần chúng yêu nước, nhằm triệt phá các cơ sở cách mạng của Đảng. Chúng ráo riết bắt lính đẩy thanh niên đi làm bia đỡ đạn ở các chiến trường của Pháp. Sản xuất nông nghiệp đình trệ (từ tổng sản lượng 89.988 tấn năm 1938 giảm xuống 72.485 tấn năm 1939).

Chúng tăng mọi thứ thuế, cưỡng bức nhân dân mua vé xổ số, quốc trái, thu vét lương thực bằng mọi cách. Công nhân viên chức phải làm tăng giờ, tiền lương bị cắt giảm. Nạn lạm phát, đầu cơ, làm cho đời sống của nhân dân ngày thêm điêu đứng. Quyền làm chủ tối thiểu của nhân dân đã giành được trong thời kỳ Mặt trận Bình dân cũng bị xóa bỏ, các tổ chức hợp pháp của nhân dân lao động bị giải tán.

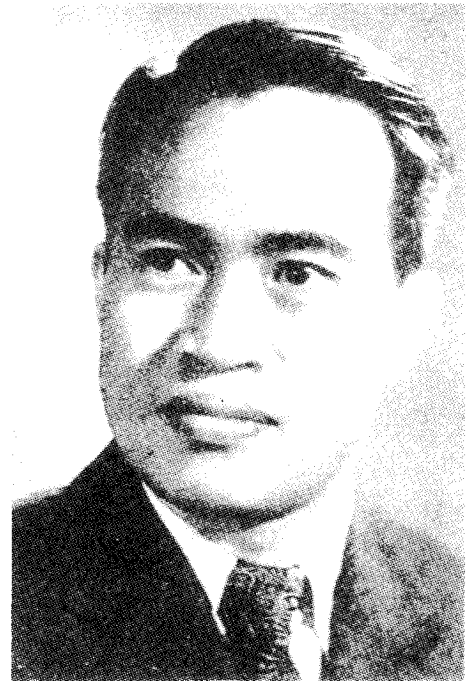
Thực dân Pháp ra lệnh cấm lưu hành, đọc sách báo tiến bộ như cuốn *Tổ chức vô sản*, *Tư bản luận*, *Chủ nghĩa cộng sản nhập môn*. Lệnh cấm được ban hành, các đảng viên và quần chúng cách mạng đã kịp thời cất giấu các loại sách báo tiến bộ. Trong thời gian dài hoạt động công khai, diện phát hành rộng, chúng không thể có đủ sức để đi khám từng nhà, vì thế mà phong trào đọc sách báo, các nhóm đọc sách báo, các hội quần chúng tuy có bị hạn chế nhưng vẫn tiếp tục tồn tại, làm cho bọn đế quốc và tay sai càng thêm tức tối.

Bọn cầm quyền thực dân từ công sứ đến cầm cò ở Hà Nam như Đờ Perora, Buyntô đã tăng cường cho lính lùng sục, khám nhà, bắt các đồng chí bị quản thúc ra trình diện, đưa đi an trí hoặc đuổi việc.

Trong đợt thanh trừng, khám xét này, đồng chí Dốc đang làm việc ở Sở Cảnh sát bị thôi việc. Tên Cầm hai lần cho lính đến khám cửa hiệu Vĩnh Long, nhưng chủ hiệu đã kịp thời thu sách báo, ban đêm cho người bơi qua sông sang thôn Hòa Lạc gửi, đợi tình hình ổn định mới đem về. Cuối năm 1939, tên Cầm lại bí mật, bắt ngờ cho lính đến khám và tịch thu hết sách báo ở hiệu sách Vĩnh Long; khám và bắt đồng chí Lý Trần Căn chủ hiệu sách Việt Dân. Chúng đày đồng chí Nguyễn Thượng Cát (Hồ Xanh) lên Hà Giang với danh nghĩa thuyền chèo



Đồng chí TRẦN TỬ BÌNH
Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam
tháng 11-1939 - 1940



Đồng chí LÊ THÀNH
Trưởng ban Cán sự Đảng
tỉnh Hà Nam tháng 4-1945

công tác. Phát hiện được chỗ ở của đồng chí Nguyễn Đức Quý, tên đội Toàn cho lính đến bắt, nhưng đồng chí đã trốn thoát. Vì tình hình hoạt động bị lộ, đồng chí Nguyễn Đức Quý đã báo cáo Xứ ủy Bắc Kỳ, được đồng chí Hoàng Văn Thụ cho chuyển đi hoạt động ở địa bàn khác. Phong trào tỉnh Hà Nam được bàn giao cho đồng chí Trần Tử Bình ⁽¹⁾.

Ở Kim Bảng, bọn cường hào gian ác cùng với mật thám chỉ điểm rình mò, lùng sục, khám xét tất cả các làng có cơ sở cách mạng. Có đêm, chúng vây càn hai đợt. Tại Cao Mật từ ngày 3 đến ngày 9-2-1940, chúng mở luôn 4 đợt vây ráp. Các vụ bắt bớ liên tiếp xảy ra ở các làng Đức Mộ, Cao Mật, Phù Đê, Quyển Sơn, Văn Chu... Địch còn bắt đồng chí Lê Hồ đưa đi an trí ở trại tập trung.

Mặc dù bị kẻ thù đánh phá, bắt bớ khốc liệt nhưng các cơ sở Đảng vẫn một lòng bảo vệ cán bộ. Đêm 3-2-1940, khi địch quây càn ở làng Cao Mật thì đồng chí Bí thư liên Tỉnh ủy C cùng đồng chí Bí thư Huyện ủy Bình Lục và một đồng chí phụ trách nhà in của Xứ ủy Bắc Kỳ vừa thoát khỏi vòng vây của địch ở Cổ Viễn (Bình Lục), về đây đã được đảng viên và quần chúng cách mạng ở hai làng Cao Mật, Khang Thái che chở, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Cuối năm 1939 một đồng chí cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ được cử về phụ trách phong trào Hà Nam đang làm việc ở Nhật Tân. Đánh hơi thấy có người lạ mặt ở thôn Lưu Xá (Nhật Tân), ngày 15 tháng 2 năm 1940, tri huyện Kim Bảng đã cho lính xộc ngay về khám xét một số gia đình cách mạng, nhưng cán bộ Xứ ủy vẫn an toàn trong

(1) Đồng chí Trần Tử Bình quê ở Tiêu Động Thượng (Bình Lục).

tình thương yêu, đùm bọc của nhân dân. Ngay tối hôm đó, đồng chí đã tổ chức cuộc mít tinh ở miếu Thần Chanh để ổn định tư tưởng, củng cố tinh thần cho quần chúng.

Tại Bình Lục, chúng bắt nhiều đảng viên thuộc Chi bộ Hưng Công, Sơ Lâm. Ở Lý Nhân tên tri huyện đưa lính về bắt 300 thanh niên ở 4 làng Đồng Vũ, Đồng Lâu, Quan Nhân và Thọ Lão để kiểm diện và đe dọa.

Thực hiện chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6, cuối mùa đông năm 1939 Tỉnh ủy Hà Nam đã họp mở rộng tới các đại biểu huyện, thị xã ở Cổ Viễn (Bình Lục), bàn việc chuyển hướng tổ chức và lãnh đạo đấu tranh trong thời kỳ mới, truyền đạt những nội dung cụ thể về củng cố cơ sở Đảng, thành lập Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế, phương hướng củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng. Trong Hội nghị này, các đại biểu đã nghiên cứu bản thông báo về *Con đường chính trị hiện thời* của Trung ương Đảng đề ra ngày 29-9-1939 và tài liệu *Liên Xô luôn trung thành với hòa bình* của Xứ ủy Bắc Kỳ. Hội nghị đã kiện toàn Ban Tỉnh ủy mới, cử đồng chí Trần Tử Bình làm Bí thư.

Sau Hội nghị Cổ Viễn, phong trào cách mạng trong tỉnh có nhiều chuyển biến, các cán bộ và các chi bộ đều rút vào hoạt động bí mật, các tổ chức quần chúng hợp pháp trong thời kỳ 1936 - 1939 được chuyển sang các tổ chức phản đế. Nội dung và hình thức hoạt động của các tổ chức này cũng thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Nguyên tắc hoạt động bí mật được đảm bảo triệt để.

Trong điều kiện hoạt động mới có nhiều khó khăn, để tạo chỗ dựa vững chắc cho phong trào quần chúng, đầu

năm 1940, Đảng bộ tỉnh đã thành lập Đoàn Thanh niên Phản đế có phương thức hoạt động phong phú, thu hút nhiều thanh niên ở thị xã, các đoàn viên Thanh niên Dân chủ, các hội viên trong các tổ chức quần chúng ở nông thôn được lựa chọn chuyển sang Thanh niên Phản đế; vì thế tổ chức Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Hà Nam ngày càng được phát triển mạnh. Trên nền tảng các cơ sở bí mật trong tỉnh, Tỉnh ủy còn xây dựng và phát triển các tổ chức quần chúng phản đế ở những nơi có cơ sở Đảng thuộc các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm, Bình Lục và thị xã Phủ Lý. Nhiều cơ sở cách mạng đã trở nên vững vàng, nhất là ở các thôn Cổ Viễn, Hưng Công (Bình Lục); An Khoái, Văn Quán (Thanh Liêm). Những cơ sở đó còn là nơi Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy C đặt cơ quan ấn loát, giao thông, binh vận; mở các lớp huấn luyện quân sự. Gia đình đồng chí Quyền ở Cổ Viễn là trụ sở của cơ quan in ấn, phát hành báo *Cờ giải phóng* của Xứ ủy Bắc Kỳ.

Tùy điều kiện ở từng nơi, các đoàn thể cứu quốc đã tiến hành nhiều cuộc tuyên truyền vận động cách mạng như treo cờ Đảng nhân ngày Quốc tế Lao động 1-5-1940 trên cây gạo ở cổng Yên Phú, cây sưa ở Ba Hàng; rải truyền đơn ở nhiều nơi trong huyện Kim Bảng để kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Dân tộc Thống nhất chống đế quốc và phong kiến.

Hoạt động binh vận, địch vận cũng được chú ý. Riêng thị xã Phủ Lý tổ chức phản đế đã xây dựng được cơ sở trong hàng ngũ lính khố xanh, khố đỏ, tuần phủ, công chức, dưới các hình thức khác nhau mà kẻ địch khó ngờ tới như *Nhóm chơi họ, Nhóm đọc báo...*

Tháng 6-1940, Đức tấn công nước Pháp, Chính phủ Pháp đầu hàng, Phát xít Nhật nhân cơ hội đó xâm lược

Đông Dương. Để chuẩn bị cho chiến tranh, Nhật tạm hòa hoãn với Pháp cùng nhau xâm chiếm Việt Nam. Trước cảnh áp bức bóc lột của hai tên cướp nước, nhân dân ta liên tiếp nổi dậy. Tiếng súng vũ trang khởi nghĩa từ Bắc Sơn (23-9-1940) chưa dứt thì nhân dân Nam Kỳ cũng gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa.

Tiếng súng Bắc Sơn báo hiệu thời kỳ đấu tranh vũ trang đã đến. Tỉnh ủy Hà Nam chủ trương đẩy mạnh đấu tranh phối hợp với phong trào chung toàn quốc và gấp rút chuẩn bị điều kiện tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền⁽¹⁾. Chủ trương quan trọng trên được bàn thống nhất trong Hội nghị Tỉnh ủy tháng 10-1940 tại Cổ Viễn (Bình Lục) do đồng chí Trần Tử Bình chủ trì. Sau Hội nghị các đồng chí Tỉnh ủy viên trực tiếp truyền đạt tinh thần và nội dung kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa đến cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên. Bình Lục là nơi có cơ sở Đảng và cơ sở quần chúng mạnh nên được Tỉnh ủy chọn làm căn cứ chuẩn bị khởi nghĩa, đồng chí Trần Tử Bình về Hưng Công để chỉ đạo phong trào.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy Bắc Kỳ và Liên Tỉnh ủy C, phong trào chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra rất sôi nổi. Xứ ủy đã cung cấp cho tỉnh một số mìn để phá cầu cống xung yếu trên đường số 1 và đường 21.

Từ tháng 10-1940 đến tháng 1-1941 các chi bộ Đảng trong huyện Bình Lục đã liên tiếp tổ chức các cuộc treo cờ Đảng, rải truyền đơn, kẻ khẩu hiệu, dán áp phích trên đường 21 A và những nơi đông người : Bến đò, bãi chợ, trường học... nhằm tố cáo chính sách cướp bóc, khủng

(1) Có ý kiến cho rằng chủ trương này do một đồng chí Xứ ủy viên truyền đạt. Tỉnh ủy Hà Nam thi hành.

bố dā man của thực dân Pháp và phát xít Nhật, kêu gọi quần chúng đứng lên đánh Pháp, đuổi Nhật, ủng hộ phong trào Bắc Sơn, Nam Kỳ.

Đi đôi với công tác tuyên truyền là tăng cường củng cố phát triển cơ sở Đảng và các đoàn thể quần chúng, vì thế nhiều cuộc đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, chống nhổ lúa, phá hoa màu để trồng đay, trồng thầu dầu của Nhật đã diễn ra liên tiếp ở các xã Ngọc Lũ, Bồ Đề, Hưng Công, Vụ Bản, An Ninh, Mỹ Thọ, Đồng Du...

Lực lượng tự vệ được thành lập. Các lớp huấn luyện quân sự được tổ chức ở An Lão, Tiêu Động, Cổ Viên. Đồng Du do các đồng chí Hoàng Quốc Việt và Nguyễn Thị Hưng hướng dẫn. Phong trào quyên góp sắt rèn vũ khí thô sơ được tổ chức rộng rãi. Khí thế chuẩn bị khởi nghĩa làm cho quần chúng rất phấn khởi, nhất là ở khu trung tâm chỉ đạo chuẩn bị khởi nghĩa ở Hưng Công, Cổ Viên, lại càng nhộn nhịp. Ban đêm cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng được phân công mỗi người mỗi việc. Nơi thì tổ chức các cuộc họp để nghiên cứu tài liệu về du kích Bắc Sơn, chỗ thì luyện tập võ thuật, quần chúng nóng lòng chờ lệnh khởi nghĩa.

Cũng trong tháng 10-1940, Kim Bảng đã tổ chức Hội nghị cán bộ ở xã Thụy Lôi để nghiên cứu chủ trương đẩy mạnh đấu tranh hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và gấp rút chuẩn bị điều kiện tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến. Hội nghị đã quyết định :

- Xúc tiến việc xây dựng các tổ chức tự vệ và sắm sửa vũ khí thô sơ ở những nơi có phong trào khá.

- Đẩy mạnh việc phục hồi và phát triển các tổ chức quần chúng từ thấp đến cao.

- Lấy việc treo cờ, rải truyền đơn ở những nơi tập trung đông người và dọc đường giao thông làm hình thức tuyên truyền, cổ động rộng rãi.

Sau Hội nghị, phong trào cách mạng trong huyện Kim Bảng có nhiều chuyển biến mới. Quân chủng cách mạng ở Khả Phong đã sắm gậy, rèn đao, kiếm ; tự vệ ở thôn Phương Đàn tập luyện võ thuật, các cuộc mít tinh nhỏ, chớp nhoáng được tổ chức, nhiều nơi trong huyện đã tiến hành rải truyền đơn, kẻ khẩu hiệu kêu gọi ủng hộ Bắc Sơn diễn ra sôi nổi.

Cuối năm 1940, qua kinh nghiệm rút ra từ những bài học Bắc Sơn, Nam Kỳ khởi nghĩa, Tỉnh ủy nhận định tình hình khách quan chưa thuận lợi. Về chủ quan, lực lượng cách mạng phát triển chưa đều, việc chuẩn bị khởi nghĩa mới chỉ trong phạm vi hẹp. Để tránh tổn thất cho phong trào, được sự đồng ý của Xứ ủy, Tỉnh ủy đã quyết định hoãn kế hoạch khởi nghĩa và tập trung vào các hình thức đấu tranh khác.

Mặc dù Tỉnh ủy đã kịp thời Chỉ thị hoãn mọi kế hoạch khởi nghĩa, xóa bỏ các dấu vết trong quá trình chuẩn bị. Nhưng do thiếu cảnh giác, nên bọn mật thám, chỉ điểm bị đã đánh hơi thấy. Vì vậy từ 23 đến 26-1-1941, Công sứ Hà Nam cùng với Tri huyện Bình Lục đã trực tiếp chỉ huy binh lính, mật thám mở các cuộc càn quét lớn vào các xã Cổ Viễn, Hưng Công, Ngọc Lũ, Đồng Du, Bồ Đề, Vụ Bản, nhằm triệt phá các cơ sở cách mạng với khẩu hiệu : “Chặt đầu, phá tổ, nhổ rễ”⁽¹⁾.

(1) Chặt đầu là bắn giết cán bộ, đảng viên, phá tổ là làm tan tác các tổ chức của ta, nhổ rễ là bắt những cơ sở quần chúng nuôi dưỡng cán bộ.

Trong đợt khủng bố, cần quét chà đi xát lại, địch đã bắt gần 200 người, gồm nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng và một số dân làm nghề rèn, tạo ra không khí ngột ngạt, căng thẳng, nhất là ở các xã gần trung tâm chỉ đạo chuẩn bị khởi nghĩa. Ngày 10-2-1941, chúng tiếp tục đưa đi an trí 7 người, trong đó có 3 đồng chí Tỉnh ủy viên và 3 đảng viên, Ban Tỉnh ủy Hà Nam chỉ còn lại đồng chí Trần Tử Bình ⁽¹⁾.

Từ ngày 23-11-1940 đến ngày 3-2-1941 tên Tri huyện Kim Bằng đã cho lính lùng sục, khám xét ở Văn Chu, Quyển Sơn, Phù Đê, Đức Mộ. Các đảng viên và quần chúng cách mạng đã rút vào hoạt động bí mật, cho nên chúng chỉ bắt được một đồng chí đang bị quản thúc, một đảng viên và hai quần chúng cách mạng đem giam ở ngục thất Phủ Lý, sau một thời gian không có chứng cứ để buộc tội, địch phải trả tự do.

Tuy bị địch khủng bố ráo riết như vậy, nhưng kẻ thù không thể nào khuất phục nổi tinh thần cách mạng bền bỉ của Đảng bộ và nhân dân Hà Nam. Nhiều cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng ở các huyện Kim Bằng, Thanh Liêm, Duy Tiên vẫn phát triển mạnh nên cơ quan lãnh đạo của Xứ ủy vẫn hoạt động để lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Đặc biệt là ở Cổ Viễn cơ quan in báo *Cờ giải phóng* của Xứ ủy vẫn tồn tại và hoạt động trong sự che chở của nhân dân.

Trong nhà tù đế quốc, cuộc đấu tranh đối mặt với kẻ thù diễn ra từng ngày, từng giờ quyết liệt. Đại bộ phận đảng viên và quần chúng cách mạng, mặc dù bị địch dùng

(1) Đồng chí Trần Tử Bình năm 1941 được cử vào Xứ ủy Bắc Kỳ. Đầu năm 1942 là Xứ ủy viên trực tiếp làm Bí thư Liên Tỉnh ủy C.

mọi cực hình tra tấn, vẫn tỏ rõ tinh thần anh dũng bất khuất, giữ vững khí tiết; chi bộ Đảng được thành lập để lãnh đạo phong trào. Nhiều cuộc đấu tranh đòi cải thiện đời sống vẫn nổ ra. Những lớp học chính trị, văn hóa, những buổi sinh hoạt văn nghệ được tổ chức để nâng cao trình độ, tinh thần lạc quan cách mạng và tình hữu ái giữa cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng.

Trong cùng thời gian Tỉnh ủy Hà Nam và Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ đạo chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Bình Lục thì ở Bà Điểm (Hoắc Môn). Xứ ủy Nam Kỳ cũng đang khẩn trương triển khai kế hoạch khởi nghĩa. Trong khí thế nhộn nhịp chuẩn bị băng, khẩu hiệu và biểu ngữ, đồng chí Nguyễn Hữu Tiến phụ trách công tác tuyên truyền của Xứ ủy Nam Kỳ được giao nhiệm vụ vẽ và in Cờ đỏ sao vàng. Đây là lần đầu tiên lá Cờ đỏ sao vàng tung bay dẫn đường cho đoàn quân cách mạng, hình tượng lá cờ Tổ quốc mãi mãi gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của người chiến sỹ Cộng sản kiên cường, người con của mảnh đất Hà Nam anh hùng.

Trước sự phát triển của tình hình trong nước và quốc tế ngày càng có lợi cho cách mạng, sau gần 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc bí mật trở về nước, chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 tại Pắc Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941 để quyết định những vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam.

Trên cơ sở phân tích một cách sâu sắc tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị đã phát triển và hoàn thiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 và 7 của Trung ương Đảng về vấn đề giải phóng dân tộc, coi đó là nhiệm

vụ bức thiết nhất của Cách mạng Đông Dương, đề ra sách lược mới nhằm tập hợp rộng rãi tầng lớp nhân dân, chia mũi nhọn vào kẻ thù chính của dân tộc là đế quốc Pháp và phát xít Nhật ; thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng và Lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào, đã cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, đáp ứng yêu cầu bức thiết của cách mạng và khát vọng giải phóng dân tộc của nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 được truyền đạt tới địa phương, giúp cho phong trào Hà Nam có sự chuyển biến nhanh chóng. Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy C đã cử đồng chí Lương Văn Đài về trực tiếp chỉ đạo phong trào Hà Nam thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng. Nhờ đó chỉ trong một thời gian ngắn phong trào cách mạng ở địa phương đã được phục hồi và phát triển.

Đầu năm 1941, đồng chí Trần Quyết (Duy Tiên), đã đóng vai người đi bán thuốc cao đan hoàn tán, với mục đích bắt liên lạc với cán bộ để hoạt động. Đồng chí đến các xã Cao Mật, Khang Thái, Đức Mộ (Kim Bảng) đã gặp được đồng chí Lương Văn Đài chỉ dẫn về cách tổ chức, tập hợp quần chúng tại các cơ sở ở Thanh Liêm, Kim Bảng. Ở các địa bàn này đồng chí Trần Quyết còn được giao làm nhiệm vụ liên lạc, đem tài liệu, báo chí bí mật của Đảng về các cơ sở.

Không chỉ tích cực hoạt động gây dựng cơ sở cách mạng, gia đình đồng chí Trần Quyết còn trở thành cơ sở nuôi giấu cán bộ. Đồng chí Lương Văn Đài thường xuyên đưa đồng chí Chính Già, đồng chí Thụy (hai Xứ ủy viên) qua lại nhà đồng chí Trần Quyết. Khi Mặt trận Việt Minh ra đời (5-1941) đồng chí Trần Quyết đã tổ chức các hội Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc đi rải

truyền đơn, dán biểu ngữ giới thiệu Việt Minh, từ ga Đông Văn đến cống Nhật Tựu và treo cờ đỏ sao vàng lên ngọn cây đa làng Chuông (Duy Tiên),

Tháng 12-1941, thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy C, các đảng viên và quần chúng cách mạng trong tỉnh đã treo cờ đỏ sao vàng ở Văn Quán (Thanh Liêm), rải truyền đơn xung quanh huyện lỵ Kim Bảng và những nơi có cơ sở cách mạng trong tỉnh để giới thiệu Mặt trận Việt Minh. Các tổ chức quần chúng được chấn chỉnh lại và chuyển thành các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh.

Cơ sở của Việt Minh đã phát triển đến các thôn Lưu Xá, Cao Mật, Thụy Sơn, Khả Phong, Phương Đình (Kim Bảng); Cổ Viên, Hưng Công (Bình Lục); Bối Kênh, Đoan Vi, Văn Quán (Thanh Liêm); Ngọc Động (Duy Tiên); Mạc Thượng (Lý Nhân) và thị xã Phủ Lý. Tham gia vào Mặt trận ngoài các tầng lớp nhân dân lao động, còn có cả một số phú nông, tiểu chủ là con các địa chủ.

Đầu năm 1942 đồng chí Lê Thành (Nguyễn Trọng Đạt) sau khi vượt khỏi nhà giam Thái Bình, được Xứ ủy cử về Hà Nam hoạt động, đã được đồng chí Lương Văn Đài giới thiệu liên lạc với đồng chí Trần Quyết để tiến hành xây dựng Đảng và các tổ chức quần chúng cách mạng.

Đầu năm 1942, chi bộ ghép của hai huyện Duy Tiên và Kim Bảng được thành lập gồm 5 đồng chí. Ở các nơi khác trong tỉnh, nhiều đảng viên đã bắt liên lạc với Đảng. Vừa xây dựng các tổ chức Việt Minh, các đồng chí cán bộ phụ trách tỉnh Hà Nam vừa tiến hành mở các lớp huấn luyện chính trị ngắn ngày ở Khả Phong (Kim Bảng), Ngọc Động (Duy Tiên), Văn Quán, An Khoái (Thanh Liêm) và phổ biến chương trình, điều lệ của Mặt trận Việt Minh.

Để mở rộng ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh đêm 9-3-1942 nhân dịp hội chùa Hương, chi bộ ghép đã phôi

hợp với một số cơ sở Việt Minh ở huyện Mỹ Đức (Hà Đông), bí mật cắm cờ đỏ sao vàng ở bến Đục, dán biểu ngữ, áp phích và rải truyền đơn từ chùa Ngoài vào chùa Trong. Sau đó truyền đơn, áp phích của Mặt trận Việt Minh lại xuất hiện ở làng Chuông, ga Đồng Văn (Duy Tiên), dọc đường 21 (Bình Lục) và nhiều nơi khác trong tỉnh. Mặt trận Việt Minh huyện Kim Bảng còn tổ chức quyên góp được nhiều quần áo, tiền, thuốc, ủng hộ các chiến sỹ Bắc Sơn.

Phong trào cách mạng trong tỉnh đang phục hồi, các cơ sở đang phát triển thì đến đầu tháng 5-1942, cơ quan Liên tỉnh ủy C bị địch phá. Trong đợt khủng bố này, 12 cán bộ, đảng viên ở huyện Kim Bảng, Duy Tiên, thị xã Phủ Lý bị địch bắt. Đồng chí Lê Thành, cán bộ phụ trách Hà Nam sa vào tay địch tại Ngọc Động (Duy Tiên). Đồng chí Trần Tử Bình, Bí thư Liên Tỉnh ủy C lúc đó được phân công phụ trách cả phong trào Hà Nam.

Tuy không còn cơ quan lãnh đạo, nhưng cơ sở cách mạng nhiều nơi trong tỉnh vẫn vững vàng. Các thôn Trung Hiếu, An Khoái, Văn Quán, Đoan Vĩ (Thanh Liêm); Cổ Viễn, Hưng Công, Tiêu Động (Bình Lục); Ngọc Động (Duy Tiên) vẫn được Xứ ủy chọn làm địa điểm liên lạc. Thôn Lác Triều, chùa Lác Nội (Thanh Liêm); chùa Thường Khê (Kim Bảng); Thôn Cổ Viễn (Bình Lục), vẫn là địa điểm làm việc của cơ quan ẩn lốt, mở các lớp huấn luyện quân sự, là nơi đi về, hội họp của Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy C.

Đầu tháng 5-1943 Hội nghị Xứ ủy Bắc Kỳ đang họp tại thôn Cổ Viễn phải chuyển sang họp ở thôn Thừa (Hưng Công - Bình Lục), do sự phản bội của Hồ Sỹ Trừ⁽¹⁾, đang đêm, mật thám đến bao vây Hội nghị. Trong tình thế cực kỳ nguy hiểm, được nhân dân thôn Cổ Viễn và

(1) Xứ ủy viên, được Xứ ủy cử về phụ trách phong trào tỉnh Hà Nam từ đầu năm 1943.

thôn Thừa hết lòng che chở, bảo vệ, nên địch chỉ bắt được đồng chí Phan Trọng Tuệ ⁽¹⁾. Trong đêm đó, địch đã đem lính, mật thám, chỉ điểm về lục soát bắt 17 cán bộ và quần chúng cách mạng ở hai thôn.

Những tháng cuối năm 1943, địch phá an toàn khu của Xứ ủy Bắc Kỳ ở Kim Bảng. Hàng loạt cơ sở cách mạng ở Khang Thái, chùa Đức Mộ, chùa Thường Khê đều bị khám xét. Đêm 23-10-1943, mật thám ập tới ấp Thọ Cầu bắt đồng chí phụ trách nhà in của Xứ ủy Bắc Kỳ vừa chạy về đây tạm trú và 4 quần chúng.

Tháng 12-1943 đồng chí Trần Tử Bình trực tiếp phụ trách phong trào Hà Nam, bị địch bắt trong khi đang công tác ở Thái Bình, phong trào cách mạng tỉnh Hà Nam lại không có cán bộ phụ trách.

Ở các huyện, một số đảng viên bị quản thúc tại địa phương đã tìm cách vượt ra ngoài vòng kiểm soát của địch, bí mật liên lạc với một số cơ sở cách mạng cũ ở Lê Xá, Tường Thụy (Duy Tiên) và tổ chức các nhóm Việt Minh ở An Đê, Ngọc Lũ, Mỹ Thọ, An Thư, Đồng Du (Bình Lục); Ngô Xá (Duy Tiên). Các cơ sở cách mạng ở Phù Đê, Khả Phong, Thụy Lôi, Phương Khê, Do Lễ, Đình Xá (Kim Bảng), cũng dần dần phục hồi và phát triển.

Trong lúc cách mạng đang thiếu người lãnh đạo, cuối năm 1944 đồng chí Lê Quang Tuấn được Xứ ủy cử về phụ trách tỉnh Hà Nam, chấp mối các cơ sở cách mạng trong tỉnh sau những đợt bị địch khủng bố.

Sau khi vượt ngục, đồng chí từ Bắc Ninh qua Phú Thụy, Bần, Yên Nhân, đến thị xã Hưng Yên được đồng chí Lương Hiền (tức Lê Đông) trong Ban Cán sự tỉnh Hưng Yên bố trí đưa qua sông Hồng về Mạc Thượng huyện Lý Nhân (Hà Nam).

(1) Là cán bộ Xứ ủy, trong khi chạy bị vấp ngã.